

**TƯỢNG NIỆM**  
**Giáo Sư PHẠM TRỌNG LỆ (1938-2022)**



Ảnh chụp ngày: 7/21/2022

**Biên soạn:**

**Phan Anh Dũng**

(Rockville, Maryland USA)

**Thực hiện: 31 tháng 7 năm 2022**

Vui lòng gửi thêm tài liệu và ý kiến xây dựng về: [dathphan1@gmail.com](mailto:dathphan1@gmail.com)

# LỜI MỞ ĐẦU

CHÚNG TÔI XIN THÔNG BÁO ĐẾN QUÝ VỊ MỘT TIN BUỒN:

NHÀ BIÊN KHẢO GIÁO SƯ **PHẠM TRỌNG LỆ** ĐÃ ĐỌT NGỌT QUA ĐỜI CHIỀU THỨ SÁU 22 THÁNG 7, 2022 TẠI TỰ GIA Ở VIRGINIA.

GIÁO SƯ PHẠM TRỌNG LỆ LÀ TAY VIẾT CHỦ LỰC VÀ KỶ CỤU CỦA CỔ THƠM, TÍNH TÌNH VUI VẺ, HÒA NHÃ VỚI MỌI NGƯỜI. CÁC BÀI VIẾT CỦA ÔNG ĐƯỢC BIÊN SOẠN RẤT KỸ LƯỜNG VÀ THẬN TRỌNG.

CÁCH ĐÂY VÀI HÔM ÔNG ĐÃ HIỆU ĐÍNH 1 BÀI VỀ THI SĨ NGUYỄN NHƯỘC PHÁP CHO WEBSITE CỔ THƠM:

<https://cothommagazine.com/wp/huyen-thoai-ngay-xua-cua-nguyen-nhuoc-phap/>

TIỂU SỬ CỦA ÔNG:

<https://cothommagazine.com/wp/wp-content/uploads/2021/05/TieuSuPhamTrongLe-2021.pdf>

GS PHẠM TRỌNG LỆ RA ĐI LÀ MỘT MẤT MẮT LỚN CHO CƠ SỞ CỔ THƠM VÀ VĂN HỌC HẢI NGOẠI.

**PHAN ANH DŨNG** - ROCKVILLE, MARYLAND USA



**COTHOM FOUNDATION THÀNH KÍNH PHÂN ƯU**

# CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin đến thân bằng quyến thuộc cùng bạn hữu gần xa:

**Cha, Ông Nội chúng tôi:**



## ÔNG PHẠM TRỌNG LỆ

- Cựu Học Sinh Chu Văn An (Hà Nội), và Nguyễn Trãi, Chu Văn An (Sài Gòn),
- Cựu Giáo Sư trường Trung Học Trịnh Hoài Đức (Bình Dương), Võ Trường Toản (Sài Gòn), và Hội Việt Mỹ (Sài Gòn),
- Cựu Giảng Viên trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn và Đại Học Cộng Đồng Mỹ Tho.
- Fulbright Scholar 1973-1975 tại Hoa Kỳ. Tốt nghiệp MA in American Studies tại Đại Học BGSU, Ohio.
- MA in English, năm 1977 và MS in Library Science, năm 1986 tại Catholic University, Washington, DC.
- Cựu State Law Editor/Analyst và Reference Librarian tại Bureau of National Affairs Inc.
- Cộng tác với đài VOA trong chương trình Anh Ngữ Sinh Động và mục Hỏi Đáp Anh Ngữ.
- Nhà Thơ, Nhà Văn, Dịch Giả, và Biên Khảo Gia cho Cô Thơm Magazine, Washington Post, và các báo Việt Ngữ trong vùng Hoa Thịnh Đốn và California.

**Sinh ngày 5/7/1938, tại Hà Nội, Việt Nam.**

**Đã từ trần vào ngày 22/7/2022, tại Virginia, USA**

**Hưởng thọ 84 tuổi**

**Linh Cữu được quản tại Demaine Funeral Home  
10565 Main St, Fairfax, VA 22030.  
Tel. (703)385-1110**

**CHƯƠNG TRÌNH THĂM VIẾNG**

**Chủ Nhật 31/7/2022, từ 2-6 PM.**

**TANG GIA ĐỒNG KHẮP BÁO**

- Trường Nam: Michael Phạm Kinh Luân và vợ Tatiana Saenz
- Thứ Nam: Tony Phạm Hoàn Vũ
- Cháu nội Đích Tôn: Mathew Phạm Hồng Ân
- Cháu nội: Sophia Tatiana Phạm Thủy Tiên  
Isabella Maria Phạm Bạch-Yến

**CÁO PHÓ NÀY THAY THẾ THIỆP TANG**

**From:** Michael Pham <[mlkpham@yahoo.com](mailto:mlkpham@yahoo.com)> (Son of Mr. Le Pham)

**Sent:** Wednesday, July 27, 2022 at 04:23:07 PM CDT

**Subject: Passing of Le Pham**

Dear Friends and Family,

With deeply saddened heart, we want to let you know that our father, Le, passed away Friday night peacefully in his favorite chair. We are so grateful for the flood of gratitude from those whom Dad had touched during his lifetime. The light of the world dimmed with his passing. In lieu of flowers, please support a charity focused on education (e.g. [Teach for America](#), etc.). Le was an avid life learner, educator and was generous during his time with us and would want us to share in that spirit of generosity. Le lived a life with such richness of spirit that when God called, he didn't hesitate to answer. Now that he's reunited with Mom, may God grant them both eternal life. --- **The Pham and Saenz Family**

Funeral Arrangements: Sunday, July 31st, 2022 @ 2-6pm @ [Demaine Funeral Home in 10565 Main St, Fairfax, VA 22030](#)

Obituaries:

- (english) [Le Pham Obituary - Fairfax, VA \(dignitymemorial.com\)](#)
- (vietnamese) [Phạm Trọng Lê – VBHNVDDBHK \(vbmdhk.org\)](#), [PHAM TRỌNG LÊ – PEN Vietnam \(vietpen.org\)](#),

**\*\* Lễ Hoả Táng** Giáo Sư Phạm Trọng Lê sẽ được tổ chức vào ngày:

Chủ Nhật August 14, 2022 Lúc: 11 AM.

Tại: National Memorial Park

7482 Lee Hwy.

Falls Church, VA 22042

OBITUARY

# *Le Trong Pham*

JULY 5, 1938 - JULY 22, 2022



IN THE CARE OF

Demaine Funeral Home – Fairfax

<https://www.dignitymemorial.com/obituaries/fairfax-va/le-pham-10859704>

\* Phạm Trọng Lê, 84, peacefully passed away in his home on his favorite chair on Friday, July 22nd, 2022 due to complications from hypertensive heart disease. Born in Hà nội, Việt Nam to Phạm Trọng Thế and Đinh Thị Hoàn. Left home at a young age in search of higher education in Sài Gòn, Việt nam.

\* Former students Chu Văn An (Hà nội), Nguyễn Trãi and Chu Văn An (Sài Gòn); graduated from the University of Pedagogy, Department of English, Bachelor of Science in English from Saigon University of Literature; Certificate in TEFL/TESOL, SEAMEO/Regional English Language Center, Singapore.

\* Fulbright Scholar 1973-75 Bowling Green State University (BGSU), Ohio, MA in American Studies 1975; MA in English, 1977; MS in Library Science, Catholic University of America, Washington, DC, 1986.

\* Taught 2 years of English at Trịnh Hoài Đức (Bình Dương) High School, followed by 8 years of teaching at Võ Trường Toản (Sàigòn) and Hội Việt Mỹ (Sàigòn) High School, and at the same time at VAA Saigon English School, a lecturer in Translation and English Teaching. Practice at Saigon High School, and English Teaching Methodology at Tien Giang My Tho Community College.

\* Followed by Fulbright scholarship, non-service doctoral fellowship of BGSU and followed by 2 years doctoral teaching fellowship, teaching English composition, medieval literature and science fiction to undergraduate students. After completing the doctoral programs, passed prelims, the topic "Cultural Interference and Its Implications to the Teaching of American Studies to Asian Students" was approved, but the thesis was not submitted.

\* 1978-2003 worked as State law editor/analyst and after receiving MS in Library Science as Reference/ILL librarian at the Bureau of National Affairs, Inc. in Washington, DC. From 1994-2014, he was in charge of the Dynamic English program and the English Q&A section at Voice of America (VOA).

\* Since his retirement from BNA, Le continued to pursue his love of literature and poetry. He used his free time to read books (literature, medical journals, journals, etc), listened to music (classical), read and translated poems (Vietnamese to English and vice-versa), write newspapers, travel and... eat well, drink wine and cognac with friends.

\* Wrote in the Washington Post, Viet Bao (Section with Books), Vietnamese Women (California), translated some poems by Du Tu Le, Nguyen Sa, translated children's stories in Viet Tide Weekly, wrote articles on three fish. Co Thom (Virginia) and Firmament (Texas) electronic trimesters.

\* Weekend drives to visit family which has expanded to include multiple cultures: Colombians, Americans, and Vietnamese. Loves to cook his specialty Beef Bourguignon or Oxtail stew.

\* Survived by his two sons, Michael and Tony, Tatiana (Michael's wife), and 3 grandchildren (Matthew, Sophia, and Isabella).

\* Predeceased by his wife, Pearl Bạch Ngọc (2007), parents, and brothers.

## HÌNH ẢNH GIA ĐÌNH



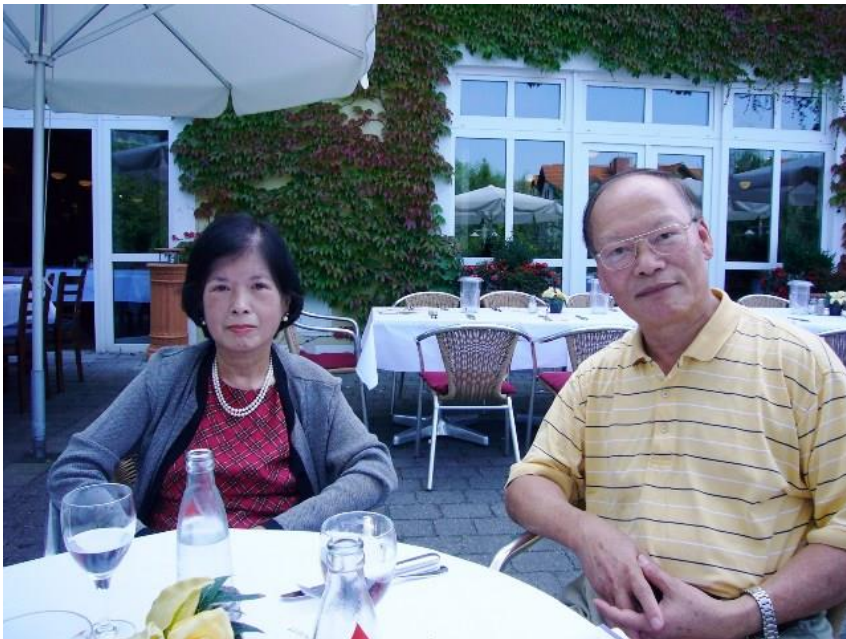
**ÔB Phạm Trọng Lệ, thứ nam Tony  
phía trước: trường nam Michael & vợ Tatiana**























## TIỂU SỬ GIÁO SƯ PHẠM TRỌNG LỆ

**Sinh ngày 5 tháng 7, 1938 tại Hà Nội Việt Nam; qua đời ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại Virginia Hoa Kỳ.**

\* Cựu học sinh Chu Văn An (Hà-Nội)-Nguyễn Trãi và Chu Văn An (Sài-Gòn); tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm ban Anh văn, Cử nhân giáo khoa Anh văn Đại Học Văn Khoa Sài Gòn; Certificate in TEFL/TESOL, SEAMEO/Regional English Language Centre, Singapore.

\* Học bổng Fulbright 1973-75 Bowling Green State University (BGSU), Ohio, MA in American Studies 1975; MA in English, 1977; MS in Library Science, Catholic University of America, Washington, DC, 1986.

\* Dạy 2 năm Anh văn đệ nhị cấp Trung học Trịnh Hoài Đức, Bình Dương, tiếp theo dạy 8 năm ở Trung học Võ Trường Toản Saigon, đồng thời ở trường Anh Ngữ Hội Việt Mỹ VAA Saigon. Giảng viên môn Translation và English Teaching Practice ở Đại Học Sư Phạm Saigon, và English Teaching Methodology ở Đại Học Cộng Đồng Tiền Giang Mỹ Tho.

\* Tiếp theo học bổng Fulbright, học bổng non-service doctoral fellowship của BGSU và tiếp theo 2 năm doctoral teaching fellowship, dạy English composition, medieval literature và science fiction cho sinh viên undergraduate ban Cử nhân. Hoàn tất các lớp thuộc chương trình tiến sĩ, passed Prelims, đề tài “Cultural Interference and Its Implications to the Teaching of American Studies to Asian Students” được chấp thuận, nhưng chưa trình luận án.

\* 1978-2003 làm State law editor/analyst và sau khi đỗ MS về Library Science làm Reference/ILL librarian ở the Bureau of National Affairs, Inc. ở Washington. Trong những năm 1994-2014, phụ trách chương trình Anh Ngữ Sinh Động Dynamic English và mục Hỏi Đáp Anh Ngữ trên đài VOA – dưới tên Phạm Văn.

Dùng thì giờ rảnh rỗi đọc sách, nghe nhạc, đọc thơ và dịch thơ, viết báo, du lịch và... ăn ngon, uống rượu cùng bạn bè. Đã viết trên Hoa Thịnh Đốn Việt Báo (mục Nói có Sách), Phụ Nữ Việt (California), dịch một số bài thơ của Du Tử Lê, Nguyễn Sa, dịch truyện thiếu nhi trên Tuần báo Việt Tide, viết bài trên tam cá nguyệt Cỏ Thom (Virginia) và tam cá nguyệt điện tử Firmament (Texas).



*Le Trong Pham Tribute Movie*



**Bấm vào link dưới đây để xem:**

[https://ddgfqeo643onm.cloudfront.net/cmi/4/0/7/9/10859704/m\\_163410.mp4](https://ddgfqeo643onm.cloudfront.net/cmi/4/0/7/9/10859704/m_163410.mp4)

# HÌNH ẢNH TANG LỄ

31 tháng 7, 2021

Demaine Funeral Home - 10565 Main St, Fairfax, VA 22030



























**VÒNG HOA PHÚC ĐIỀU CỦA CƠ SỞ CỎ THƠM**

**PHÂN ƯU**

**TỪ THÂN HỮU**

## **TIN BUỒN! ... TIN QUÁ BUỒN !!!**

Chào ôi! sáng nay dậy, đọc Email anh Đinh Hùng Cường báo

**TIN BUỒN** là: **Anh PHẠM TRỌNG LỆ đã ra đi !!!**

Thật vậy sao!

Tôi gục đầu xuống laptop chan hòa nước mắt!

Mới ngày 23 tháng 5 vừa rồi, anh Phạm Trọng Lệ gửi cho tôi Bài TỰA anh viết cho tập thơ tôi sắp in. Sau đó anh còn Email qua lại, nói chuyện với tôi về tập thơ và thăm hỏi nhau.

Chỉ cách đây ít ngày, anh gửi cho tôi mấy tấm hình, theo ý tôi muốn, để in vào cuối Bài Tựa anh viết...

Vậy mà nay Anh đi rồi! Than ôi! Anh đã đi rồi !!!

**Xin Thành Kính gửi lời Chia Buồn cùng**

**Tang Gia Tang Quyn của Tiến Sĩ Phạm Trọng Lệ.**

**Nguyễn Cầu Hương Linh Anh Vĩnh Viễn An Vui Trên Cõi Trời.**

**Trần Quốc Bảo** và gia đình/ Kính Bái Viếng





## GS. PHẠM TRỌNG LỆ đi rồi!

Năm trước anh cho trà,  
Tôi mời các bạn già đồng ẩm.  
Hương trà thơm và thịnh tình nồng ấm,  
Nhưng vắng anh,  
Vị trà không đậm.  
Mời anh về Richmond.  
Anh hẹn, anh sẽ về.  
Nhưng công chuyện bận bịu,  
Đành chờ dịp thuận tiện.  
Ai ngờ... thế là thôi!  
Nay anh đi rồi!  
Nay anh đã đi rồi!

Năm nay anh cũng gửi trà,  
Gói trà, gói trọn thiết tha ân tình!  
Trà ngon, không uống một mình...  
Lại hẹn hò nhau nữa!  
Gửi Email anh hứa,  
Chờ qua mùa nắng lửa,  
Sẽ về tĩnh tọa trà thiền với chúng tôi.  
Nắng còn rực rỡ lưng trời,  
Gói trà nguyên đó, bồi hồi chờ anh.  
Ai ngờ... thế là thôi!  
Nay anh đi rồi!  
Nay anh đã đi rồi!

Tôi hoàn thành tập thơ Phù Vân,  
Anh coi qua, lấy làm ưng ý,  
Hạ bút viết Tựa, với tình tri kỷ.  
Và trao lời khích lệ ân cần,  
Phù Vân được lắm! Tập thơ... hay!  
Rồi thân mật ứng khẩu:  
**“Một mai gió cuốn mây bay,  
Còn lưu, chút kỷ niệm này, cho nhau!”**  
Tôi vô tình, nào biết lời ứng nghiệm  
Ai ngờ... Thế là thôi!  
Nay anh đi rồi!  
Nay anh đi thật rồi!

Anh Phạm Trọng Lệ ôi!  
Anh đi để lại tiếc thương.  
Tiễn anh, dâng nén Tâm Hương chân  
tình!  
Nguyện Hương Hồn sớm siêu linh,  
Về miền Cực lạc An bình Thiên thu!

**Thành kính bái biệt!**

**Trần Quốc Bảo**

*Richmond, Virginia*

Kính anh Phan Anh Dũng, anh Phan Khâm, Chủ Nhiệm và Phó Chủ Nhiệm CSVH Cổ Thơm,

Nhận được tin buồn Giáo Sư, Biên Khảo Gia Phạm Trọng Lệ vừa ra đi. Quang Hà xin thành kính chia buồn cùng Tang quyến, chia buồn cùng gia đình Cổ Thơm. Nguyên cầu Linh hồn Ông được thanh thản nơi cõi Vĩnh hằng.

**Quang Hà**



**\*\* Quang Hà phác họa**

Tin vô cùng bất ngờ, làm nhiều người sửng sốt. Buồn!! Kiếp người quá mong manh.  
Một mất mát lớn cho chúng ta.

Anh Lệ ra đi trong êm ái như vậy cũng là một "hạnh phúc", so với những người lăn lóc trên giường bệnh lúc tuổi già. Mong anh Lệ yên nghỉ nơi vĩnh hằng.

### **Dương Ngọc Hoán**

---

Dear PA Dũng

Trưa Thứ năm 21/7 vợ chồng tôi còn ăn uống trò chuyện với PT Lệ ở nhà Phạm Vân Nga không ngờ Lệ ra đi ngày hôm sau.... Tôi nhớ tôi còn đưa tay ra bắt tay PT Lệ trước khi xuống gác nhà Vân Nga không ngờ là bắt tay lần cuối.

Đây là một chuyện buồn khi bạn già thân thiết ra đi nhưng nghĩ lại PT Lệ cũng đã thọ hình như 84 tuổi và ra đi thật êm ái...

### **Hoàng Song Liêm**

---

Thành kính phân ưu đến tang quyến.

Cầu nguyện hương linh nhà biên khảo Phạm Trọng Lệ sớm về chốn vĩnh hằng.

### **Nguyễn Xuân Vân**

---

Xin nhờ anh Dũng gửi lời chia buồn cùng tang quyến.

Cám ơn anh đã thông báo tin.

### **GĐ Diễm Châu – ViVi**

---

Cảm ơn Bạn Phan Anh Dũng thông báo.

Thương tiếc anh Phạm Trọng Lệ, một người bạn tài hoa trong giới văn học và cũng là bạn nhậu rượu chất đở.

### **Paul Vân**

---

Thật là bàng hoàng khi nghe tin này.  
GS Phạm Trọng Lệ là người MC hằng mến phục qua các bài biên khảo và hiểu biết  
mênh mông của ông về văn chương.  
Xin thành kính phân ưu cùng gia đình ông.

## Minh Châu

---

Dear Friends,  
I am devastated by the news that our beloved researcher Pham Trong Le and my  
personal friend and colleague, has just passed away. We communicated by email  
about one week ago, and there was no indication at that time that he was suffering  
from anything of a medical nature.

He was one of the founders of The Huu Van Dan and Firmament, and a strong  
scholarly researcher and writer, who was well respected for his vast knowledge of  
English, American and Vietnamese literature by the readers and me, in particular.

He will be sorely missed. We extend to his family our deepest sympathy.

Rest in peace, my dear friend.

## Thomas Le

---

Buồn thật nhiều đấy!  
Thanh cũng nghe tin này bên VB do chị Hồng Thủy báo đó Phan Anh Dũng.  
Mới hôm nào Thanh đọc bài của anh Phạm Trọng Lệ nay anh đã ra đi.  
Chỉ biết cầu mong cho anh Phạm Trọng Lệ ngàn thu yên nghỉ.

## Nguyễn Thị Thanh Dương

---

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU CÙNG GIA QUYẾN CỦA GS PHẠM TRỌNG LỆ.

## Phong Thu

---

Buồn quá anh ạ.... Mới gặp anh Phạm Trọng Lệ ngày họp mặt Cỏ Thơm cuối tháng 5, 2022 vừa qua ở nhà hàng Little Saigon!

## Diễm Hoa



Nhân dịp ấn hành Cỏ Thơm số 96  
Chai rượu Austin Hope, Paso Robles – cùng ly lần cuối với anh Lệ -  
họp mặt Cỏ Thơm nhà hàng Little Saigon cuối tháng 5, 2022



## THƯ GỬI ANH PHẠM TRỌNG LỆ

Anh ra đi ... đã mười ngày rồi. Tang lễ cử hành hôm qua sau một tuần Anh nằm xuống. Gia đình, bạn bè, thân hữu đến viếng và nhìn Anh lần cuối.

Anh Lệ ơi! Xin lỗi nhé. Tôi không dám đến. Đã lâu rồi, từ nhiều năm nay đến nhà quán nhìn mặt người quá cố, thấy người thân quen thẳng đơ trong quan tài, chúng chóng mặt sẽ xuất hiện hành hạ. Và từ đấy tôi không còn muốn đến nơi u buồn đó nữa. Nhưng Anh Lệ ơi! Ngày nào tôi cũng nghĩ đến Anh với khuôn mặt đáng mến, phong cách giản dị vui vẻ, với ánh mắt chân thành hiền từ mà tinh anh, với hàm răng cửa có kẽ hở rất ấn tượng không dễ gì quên và... luôn luôn một cái mũ lưỡi trai trên đầu.

Anh Lệ ơi!! Giờ đây, trên cao... cao tít... nghe tôi lảm nhảm lời “xin lỗi” chắc Anh cười nhẹ “không cần thiết”- ba tiếng đó của tôi. Anh thích nó và nhắc lại cho tôi mỗi lần có người hỏi ý tôi về một sự việc, có sự hiện diện của Anh. Anh hiểu tính thích giải quyết sự việc một cách đơn giản, rõ ràng mà gọn nhẹ của Nguyễn Lân và Anh đồng ý?

Được biết từ ngày Anh đến với Cỏ Thơm. Được quen từ những buổi giới thiệu sách. Được trò chuyện trong những lúc ngồi với nhau đàm luận về một tác phẩm nổi tiếng của người Việt trong và ngoài nước. Anh là một người trí thức, thông thái mà vẫn chịu khó tìm tòi học hỏi, không coi thường người khác, không kiêu căng, không khoe trương. Trong Cỏ Thơm chỉ mỗi mình Diễm Hoa làm thơ tiếng Pháp. Diễm Hoa còn nhỏ tuổi hơn chúng ta nhiều và sự hiểu biết chưa thể so sánh với Anh, nhưng Phạm Trọng Lệ đã trân trọng nói với Diễm Hoa “tôi học Pháp Ngữ từ những bài thơ của chị để biết thêm những từ trong từ điển tiếng Pháp”. Anh là con người khiêm cung, nhã nhặn và thẳng thắn. **Diễm Hoa quý trọng Anh.**

Với tôi, lúc nào Anh cũng khen. Đương nhiên tôi vui lắm. Vui vì có người biết mình, yêu thích khả năng mình. Nhưng vui hơn nữa vì thấy trên cõi đời này tìm ra được người như Anh thật hiếm: không tị hiềm, không ganh ghét, không gièm pha, không giả dối – những đức tính mà tôi yêu thích. Thú thật nhiều khi tôi thấy Anh có những ý tưởng khác thiên hạ. Làm hay, Anh khen đã đành nhưng nhiều khi làm dở,

Anh vẫn khen. Anh khiến tôi ngưỡng. Đôi khi tưởng Anh chỉ trích mình một cách lịch sự, khéo léo. Nhưng không. Anh thật lòng khen. Anh nói trong cái cứ nghĩ là dở nhưng có điểm lạ khác người. Đó là sự hấp dẫn mà ngù ngờ chưa thấy thôi. Cũng lạ! Càng gần Anh càng thấy chúng ta có những điểm tương đồng không ngờ. Yêu cái hay, cái đẹp của tha nhân. Cùng thành thật ngợi khen để kích động tinh thần của người có năng khiếu, có tài, tránh nói tới những yếu kém kẻ khác. **Tôi ngưỡng mộ anh.**

Giờ đây, thân xác nằm cô đơn đông cứng trong ngăn lạnh nhưng linh hồn Anh đang thông dong hướng về cõi Phật, Tây Phương Cực Lạc. Nhắm nghiền đôi mắt mừng tượng nụ cười vui, hồn nhiên tha thứ của Anh khắp bốn phương...

Yên nghỉ nhé anh Phạm Trọng Lệ. Đừng nhớ tới Anh. Ngoài tôi, còn nhiều người vẫn nhớ tới Anh. Cầu chúc Anh an bình trên cõi Vĩnh Hằng.

## Nguyễn Lân



Một nén hương lòng thành kính thấp lên cầu nguyện cho Nhà Biên Khảo GS Phạm Trọng Lệ.

**Lại Quốc Hùng**

---

Anh Thomas và anh Dũng kính mến.

Em cảm ơn hai anh đã báo tin buồn Giáo Sư Lệ đột ngột ra đi.

Thành kính phân ưu cùng gia đình Giáo Sư Phạm Trọng Lệ.

Nguyện cầu cho Hương Linh Giáo Sư Phạm Trọng Lệ được yên nghỉ và sớm tiêu diêu nơi miền Cực Lạc.

Thành Kính,

**Kim Oanh Úc châu**

---

Nguyện Cầu Hương Linh Cố GS Phạm Trọng Lệ An Giác Ngàn Thu.

Cho tôi gửi lời Vãn An và Chia Buồn cùng Tang Quyển.

Chúc An Lành.

**Tạ Quang Trung**

---

Cảm ơn anh Dũng đã báo một tin thật buồn của Cỏ Thơm về sự ra đi của anh Phạm Trọng Lệ, anh ra đi là một sự mất mát lớn cho Cỏ Thơm và bạn hữu.

Thân mến,

**Phú Đỗ**

---

Cảm ơn PAD đã báo tin.

Rất đột ngột và buồn trước tin này.

Chúc anh PTL an nghỉ cõi Vĩnh Hằng.

**Vũ An Thanh**

---

Nhận được tin bác Phạm Trọng Lệ mất đột ngột, em cũng bùi ngùi. Vẫn nhớ bác kể chuyện hài hước giúp vui cho buổi gặp mặt Cỏ Thơm. Vừa định bụng sẽ đọc bài viết mới của bác. Thế mà 2 ngày sau lại nhận tin buồn.

Em sẽ có mặt ở Lễ viếng tang bác.

**Đoàn Quốc Bảo**

---



Cám ơn anh Dũng đã báo tin! Chú Lệ là người luôn luôn ủng hộ các chương trình văn học nghệ thuật trong vùng. Buồn quá!

**Nguyễn Xuân Thường**

---

Chúng tôi đang ở Paris.

Rất bàng hoàng khi nghe hung tin.

(Tôi vừa liên lạc với anh Lệ trước khi đi chơi và hẹn lúc về sẽ nói chuyện...)

Please keep us informed. Thanks,

**Thu Le**

---

Tối qua thật bất ngờ được tin anh Lệ từ trần. Tôi cũng vừa đọc hai bài biên soạn của anh ấy cách nay hai ba hôm. Thật đau buồn cho tất cả chúng ta.

Phạm Trọng Lệ là cây viết lớn và kỳ cựu của Cỏ Thơm. Một mất mát cho Cỏ Thơm.

**Nguyễn Thị Ngọc Dung**

---

H đã biết tin tối qua, ngồi lặng cả người... Cảm giác mất mát và hụt hẫng...

Rất tiếc và rất buồn vì ở xa H không thể đến để tiễn biệt anh PTL ngày Sunday 7/31/2022 này được. Chỉ xin được cùng với quý anh chị gửi lời chia buồn sâu đậm nhất đến tang quyến và cầu nguyện cho Hương Linh Anh Được Thanh Thản An Vui Ở Chốn Vĩnh Hằng.

Cám ơn và mến chúc quý anh chị luôn nhiều sức khỏe.

**ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH**

---

Cám ơn NV Phạm Xuân Thái rất nhiều.

Chúng tôi nhận được tin buồn đột ngột này từ anh tối hôm qua lúc 10:13pm. Thực là ngỡ ngàng trước cái tin đau buồn này. Một cây cổ thụ trong làng văn học hải ngoại đã bị đốn ngã thực bất ngờ khiến chúng tôi vô cùng xúc động muốn rơi nước mắt... Vừa mới đọc bài khảo cứu của GS PTL trên Website Cỏ Thơm về Thi Sĩ Nguyễn Nhược Pháp, rất xúc tích. Giáo Sư TS Phạm Trọng Lệ quả là một người trí thức với sự hiểu biết vượt trội. Tính tình hiền hòa tao nhã, nói năng đĩnh đạc chậm chạp và khôi hài. Chúng tôi thực vô cùng xót thương anh như đã mất đi một người thân của mình.

Nguyện cầu Phật Từ chứng giám, hộ trì hương linh GS Phạm Trọng Lệ được miền viễn an vui nơi miền Tịnh Độ Thành kính phân ưu cùng gia đình GS PTL cũng như gia đình TCNS Cỏ Thơm.

**Phạm Bá & Ý Nguyễn**  
Maryland - July 23, 2022



**"Rót chén ly bồi, chà... đáng quá! Bên trời bên biệt "một Người đi ..." Tùy Bút tức Phạm Bá.**

Rất đau buồn nhận được tin Nhà biên khảo Phạm Trọng Lệ đã ra đi.

Cơ Sở Văn Học Cổ Thơm mất đi một biên khảo gia đức độ đáng quý.  
Xin thành kính chia buồn cùng tang quyến và Cơ Sở Văn Học Cổ Thơm.

**Phan Khâm**

---

Ôi thật là buồn khi nghe tin này!!!  
Xin cầu nguyện cho anh Phạm Trọng Lệ.  
Cảm ơn anh Dũng và anh Thái đã báo tin.

**Hà Văn Sang**

---

Tôi chợt nghe tin anh PTL do anh Thịnh báo, thật tình tôi cũng rất bàng hoàng và xúc động mạnh vì mới đây thôi, anh PTL và anh Phạm V. Tuấn vẫn trao đổi thơ văn với nhau và có gửi cho tôi xem, thấy rất bình thường, thế mà đột nhiên lại được báo tin buồn. Đúng là kiếp người nhiều chuyện bất ngờ, không ai lường trước được! Nhưng mà như anh Hoán nói: anh PTL đã ra đi một cách êm ái hết sức "Hạnh phúc". Cầu mong hương hồn anh Lệ sớm được yên nghỉ nơi cõi vĩnh hằng, bình an như lúc anh ra đi.!!!

**NGUYỄN VĂN THÀNH**



Thành Kính Phân Ưu với gia quyến Giáo sư Phạm Trọng Lệ.  
Cầu nguyện hương linh Thầy an nghỉ chốn Vĩnh Hằng Cực Lạc

GS Phạm Trọng Lệ là thầy dạy nhiều lớp môn sinh trung học Võ Trường Toản. Chúng tôi có chuyển tin này đến các đồng môn. Vô cùng thương tiếc một vị lương sư tài năng luôn hết lòng với thiên chức và luôn là gương sáng cầu tiến cho môn đệ của mình.

Kính cẩn cầu tụng,

**Nguyễn Lương Duyên**

---

Rất tiếc ngày 31 tháng 7 Thái An đang ở Houston nên không tham dự tang lễ của giáo sư PTL được. Người mới có đó mà mất đó!

Xin thành kính phân ưu cùng gia quyến của giáo sư Phạm Trọng Lệ.

**Thái An**

---

Cám ơn Hồng Thủy, Cám ơn anh Dũng,

Anh Phạm Trọng Lệ bất ngờ ra đi để lại bao tiếc thương cho gia đình Văn Bút HNMDHK và bằng hữu. Anh dịch thơ chữ Hán ra chữ Việt cũng hay.

Anh ra đi nhẹ nhàng, không đau ốm vì thứ 5 vừa qua anh ấy còn ăn trưa họp mặt với bạn bè vui vẻ!

Cầu chúc nhà văn, nhà giáo Phạm Trọng Lệ an lạc chốn vĩnh hằng.

**Ngọc Hạnh**

---

Chia buồn với Cỏ Thơm, Dũng và anh chị em tòa soạn.

Khi một người bạn thân quý ra đi là cả một mất mát lớn lao.

Những người bạn ở xa.

**Phạm Ngọc Lân - Quận Mỹ Lan**

Pháp Quốc

---

Nhận được Tin Buồn từ Chủ Nhiệm Cơ Sở Cỏ Thơm, Anh Phan Anh Dũng cho biết - NHÀ BIÊN KHẢO GS PHẠM TRỌNG LỆ ĐÃ ĐÓT NGỌT TỪ TRẦN chiều thứ Sáu, 22 tháng 7, 2022 tại tư gia.

Gia đình chúng tôi kính xin chân thành chia buồn cùng Tang Quyển, Anh Chị Em trong Cơ Sở Cỏ Thơm, VBHNVDDBHK và VBTU.

Nguyện cầu HƯƠNG LINH của NBK và GS PHẠM TRỌNG LỆ được sớm về nơi VĨNH HẰNG.

**Trần Đại Bản và gia đình**

---

Kính thưa quý cô chú và anh chị,

Chủ nhật này Nhất Anh phải đi làm trong nhà thương, không xin nghỉ được. Rất buồn là không thể đến chào tiễn biệt chú Phạm Trọng Lệ lần cuối. Dần dà, Cộng Đồng của chúng ta đã mất đi biết bao nhiêu là người thân...

Xin cô chú thấp giúp cho nén tâm hương, cầu nguyện cho người quá cố được yên nghỉ giấc nghìn thu. Xin cảm tạ và kính chúc bình an.

**Chủ Nhất Anh**

---

Cảm ơn Phạm Xuân Thái đã báo tin. Thật buồn! Anh Phạm Trọng Lệ (PTL) là người học thức và khiêm nhường. Anh PTL mất đi, PXT mất một người bạn tâm tình, tôi mất đi một người bạn để hỏi han thắc mắc về văn chương chữ nghĩa. Cuộc đời chúng mình như ngọn đèn trước gió. Trước sau rồi cũng tuàn tụy ra đi, đúng đời là cõi tạm. Sinh Quý Tử Quý. Xin thành thật chia buồn cùng tang quyến, Cầu nguyện hương linh anh Phạm Trọng Lệ sớm tiêu diêu miền tiên cảnh.

Thành kính phân ưu.

**Gia đình Đình Hùng Cường**

---



**Cỏ Thơm Picnic 2014**



*Giáo sư Phạm Trọng Lệ chúc mừng 52nd Wedding Anniversary  
của anh chị Cường Trâm – 5/22/2022*

Xin Cảm ơn anh PHAN ANH DŨNG và chị HỒNG THỦY đã thông báo "Tin Rất Buồn" về Giáo sư **PHẠM TRỌNG LỆ** đã đột ngột từ trần Thứ Sáu 7/22/2022 tại tư gia ở VIRGINIA.

Cách đây hai tháng, nhân buổi tiệc kỷ niệm 52 năm ngày cưới của anh chị ĐINH HÙNG CƯỜNG- NGOC TRÂM anh PHẠM TRỌNG LỆ đã lên chúc mừng anh chị CƯỜNG-TRÂM và nói rất duyên dáng khiến mọi người cười rộ, nhưng chính anh ấy thì không cười!

Thấy sự việc này quá hay, nên M Hoa có chụp ngay tám hình (kèm theo đây).

Không ngờ đó lại là những "Lời bông đùa thân thương" sau cùng mà anh LỆ đã dành cho một số bạn bè, thân hữu đã từng quen biết, hâm mộ anh bấy lâu nay!

Sự ra đi bất ngờ của nhà biên khảo, nhà văn, nhà thơ, nhà dịch thuật, nhà báo, nhà giáo **PHẠM TRỌNG LỆ** là một mất mát lớn lao cho Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại nói chung, và Cơ Sở CỔ THƠM, Thế Hữu Văn Đàn, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ nói riêng.

Nguyện cầu linh hồn anh được thanh thản, vui cười cõi VĨNH HẰNG như anh đã từng cười vui bao nhiêu năm qua.

**LÊ TÓNG MỘNG HOA**

VBNHNHVNĐBHK- 7/25/2022

Thân gửi Quý Vị Thân Hữu,

Trưa Thứ Năm, 21 July 2022, em Vân Nga của tôi đã mời một số thực khách giới hạn, trong đó có Anh Phạm Trọng Lệ, Anh Chị Hoàng Song Liêm... và tôi. Anh Lệ còn mang theo vài chai rượu và khai ra, bắt mọi người “cụng ly”.

Chúng tôi nói chuyện lai rai tới 2:30 pm thì Chị Kiện ra về cho nên mọi người mới giải tán. Hôm đó Anh Lệ vẫn khỏe mạnh, không có triệu chứng gì là sẽ bị stroke hay heart attack... Anh Lệ còn tranh luận về vài chữ thường dùng... như cái múng, cái thìa...

Nay tôi mới được tin Anh Lệ đã ra người Thiên Cổ, thực là bàng hoàng và tôi buồn hết sức.

Xin chia buồn cùng với tất cả bạn hữu gần xa vậy.

Thân mến,

**Phạm Văn Tuấn** - 25/7/22. 5 pm



(Kính gửi đến các thân hữu gần xa: Anh Bùi Cửu Viên niên trưởng Chu Văn An, Anh Phan Anh Dũng, Chủ nhiệm tạp chí Cỏ Thơm, Chị Cung Lan Văn bút VNHN, Chị Hồng Thủy VBMDHBK. Thân mến chúc quý vị luôn luôn vui khỏe và bình an)  
Sáng sớm nay thứ ba ngày 26 tháng bảy năm 2022 tôi dậy sớm ra vườn trước nhà khi mặt trời vừa mọc được ngắm đoá sen mới nở, hương thơm tỏa ngát trong sương mai ghi lại hình ảnh đẹp ...

**Thương tiếc người bạn Phạm Trọng Lệ**, cùng trường Chu Văn An, cùng nghề dạy học trước đây và cùng họ Phạm chúng ta ..., Cám ơn bạn Lệ đã chia vui với những ly rượu mừng gặp lại và thời giờ đọc và góp ý về tập thơ: “Quê cũ Tình xưa” của Thái Hưng do Cỏ Thơm xuất bản và trên YouTube do Tâm An giới thiệu Tác giả và tác phẩm! Đôi dòng tâm sự xin gửi đến các bạn và thân hữu mến thương:



## GIA ĐÌNH CHU VĂN AN VÙNG HOA THỊNH ĐÓN

### **Anh đã đi rồi!**

*Anh đi Anh đã đi rồi!*

*Nghe tin buồn quá đứng ngồi không yên.*

*Chúng mình thân thiết do duyên!*

*Đồng môn cùng họ thêm duyên cùng nghề*

*Văn thơ biên khảo bọn bề!*

*Giảng đường bụi phấn đi về sáng khuya.*

*Vì dịch Vũ Hán cách chia!*

*Mong sao bớt dịch mai kia gặp người.*

*Nhớ Anh nhớ nhất nụ cười!*

*Quên buồn đỡ khổ kiếp người phù vân?*

*Mặc cho thế sự xoay vần.*

*Rượu ngon chia sẻ bao lần bạn ơi!*

*Hai năm Đại dịch khắp nơi!*

*Anh luôn có mặt vui chơi họp bàn.*

*Sống vui thanh thản an nhàn!*

*Anh “đi” nhẹ nhõm Thiên Đàng trời mây!*

*Âm dương xa cách từ đây.*

*Tiếc thương Lệ nhớ sao khuây sầu này?*

*Cỏ Thơm họp tác bao ngày!*

*Trách Trời cay nghiệt đã bày chia ly.*

*Đôi dòng tiễn biệt Anh đi.*

*Về Trời thanh thản tiếc chi cõi đời?*

*Hôm nay mưa gió ngoài trời!*

*Dâng hương lòng đoá sen ngời ngát thơm.*

**Thái Hưng/ PGH**





**Tiến Đưa – Sáng tác: Song Ngọc – Ý thơ: Nguyễn Sa**

**Tâm Hào** hát để tiễn anh Phạm Trọng Lệ về cõi vĩnh hằng

<https://www.youtube.com/watch?v=3KYbl7ofLsM>

*Người về đêm nay hay đêm mai Người sắp đi chưa hay đi rồi? Muôn vị hành tinh rung nhẹ nhẹ Hay ly rượu tàn run trên môi? Người về trên một giong sông xanh Trên một con tàu hay một ga mông mênh Sao người không chọn sông vắng nước Hay nước không nguồn cho sông đi quanh Sao người đi sâu vào không gian trong Bức tường vô hình nên bức tường dày mênh mông Và sao lòng tôi không là vô tận Cho gặp gỡ những đường tàu đi song song Người về chiều nắng hay đêm sương Người về đò dọc hay đò ngang Câu thơ sẽ là lời hò hẹn Nhưng nói làm gì tôi xin khoan **Nhưng người về đâu, người về đâu** Để nước sông Seine bở ngỡ chảy quanh cầu Sao người không là vì sao nhỏ Để cho tôi nhìn trong đêm thâu Sao người không là một cung đàn Cho lòng tôi mềm trong tiếng than Khi trăng chảy lạnh từng chân tóc Khi gió se trùng muôn không gian Sao người không là một con đường Sao tôi không là một ga nhỏ Mà cũng có những giờ gặp gỡ **Cũng có những giờ chia tan? Người về lòng tôi buồn hay lòng tôi vui? Áo không có màu nên áo cũng chưa phai Tôi muốn hỏi thăm người rất nhẹ: Tôi đưa người hay tôi đưa tôi?***

**Nguyễn Sa (Paris, 1954)**

Xin cảm ơn P. Lan “Cô Ký Điều đài VOA” đã chuyển tin buồn.

Suốt mấy ngày qua các nhóm thân hữu chung đều liên lạc chia sẻ.

Mình riêng ngậm ngùi nhớ dạo dạy VAA Saigon thường thấy anh đi Vespa đưa đón chị, tuy hơn vài tuổi nhưng đều là đồng nghiệp.

Hè '73 mình nhận học bổng Fulbright đến UW-Madison thì anh PTLệ cũng đến Bowling Green, Ohio, cùng Midwest nhưng khác quỹ đạo nên chả bao giờ gặp lại.

Nghe chị đã qua đời, bây giờ đến lượt anh!

Thấp nén hương mong anh chị lại cùng chấp cánh cỡi hạc nội mây ngàn.

Mấy năm nay mọi vòng thân hữu cứ thưa thớt dần, mới nhắc đến nhau thì người đã đi rồi! Tạ tình quý anh chị luôn giữ liên lạc, nhờ thế em lại được thấy chị LMNhan & anh chị Hoàng Song Liêm-Thế Mai chung vui giữa bạn bè.

Nhớ nhau nói chẳng xiết!

Gần nửa thế kỷ qua đời quả là trường đại mộng.

Còn chi để hỏi...và biết hỏi ai bây giờ?

### **Phạm Bích Thủy**

Madison

---

Rất buồn khi được anh Phan Anh Dũng (Cỏ Thơm Foundation) thông báo.

Đã có dịp điện thư với niên trưởng P. T. Lệ từ khi biết ông qua Thế Hữu Văn Đàn, và đã có lần gặp ông tại Hoa Thịnh Đốn mùa Thu năm 2019.

Thành kính phân ưu cùng gia đình tang quyến.

Cầu nguyện hương linh niên trưởng Phạm Trọng Lệ sớm yên nghỉ miền Vĩnh Cửu.

### **Sóng Việt Đàm Giang**

---

Cố Niên trường Thi Văn hữu Phạm Trọng Lệ đã đóng góp một gia tài đồ sộ trong văn học, chuyển dịch và thi ca.

Mời đọc bản dịch bài Sonnet 71 của W. Shakespeare qua ngòi bút Phạm Trọng Lệ.

## Sóng Việt Đàm Giang

**Nín Đi Em** (Sonnet 71. William Shakespeare) / Bản dịch **Phạm Trọng Lệ**

*Khi ta chết xin người yêu đừng khóc  
Khi chuông buồn chậm nhỏ xuống hồn ta  
Cho thế gian hay khắp chốn gần xa  
Lìa bề khổ, ta hoà cùng sâu bọ.  
Xin đừng nhớ đến bàn tay từng viết  
Những lời này vì da diết yêu em  
Thà lãng quên trong ý nghĩ êm đềm  
Hơn là để em chìm trong phiền muộn  
Khi đọc những vần này, người yêu hỏi,  
Thì thân ta là cát bụi cỏ xanh  
Ta xin em đừng nhắc đến tên mình  
Để đời ta và tình em tàn tạ  
E trần ai xảo trá thấy em buồn  
Nhạ biếm em với hồn người khuất xa.*

Sonnet 71. by **William Shakespeare**

**No longer mourn for me when I am dead**

No longer mourn for me when I am dead  
Than you shall hear the surly sullen bell  
Give warning to the world that I am fled  
From this vile world with vilest worms to dwell;  
Nay, if you read this line, remember not  
The hand that writ it; for I love you so,  
That I in your sweet thoughts would be forgot,  
If thinking on me then should make you woe.  
O, if (I say) you look upon this verse,  
When I (perhaps) compounded am with clay,  
Do not so much as my poor name rehearse,  
But let your love even with my life decay,  
Lest the wise world should look into your moan,  
And mock you with me after I am gone.

## Sonnet 71 in modern English

When I'm dead don't mourn for me any longer  
than you can hear the surly sullen bell  
telling the world that I've fled this vile world  
to live with the even more vile worms.  
No, if you read this line, don't remember  
the hand that wrote it because I love you so much  
that I would like you to forget me  
rather than that, thinking about me,  
such thoughts would make you sad.  
Oh, I insist that if you read this poem  
when I'm, perhaps, mixed with clay,  
you must not even utter my poor name  
but let your love die with me  
in case the world, in its wisdom, should look closely  
at your mourning and mock you about me once I've gone.

\*\*\*\*\*



**ĐẠI HỘI TRƯỞNG VƯƠNG TOÀN CẦU – tháng 10, 2019**

***Từ trái đứng: Phạm Trọng Lê, phóng viên, Mỹ Hạnh, Phan Anh Dũng, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Sóng Việt Đàm Giang, Hoàng Cung Fa / ngồi: Ý Nguyên, Diễm Hoa, Nguyễn Lâm, Hoàng Dung***

## Thương tiếc anh Phạm Trọng Lệ

*Cám ơn anh đã đến với đời  
Gởi bài nghiên cứu tới nhiều nơi  
Văn thơ biên soạn lưu khắp chốn  
Hoà nhã an nhiên, chẳng nhiều lời*

*Cối tạ anh buông đi lệ làng  
Để toàn nhóm Thế Hữu Văn Đàn  
Ngẩn ngơ thương tiếc người tài giỏi  
Cầu mong anh sớm về Niết Bàn.*



Hoàng-Tâm 7-25-2022

---

Thưa quý anh chị,  
Trưa hôm nay tôi có đến viếng và thắp hương cho văn hữu Phạm trọng Lệ xong ra về sớm. Dịch cúm hoạt động trở lại nên con không muốn tôi ở lâu chỗ đông người. Tôi có mấy câu văn vần viết cho anh Lệ đã mấy hôm nhưng chưa gởi đi ...  
Xin chúc quý anh chị vạn sự an lành, thật nhiều sức khỏe, may mắn.

\*\*\*\*\*

## Tiền Biệt giáo sư Phạm trọng Lệ

*Giáo sư Trọng Lệ đã qua đời  
Tin buồn đưa đến như đùa chơi  
Bạn bè họp mặt ngày hôm trước  
Vĩnh biệt ngày sau tựa lá rơi*

*Vui tươi hòa nhã người khen ngợi  
Thơ văn sáng tác chẳng buông lời  
Sưu tầm dịch thuật thêm biên khảo  
Cối thọ từ nay anh thành thơ*

Ngọc Hạnh

Thưa quý Anh Chị:

Tôi thật bàng hoàng khi nghe tin anh Phạm Trọng Lệ đã vĩnh biệt chúng ta.

Tôi nhớ rất rõ: anh Lệ đã gửi email chào mừng tôi gia nhập nhóm Thi Hữu. Tôi rất vui mừng vì email này của anh PT Lệ đã đưa tôi trở về hồi năm 1958 (?) khi tôi nghe tin anh Đàm Trung Pháp cho biết tin anh Lệ đã được gửi sang Hoa Kỳ như là một “exchange” student (Lớp Đệ Tam). Anh Pháp hơi buồn vì không được đi. Còn tôi, tôi rất ngưỡng mộ anh Lệ và không dám so bì mình với anh Lệ được. Lý do chính là tôi không học Ban C mà tôi chọn Ban A để theo học Y Khoa sau đó.

Đời lắm cái bất ngờ lắm: Tháng 6, 1957, anh Pháp học xong Đệ Tam C trường Chu Văn An (CVA). Ngay sau ký thi Tú Tài 1 (Premiere session), anh Pháp và anh ĐQ Long rủ nhau “thi nhảy”: có nghĩa là 2 anh ấy thi TT 1 kỳ deuxième session trong vòng hơn hai tháng gì đó. Anh Pháp đậu “Assez Bien” Ban C và anh Long đậu Ban A. Vì là dân “học nhảy” (skip class) cho nên 2 anh ấy không được nhận vào Đệ Nhất CVA. Anh Pháp phải học Đệ Nhất C tại trường Khuyến Học ban đêm, đường Phan Đình Phùng, năm 1958-1959. Tôi theo chân anh Pháp, bỏ Đệ Tam trường Trần Lục, học ngay Đệ Nhị tại Khuyến Học. Cuối niên khóa đó, cả 2 anh em tôi đều đậu. Anh Pháp đậu Bình và Thủ Khoa TT 2, ban C.

Sau đó, anh Pháp đậu luôn học bổng USOM và qua Mỹ năm 1959 khi mới 18 tuổi. Tôi xong TT 2 năm 1960 và đậu Kỳ Thi Khảo sát Anh ngữ và được học bổng Colombo Plan đi Úc. Số tôi không may mắn như anh Pháp: tôi bị “treo giò”, không được bay qua Úc trong năm 1960 mà phải đợi đến cuối năm 1961 mới được qua Úc. Tôi không học Văn Chương hay Y Khoa, mà lại học Kỹ Sư Công Chánh. Học xong bên Úc, tôi lấy vợ VN; sang Canada lập nghiệp và trở thành 1 GS Công Chánh tại 1 Community College tại Toronto, Canada.



Tiếc quá, anh Pháp rồi anh Lệ đã bỏ ra đi. Sau khi anh Pháp mất, anh Lệ có viết email chia buồn với tôi. Tôi nuôi hy vọng có ngày tôi sang Virginia để gặp anh Lệ.

Xin hẹn gặp cả hai anh Lệ và Pháp “lần tới” vậy trong một thế giới an bình và thần tiên hơn.

RIP, anh Lệ!

**Đàm Trung Pháp**  
Toronto, Canada

Bài xướng:

## **BÁI BIỆT GIÁO SƯ PHẠM TRỌNG LỆ**

Văn Bút Miền Đông Bắc, hỡi ơi  
Danh sư Phạm Trọng Lệ qua đời  
Mới hay hạ sớm vàng hoa rụng  
Nào đợi thu về đỏ lá rơi  
Thương tiếc vô cùng người ẩn tiếng  
Xót xa bất tận khách vang lời  
Phân ưu thành kính tang gia khổ  
Bái biệt đôi dòng khắp chảng nguôi...

Los Angeles 24-7-2022

**CAO MỸ NHÂN**

Bài họa:

## **VĨNH BIỆT ĐỒNG MÔN**

Bạn hiền Phạm Trọng Lệ, chao ơi  
Sao vội vã lìa xa cõi đời  
Đèn sách trước lo, đèn phượng nở  
Rượu trà nay hưởng, ngắm hoa rơi  
Đất trời buồn bã giờ im tiếng  
Bè bạn đau thương chợt nghẹn lời  
Cùng lớp, chung trường nơi cõi tục  
Vô thường dù biết vẫn khôn nguôi.



Virginia 29-7-2022

**NGÔ TĂNG GIAO**

# TIỄN BIỆT

*Ai chẳng biết mệnh trời là **trọng***

*Lệ vẫn rơi khóc bạn ra đi*

*Chữ rằng “sinh ký tử quy”*

*Ngờ đâu lại phải chia ly vội vàng!*

*Vân thơ gieo vận dở dang*

*Rượu chưa cạn chén đã tàn tiệc vui!*

*Xuân nay vắng một tiếng cười*

*Uyên thâm, hoà nhã... mấy người như anh!*

**Trương Anh Thụy**





## PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn cựu Giáo sư Anh Văn, Biên khảo gia, Dịch giả:



Ông **PHẠM TRỌNG LỆ**

Cựu Học Sinh Chu Văn An (Hà Nội), và Nguyễn Trãi, Chu Văn An (Sài Gòn). Cựu Giáo Sư trường Trung Học Trịnh Hoài Đức (Bình Dương), Võ Trường Toản (Sài Gòn), và Hội Việt Mỹ (Sài Gòn). Cựu Giảng Viên trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn và Đại Học Cộng Đồng Mỹ Tho. Fulbright Scholar 1973-1975 tại Hoa Kỳ. Tốt nghiệp MA in American Studies tại Đại Học BGSU, Ohio, MA in English, năm 1977. MS in Library Science, năm 1986 tại Catholic University, Washington, DC. Cựu State Law Editor/Analyst và Reference Librarian tại Bureau of National Affairs Inc. Cộng tác với đài VOA trong chương trình Anh Ngữ Sinh Động và mục Hỏi Đáp Anh Ngữ, với: Cỏ Thơm Magazine, Thế Hữu Văn Đàn/ Firmament, Washington Post, và các báo Việt Ngữ trong vùng Hoa Thịnh Đốn và California.

Sinh ngày 5/7/1938, tại Hà Nội, Việt Nam  
Đã từ trần vào ngày 22/7/2022, tại Virginia, USA  
Hưởng thọ: 84 tuổi

**Nguyện cầu linh hồn Ông PHẠM TRỌNG LỆ ra đi thanh thản  
và sớm an nghỉ nơi vĩnh cửu.  
Xin thành kính phân ưu cùng toàn thể tang quyến.**

**Ban Điều Hành và Biên Tập Cơ Sở Cỏ Thơm và một số thân hữu:**

Phan Anh Dũng & Tâm Hào, Phan Khâm, Đỗ Trảng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngô Tăng Giao, Phạm Văn Tuấn, Vũ Hối, Tuệ Nga, Nguyễn Lân & Diễm Hoa, Ông Hoàng Song Liêm, Uyên Thao, Ông Nguyễn Văn Thành 23, Trương Anh Thụy, Hồng Thủy & Bùi Cừ Viên, Phạm Gia Hưng, Trần Quốc Phiệt, Ông Đạt-Thu Lê, Ý Nguyễn & Phạm Bá, Lê Tống Mộng Hoa, Diễm Châu & ViVi, Ông Dương Ngọc Hoán, Ông Vũ An Thanh, Ông Phạm Xuân Thái, Ông Trần Quốc Bảo, Ông Nguyễn Phú Long, Hoa Văn Ngô Văn Hòa, Tiểu Thu, Đỗ Bình, Phạm Thị Nhung, Trường Đình, Thomas Le & Thế Hữu Văn Đàn / Firmament, Gia đình Trưng Vương vùng Hoa Thịnh Đốn, Gia đình Chu Văn An vùng Hoa Thịnh Đốn, Hội Người Việt Cao Niên vùng Hoa Thịnh Đốn ...





# PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn



## Giáo Sư Phạm Trọng Lệ

Đã từ trần 22 tháng 7, 2022 tại Virginia – Hoa Kỳ

**Hưởng thọ 84 tuổi**

Xin thành kính chia buồn cùng gia đình tang quyến  
Nguyện cầu Hương linh Ông PHẠM TRỌNG LỆ  
sớm về yên nghỉ cõi Vĩnh Hằng

**HỘI NGƯỜI VIỆT CAO NIÊN VÙNG HOA THỊNH ĐÓN**

# PHÂN ƯU

Vô cùng bàng hoàng được tin  
Đồng môn CVA59

# PHẠM TRỌNG LỆ

đã từ trần ngày 22 tháng 7 năm 2022  
tại Fairfax, Virginia, Hoa Kỳ.  
Hưởng thọ 84 tuổi.



Bạn hữu Cựu Học sinh CVA59 trong nước và hải ngoại  
chia buồn cùng các cháu và toàn thể tang quyến.

Nguyện cầu hương linh Đồng môn PHẠM TRỌNG LỆ  
sớm về yên nghỉ cõi Vĩnh Hằng.

# VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾT

# PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động nhận được tin buồn

Giáo-sư, Nhà Thơ, Nhà Văn, Dịch-Giá, Biên-Khảo-Gia

## PHẠM TRỌNG LỆ

- Cựu học-sinh Chu Văn An (Hà Nội), Nguyễn Trãi, Chu Văn An (Sài Gòn).
- Cựu Giáo-sư trường Trung Học Trinh Hoài Đức (Bình Dương), Võ Trường Toàn (Sài Gòn), Hội Việt Mỹ (Sài Gòn)
- Cựu Giảng-viên trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn và Đại Học Cộng Đồng Mỹ Tho.
- Fulbright Scholar 1973-1975 tại Hoa Kỳ. Tốt nghiệp MA in American Studies tại Đại Học BGSU, Ohio
- MA in English, năm 1977 và MS in Library Science, năm 1986 tại Catholic University, Washington, DC.
- Cựu State Law Editor/Analyst và Reference Librarian tại Bureau of National Affairs, Inc.
- Cộng tác với đài VOA trong chương-trình Anh Ngữ Sinh Động và mục Hỏi Đáp Anh Ngữ.
- Nhà Thơ, Nhà Văn, Dịch Giá, và Biên Khảo Gia cho Cỏ Thơm Magazine, Washington Post, Thế Hữu Văn Đàn/Firmament, Tập-San Việt-Học, và các báo Việt Ngữ trong vùng Hoa Thịnh Đốn và California.

Sinh ngày 5 tháng 7 năm 1938 tại Hà Nội, Việt Nam

Đã từ trần vào thứ Sáu ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại Virginia, USA.

## Hưởng thọ 84 tuổi

Viện Việt-Học / Tập-San Việt-Học cùng toàn-thể Cộng-tác-viên thành-kính chia buồn  
cùng

**Gia-đình Giáo-sư Phạm Trọng Lệ và tang-quyển.**

Xin nguyện cầu cho

**Anh-linh Giáo-sư PHẠM TRỌNG LỆ**

được an nghỉ nơi cõi vĩnh-hằng.

TẬP-SAN VIỆT-HỌC /  
VIỆN VIỆT-HỌC

# THÀNH-KÍNH PHÂN ƯU



## ĐIỀU VĂN CỦA NHÀ VĂN HỒNG THỦY TANG LỄ CHỦ NHẬT 7/31/2022



Xin kính chào quý vị,

Tôi xin thay mặt BAN CHẤP HÀNH và Toàn thể Hội viên VĂN BÚT VN HẢI NGOẠI VÙNG ĐÔNG BẮC HOA KỲ, xin chân thành chia buồn cùng vợ chồng cháu MICHAEL và TONY cùng toàn thể tang quyến. Cầu chúc hương linh GS PHẠM TRỌNG LỆ sớm về cõi Niết bàn.

Sau đây tôi xin nói vài lời về anh LỆ.

Thưa quý vị, vợ chồng chúng tôi được quen biết anh Phạm Trọng Lệ gần 40 năm qua, hai gia đình rất quý mến nhau. Cách đây vài năm tôi có mời anh PHẠM TRỌNG LỆ gia nhập VBVNHNVDHBK, tôi đã mời anh vào BAN CỔ VẤN nhưng anh từ chối. Anh nói anh chỉ muốn làm một Hội viên thầm lặng. Tuy vậy anh không bỏ sót một tác phẩm nào của các Hội viên mà tôi giới thiệu trên DIỄN ĐÀN. Anh luôn email riêng cho những lời khen tặng khuyến khích. Tôi luôn được anh email đóng góp những ý kiến rất quý giá.

Anh ra đi là một sự mất mát và thiệt thòi lớn lao cho VBVNHNVDHBK nói riêng, và cho VĂN BÚT VN HẢI NGOẠI nói chung.

Anh là một hội viên xuất sắc, đáng quý và đáng kính. Nghĩ đến anh, tôi luôn nhớ đến một khuôn mặt hiền hòa với nụ cười và những lời nói thật dí dỏm.

Anh ra đi, những người ở lại thật đau buồn và nuối tiếc, nhưng tôi nghĩ anh đang vui là được sum họp với chị, người vợ mà anh hết lòng yêu thương. Anh đã dành cho chị một tình yêu thật chung thủy. Chị mất đã lâu mà anh không hề có bạn gái, có lần tôi có ý muốn giới thiệu một người đẹp, đầy đủ điều kiện cho anh, mà anh từ chối. Chắc bây giờ anh chị đang sum họp bên nhau.

Anh được nhiều hội viên quý mến và làm nhiều Bài Thơ tiễn biệt. Tôi xin phép chọn đọc hai bài thật ngắn và hợp với buổi tiễn đưa hôm nay để kính điệu anh:

### **TIẾC THƯƠNG GS PHẠM TRỌNG LỆ**

*Trần gian vừa một ánh sao rơi  
Trọng Lệ giáo sư vĩnh biệt đời  
Vấn Hạ thắm còn bao tiếc nuối  
Chắc thu tàn sẽ chẳng khôn nguôi  
Bạc tài danh đã xong ngàn sách  
Chốn tịch u không hẹn một lời  
Văn Bút đau lòng người khuất bóng  
Bao giờ gặp lại thế nhân ơi!*

### **LÊ MỸ HOÀN**

### **TIẾC THƯƠNG GIÁO SƯ PHẠM TRỌNG LỆ**

*Nắng hạ mang theo nỗi xót đau  
Miền Đông Văn Bút dạ u sầu  
Văn nhân Thi sĩ đều thương tiếc  
Một Bạc tài danh thật sắc sâu  
Khẩn nguyện linh hồn người đã khuất  
An nhàn cõi phúc kiếp dài lâu  
Chia buồn mát mát cùng tang quyến  
Kính tiễn hương linh thấp nển cầu*

### **DƯƠNG VIỆT CHÍNH**

# ĐIỀU VĂN CỦA ÔNG BÙI CỬU VIÊN TANG LỄ CHỦ NHẬT 7/31/2022



Kính thưa tang quyến  
Kính thưa quý vị

Trước hết tôi xin thay mặt các cựu học sinh Bưởi/CVA gửi lời chia buồn đến tang quyến và cũng xin nói đôi lời vĩnh biệt anh bạn đồng môn Phạm trọng Lệ.

Hàng năm anh em chúng tôi có tổ chức những buổi họp mặt để duy trì tình đồng môn và trong những dịp này anh Lệ với lối nói dí dỏm bao giờ

cũng đóng góp những ý kiến xây dựng cho buổi họp.

Anh là người tính tình vui vẻ, có óc hài hước và hòa hợp với mọi người nên bạn bè ai cũng quý mến. Với sở học bao la, kiến thức uyên bác, anh đã viết được những bài khảo luận rất có giá trị.

Đặc biệt anh có tài dịch rất tài tình những bài thơ cổ, những Sonnets của Đại Thi Hào Shakespeare. Tôi nhớ có lần khi đang ngà ngà say anh đã cao hứng đọc cho chúng tôi nghe bài dịch Sonnet 73 của đại Thi Hào Shakespeare mà anh mới dịch xong. Bài thơ nói về mùa thu và tuổi về chiều. Bài thơ dịch quá hay, tôi xin được đọc trước linh cửu anh, coi như một lời tiễn biệt và tôi nghĩ anh sẽ rất hài lòng:

*Giờ này hàng năm...  
Nhìn ta em thấy hàng năm,  
Khi vài lá úa trên cành cô đơn.  
Gió rung lá khảng khiu buồn,  
Thánh ca chim hót giáo-đường mới đây.  
Nhìn ta em thấy phương tây,  
Màu chiều bàng-lãng đêm đầy cuốn đi.  
Bóng đêm thần chết phủ vi,*

*Trong ta ánh lửa xuân thì tàn tro.  
Nguội trên manh chiếu xác khô,  
Lửa nuôi than sống trước giờ lụi tiêu.  
Cùng ta cho trọn thương yêu,  
Cho thêm khắng khít trước chiều chia phối.*

(PTL phỏng dịch, 1993)

**Xin vĩnh biệt anh**



# ĐIỀU VĂN

## CẢM NGHĨ VỀ GIÁO SƯ PHẠM TRỌNG LỆ

### TANG LỄ CHỦ NHẬT 7/31/2022



KÍNH THƯA QUÝ VỊ,

TÔI, **PHAN ANH DŨNG** - CHỦ NHIỆM CỔ THƠM – XIN THAY MẶT BAN ĐIỀU HÀNH, BAN BIÊN TẬP VÀ VĂN THI HỮU CỦA CƠ SỞ CỔ THƠM CHIA BUỒN VỚI MICHAEL\*, TONY \* VÀ TOÀN TANG QUYẾN.

MỘT SỐ VĂN THI HỮU KHÔNG ĐẾN ĐƯỢC HÔM NAY NỜ TÔI CHUYỂN LỜI CHIA BUỒN VÀ CẦU NGUYỆN ĐÓ LÀ: TỔNG THƯ KÝ CỔ THƠM ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH Ở FLORIDA, BÀ CHỦ NHẬT ANH, ÔB ĐẠT & THU LÊ Ở CALIFORNIA, BÀ THÁI PHƯỢNG VÀ TRƯƠNG MINH CHÂU Ở RICHMOND, VIRGINIA

...

KHI ĐƯỢC ANH PHẠM XUÂN THÁI BÁO TIN BUỒN, TÔI VÀ NHIỀU NGƯỜI RẤT BÀNG HOÀNG VÌ NGAY HÔM TRƯỚC ĐÓ

MỘT SỐ CÒN GẶP ANH PHẠM TRỌNG LỆ (PTL) ẮN TRƯA HAY EMAIL QUA LẠI.

KHI TÔI NÓI CHUYỆN VỚI THI SĨ PHAN KHÂM, PHÓ CHỦ NHIỆM CỔ THƠM, VỀ TIN ANH PTL QUA ĐỜI, TÔI CHIA SẼ: “ĐƯỜNG NHƯ CÓ ĐIỀM BÁO TRƯỚC, VÌ ANH PTL LIÊN TIẾP GỬI 3 BÀI CHO TÔI ĐỂ ĐĂNG LÊN WEBSITE VÀ BÁO CỔ THƠM SỐ 97!” SAU ĐÓ, TÔI CÒN BIẾT ANH PTL VỪA HOÀN TẤT LỜI TỰA CHO TẬP THƠ MỚI TÊN PHÙ VÂN CỦA THI SĨ TRẦN QUỐC BẢO VÀ ĐANG VIẾT LỜI GIỚI THIỆU CHO CUỐN SÁCH CỦA MỘT NHÀ VĂN TRONG VÙNG... TÔI KHÔNG NGỜ GẦN ĐÂY ANH ĐÃ TÍCH CỰC LÀM VIỆC NHIỀU NHƯ THẾ!

THƯA QUÝ VỊ, GS PHẠM TRỌNG LỆ LÀ TAY VIẾT CHỦ LỰC VÀ KỶ CỰU CỦA CỔ THƠM. ANH LÀ NGƯỜI CÓ KIẾN THỨC RỘNG VÀ THÍCH ĐỌC SÁCH BÁO. CÁC BÀI VIẾT CỦA ANH NGHIÊNG VỀ BIẾN KHẢO, DỊCH THUẬT, ĐƯỢC SOẠN THẢO RẤT KỸ LƯỢNG VÀ CÔNG PHU.

NHIỀU NGƯỜI QUEN BIẾT NHẬN XÉT ANH LÀ NGƯỜI HÒA NHÃ, TỬ TẾ VÀ KHIÊM TỐN. KHI CẦN DỪNG TIẾNG ANH THÌ ANH PTL NÓI VỚI BRITISH ACCENT RẤT ĐIỀU.

CHỊ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG, CỰU CHỦ NHIỆM CỔ THƠM, CHO BIẾT ANH LUÔN SÁT CÁNHNH VỚI CỔ THƠM, LUÔN KHUYẾN KHÍCH VÀ SẴN LÒNG TẶNG THÊM TÀI CHÍNH NẾU CẦN, ĐỂ TẬP CHÍ CÓ THỂ TỒN TẠI.

ANH PTL LUÔN HIỆN DIỆN TRONG CÁC BUỔI HỌP MẶT – LỚN HAY NHỎ - VÀ THÍCH GÓP CHUYỆN VUI. KHI GẶP NHAU, ANH ĐEM RƯỢU NGON CHIA SẼ ĐỂ CHÚC MỪNG MỌI NGƯỜI VÀ

LẠI CÒN TẶNG NHỮNG MÓN QUÀ KỶ NIỆM NỮA: TỪ GÓI KẸO, CHAI MẬT ONG, ĐẾN CHAI RƯỢU, HỘP BÁNH ...

THƯA QUÝ VỊ,  
ANH PHẠM TRỌNG LỆ CÓ TÂM HỒN NHẠY CẢM VÀ RẤT YÊU THÍCH THƠ VĂN ...

CHỊ SÓNG VIỆT ĐÀM GIANG TRONG THẾ HỮU VĂN ĐÀN ĐÃ GỬI 1 BÀI THƠ ANH PTL DỊCH RẤT TÌNH CẢM TỪ BÀI SONNET 71 CỦA THI HÀO WILLIAM SHAKESPEARE. TÔI XIN TRÍCH VÀI CÂU NHƯ SAU: ***KHI TA CHẾT XIN NGƯỜI YÊU ĐỪNG KHÓC, KHI CHUÔNG BUỒN CHẠM NHỎ XUỐNG HỒN TA, CHO THẾ GIAN HAY KHẮP CHÓN GẮN XA, LÀ BÉ KHỎ TA HÒA CÙNG SÂU BỌ ...***

NHÀ THƠ/GS PHẠM GIA HƯNG VIẾT MỘT BÀI THƠ TIỀN ANH PHẠM TRỌNG LỆ. TÔI XIN TRÍCH VÀI CÂU NHƯ SAU: ***ÂM DƯƠNG XA CÁCH TỪ ĐÂY, TIẾC THƯƠNG LỆ NHỚ SAO KHUẤY SÀU NÀY, CỎ THƠM HỢP TÁC BAO NGÀY, TRÁCH TRỜI CAY NGHIỆT ĐÃ BÀY CHIA TAY ...***

VÀ THI SĨ PHAN KHÂM CŨNG RẤT BUỒN VIẾT 2 CÂU THƠ ĐỂ TIỀN ĐƯA NGƯỜI BẠN THÂN TÌNH TỪ BẦY LẬU NAY: ***VƯỜN CỎ THƠM VẮNG BÓNG ANH, NÂNG LY RƯỢU ĐỎ CHÉN VĨNH NỖI BUỒN!***

CỎ THƠM XIN TẠM BIỆT ANH PHẠM TRỌNG LỆ.

CHÚNG TÔI KHÔNG BAO GIỜ QUÊN ANH ...

THÀNH TÂM CẦU NGUYỆN ANH ĐƯỢC THANH THẢN YÊN NGHỈ BÌNH AN NƠI CHÓN VĨNH CỬU.

**Note: Michael & Tony là hai người con trai của GS Phạm Trọng Lệ**

## ĐIỀU VĂN

# Giáo Sư Phạm Trọng Lệ tung cánh hạc về trời

TANG LỄ CHỦ NHẬT 7/31/2022



*“When you were born, you were crying and everyone around you was smiling. Live your life so that when you die, you're the one who is smiling and everyone around you is crying.”*

Câu nói trên của Jordan Smith, nguyên thủy là lời tụng niệm của bộ lạc Navajo tại Bắc Mỹ, xin được dịch là: “Khi bạn cất tiếng khóc chào đời, những người chung quanh bạn nở nụ cười. Hãy sống cuộc đời của bạn để khi bạn chết, bạn nở nụ cười mãn nguyện, và mọi người chung quanh bạn cất tiếng khóc vì tiếc thương”

Giáo Sư Phạm Trọng Lệ đã như thế! Anh ra đi rất thanh thản, và an bình trên chiếc ghế massage tại tư gia vào ngày thứ Sáu 22/7/2022, và chắc hẳn rất sáng khoái, NHƯNG đã để lại trong tôi và nhiều bằng hữu lòng bàng hoàng, xúc động khi được tin anh đột ngột từ trần.

Anh Phạm Trọng Lệ là một người học rộng, hiểu nhiều, một người anh đáng kính, một người bạn uyên bác trong mọi lãnh vực, một hiền nhân, đạo đức, khiêm tốn và hòa nhã.

Tôi bắt đầu quen biết và thân với anh Phạm Trọng Lệ hơn 20 năm về trước. Thuở ấy, tôi thường hay nhâm nhi, đấu hót với các anh Bùi Bảo Trúc, Cò Ly, Đỗ Hùng, Nguyễn Vĩnh Hưng ..., và tôi đã tình cờ được diện kiến anh trong một buổi tiệc rượu. Chúng tôi cách tuổi nhau gần một con giáp, nhưng tôi đã xin phép anh được  **bình đẳng trong bàn rượu để cùng thoải mái và tự nhiên hơn**. Từ đó, chúng tôi là những người bạn thân, thường xuyên gặp nhau tại các tiệm Viet Royal, Little Saigon, Present, Full Kee, Hongkong Pearl, và những buổi họp mặt của các văn nghệ sĩ trong nhóm Cỏ Thơm, những buổi tiệc trà của cộng đồng, và những buổi họp mặt tại gia đây đó.



Anh Phạm Trọng Lệ còn có sở thích nghiên cứu về rượu vang. Mỗi khi đi nhậu, anh hay mang theo những chai rượu thật ngon và đắt tiền để mời bạn bè “nếm” rượu. Chúng tôi nâng ly với nhau, bàn đủ chuyện trên trời, dưới biển, quốc tế, quốc nội, văn chương, thơ phú, vui cười với nhau, rồi chiuến choáng chia tay. Chúng tôi gọi club của chúng tôi là The Wine Tasting Club.

Trong hơn hai năm qua, vì đại dịch Covid 19, chúng tôi đã ít có dịp gặp nhau, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc bằng email.

Tháng trước, nhân dịp vợ chồng anh Dương Đức Trường về Virginia chơi, tôi mời anh Phạm Trọng Lệ cùng đi ăn tối với chúng tôi. Anh cho biết dạo này mắt kém nên không lái xe buổi tối nữa. Chúng tôi đã đến đón anh, đưa anh tới tiệm, rồi đưa anh về. Trong lần gặp gỡ ấy, anh vẫn khỏe mạnh, vui vẻ, nhanh nhẹn và những câu chuyện vẫn ào ào tuôn ra.

Thế mà ngày hôm nay, anh đã tung cánh hạc về trời, bỏ lại gia đình và anh em mà ra đi.

Anh Lệ ơi, rượu ngon phải có bạn hiền. Nếu được uống rượu Đào nơi tiên cảnh, anh cũng đừng quên chúng tôi nhé.

Xin mượn hai câu thơ của tiền bối Vũ Hoàng Chương gửi anh Phạm Trọng Lệ lần cuối:

***“Anh ơi lửa tắt, bình khô rượu  
Đời vắng anh rồi, vui với ai!”***

Xin dâng lời cầu nguyện cho anh linh anh Phạm Trọng Lệ ra đi thanh thản, và sớm về nơi an nghỉ cuối cùng. Tạm biệt Anh.

**Phạm Xuân Thái** – Virginia 24/7/2022

# TẠ TỪ

## Giáo Sư Biên Khảo Gia Phạm Trọng Lệ



**BKG Phạm Trọng Lệ**  
**Hội sách Cỏ Thơm**  
**9/26/2015**

Đêm 23 tháng Bảy 2022 lúc 10:25, tôi bàng hoàng nghe nhà văn Ý Nguyễn báo tin Giáo sư Biên khảo gia Phạm Trọng Lệ từ trần và bảo tôi mở *email* ra coi. Điện thư của Nhà văn Phạm Xuân Thái báo tin anh Phạm Trọng Lệ đã ra đi ngày hôm trước, 22 tháng 7, 2022. Tôi lặng người. Tin từ Phạm Xuân Thái thì phải đúng, vì hai người rất thân với nhau.

Ý Nguyễn và tôi chỉ biết kêu trời, thở dài ghen ngào chia buồn với nhau. Khuya rồi không dám gọi ai sợ họ mất ngủ và buồn theo. Sao anh Phạm Trọng Lệ lại ra đi đột ngột như vậy? Có ai nghe anh đau ốm gì đâu? Cách đây vài ngày tôi còn được nghe bản nhạc "We are the world" hào hứng và "Tình Bay Như Lá Thu" buồn vời vợi của Phạm Anh Dũng do anh Lệ chuyển và tôi gửi lời cảm ơn anh đã chuyển hai

YouTube đó.

Ai nghe tin anh Phạm Trọng Lệ đột ngột từ trần cũng đều bàng hoàng, thương tiếc. Anh là một cây bút biên khảo kỳ cựu, trọng yếu của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm từ nhiều năm qua. Anh có kiến thức sâu rộng và viết bài dịch thuật, biên soạn về lãnh vực văn học, văn chương Việt Nam, Thế giới rất công phu: "*Thiên tình sử Romeo & Juliet*", Le Lac của Lamartine, vở kịch "*Julius Caesar*" của William Shakespeare, Bài thơ "*The Darling Thrush*" của Thomas Hardy, Bài thơ "*Phong Kiều Dạ Bạc*" của Trương Kế, Bài thơ "*Áo Lụa Hà Đông*" của Nguyễn Sa và nhiều lắm... Trong Tạp chí Cỏ Thơm số 96 tháng Sáu vừa qua, anh có bài phỏng dịch và tóm lược "Thơ Về Chiến Tranh ở Ukraine".

Anh Phạm Trọng Lệ không bỏ qua một sinh hoạt sách báo, văn nghệ nào của Cơ Sở Cỏ Thơm và với tinh thần tương trợ. Anh rất thông cảm với sinh hoạt văn học nghệ thuật bất vụ lợi của người Cỏ Thơm. Thỉnh thoảng biên khảo gia lại hỏi chúng tôi, "Ngân quỹ Cỏ Thơm ra sao, có cần gì cứ hỏi nhé." Ôi, có ngờ đâu số Cỏ Thơm 97 tháng 9, 2022 này sẽ là số tưởng niệm nhà biên khảo đáng kính đã lìa trần, bỏ cuộc chơi.

Anh Phạm Trọng Lệ là trang văn nhân hòa nhã, vui tính. Có lần Thái Phụng, một hội viên thân niên của Cỏ Thơm và tôi gặp anh trong một buổi sinh hoạt cộng đồng gần Tết. Anh đang mừng tuổi cho mấy em nhỏ. Thấy chúng tôi lại gần, anh hỏi: "Sao, muốn lì xì không?" và rút trong ví ra hai tờ giấy \$20. Thái Phụng nhanh nhẩu cầm ngay tiền lì xì và nói "Anh cho thì nhận lấy hên chứ." Dĩ nhiên là tôi cũng hòa theo. Đó là những cử chỉ thân thiện trong gia đình Cỏ Thơm quý mến nhau. Những lần khác, anh Phạm Trọng Lệ tay xách nách mang cho mỗi người phụ nữ chúng tôi một gói tôm khô, một gói mút dừa, hay mút gừng, kẹo bánh ăn cả năm không hết.

Sau những buổi sinh hoạt cộng đồng, hòa nhạc, ra mắt sách, Phạm Xuân Thái và Phạm Trọng Lệ thường mời người Cỏ Thơm đi ăn mì và bao hết. Nếu hoàng hôn chưa đổ bóng, mưa gió không đe dọa, tôi nhận lời đi liền. Anh Lệ sợ về nhà ngồi ăn một mình. Tôi cũng vậy.

Trong các buổi tiệc Cỏ Thơm, BKG Phạm Trọng Lệ thường đem rượu mời khách ngồi cùng bàn như Nhà văn Phạm Xuân Thái, Nhà thơ Bùi Thanh Tiên, Cựu Đại Tá Hải Quân Bùi Cửu Viên... Nhưng Nhà Biên Khảo không quên đem *sparkling cider* mời phụ nữ không uống rượu như tôi. Tháng tư vừa qua, trong một buổi họp mặt Cỏ Thơm, tôi nhận được một chai Schmitt Sohne, Eiswine. Tôi định cho con gái khi về thăm nhà, nhưng bây giờ tôi sẽ giữ chai rượu đó làm kỷ niệm về nhà Biên Khảo mà tôi ngưỡng mộ.

Anh Phạm Trọng Lệ có dáng dấp đi đứng lừng khừng, thông thả, nói năng điềm đạm, từ tốn như một ông đồ. Trong các email gửi cho tôi, anh thường trịnh trọng viết "Thưa rồi kính chị Ngọc Dung". Tôi cũng đáp lại "Thưa rồi kính anh Phạm Trọng Lệ" cho phải phép. Anh có giọng ngâm thơ tiếng Anh đặc biệt British rất dễ thương. Nên trong các buổi sinh hoạt văn nghệ Cỏ Thơm, tôi thường yêu cầu anh ngâm một bài thơ tiếng Anh nào đó.

Năm trước tôi nhờ anh Phạm Trọng Lệ nhuận sắc tập "*Tình Bút Duyên Thơ*" và tập truyện "*Những Kỷ Niệm Đẹp*" mà Chủ nhiệm Phan Anh Dũng đã đưa lên Website Cỏ Thơm. Biên Khảo Gia đọc từng chữ, từng dòng, sửa từng dấu chấm, dấu phẩy rất cẩn thận, kỹ lưỡng khiến tôi rất hài lòng và yên tâm không sợ còn lỗi đánh máy, lỗi chính tả. Cũng không lạ gì, vì nhuận sắc gia là giáo sư ngôn ngữ học, văn chương Đại Học. Rồi ông lại viết Cảm Tưởng rất ưu ái về tập "*Những Kỷ Niệm Đẹp*" của tôi.

Ngọc Dung xin chân thành ghi ơn sự khuyến khích và hỗ trợ của BKG Phạm Trọng Lệ như một vị thầy.

Sự ra đi của BKG Phạm Trọng Lệ là một mất mát lớn lao cho con cháu gia đình người quá cố và cũng là một thương tiếc sâu đậm cho thân hữu gần xa, cho Cơ Sở Cỏ Thơm và nền văn chương ngôn ngữ truyền thống Việt Nam hải ngoại.

Biên Khảo Gia Phạm Trọng Lệ đã trọn vẹn và êm ái đi hết con đường trần tục. Cầu chúc hương linh người quá cố thông dong về cõi vĩnh hằng.

**Vô cùng thương tiếc.**

**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**

Virginia 07/24/2022



***Little Saigon Restaurant, Falls Church, Virginia USA***

***tháng 10, 2019 – phát hành Cỏ Thơm số 86***

***Từ trái: Phạm Bá, Phạm Gia Hưng, Hoàng Dung, Phạm Trọng Lệ, Phan Anh Dũng, Tâm Hào,  
Hoàng Song Liêm, Ý Nguyên, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Văn Thành,  
Thái An, Vũ An Thanh, Phạm Xuân Thái***

# TƯỜNG NHỚ ANH PHẠM TRỌNG LỆ

\*\* Phan Khâm \*\*

Đau buồn này tới đau buồn khác, bàng hoàng nhận được tin Anh Phạm Trọng Lệ đã ra đi. Mồng 2 tháng 7 năm 2021 Cơ Sở Văn Học Cổ Thơm tiến biệt Nhà thơ Nguyễn Vô Cùng. Một năm sau 22 tháng 7 năm 2022 Dịch giả GS Phạm Trọng Lệ miên viễn ra đi. Tuần trước đang còn liên lạc email với anh, tôi mời anh khi nào xe anh bon bon xa lộ 495 East mời anh ghé nhà thăm chơi, anh vui vẻ nhận lời. Thế mà nay anh đã ra người thiên cổ.



Một kỷ vật tôi còn lưu giữ để nhớ về Anh là trong buổi họp mặt phát hành Cổ Thơm 96 tại Little Sài Gòn trưa chủ nhật 29 tháng 5, tiệc sắp mãn, tôi có công chuyện xin phép về sớm, cầm trong tay chai mật ong đặc biệt MANUKA HONEY được anh biếu cho tôi. Tôi chào từ giã anh và Thank you Honey, quý anh chị bật cười lên, đúng là nụ cười nhay bén chữ nghĩa ngọt ngào honey.

Nhớ lại tháng 11 năm 2013, cùng chung sinh hoạt Cơ sở Văn Học Cổ Thơm, dịch giả Phạm Trọng Lệ gửi cho tôi khi Anh đã dịch hai câu cuối của bài thơ ƯỚC MƠ. Anh viết:

*“Thơ anh Phan Khâm*

*Bữa trước anh Ngô Tăng Giao có đề nghị và anh chuyển cho tôi hai câu cuối một bài thơ của Anh. Hai câu thơ đẹp như một đoạn phim ngắn; tôi có thử dịch và gửi kèm theo 4 versions, tùy anh chọn. Chúc anh sáng tác mạnh.-- PTLệ”*

**Lưng đồi nắng xuống rưng rưng  
Níu tay em lại xin đừng hoàng hôn.**

**Version 1:**

*Twilight sunglow is falling on the shoulder of the hill.*

*Tears are welling up in my eyes as I hold on your hand begging that sunset linger awhile.*



**Version 2:**

*Half way up the shoulder of the hill  
last drops of orange sun glow  
well up in my teary eyes  
Clinging to your hand  
I bid the setting sun not to go*

**Version 3:**

*On the shoulder of the hill  
Orange twilight hues glow  
Tears brim my eyes  
as I hold back your hands  
and bid you not to go.  
The sun is setting.*

**Version 4:**

*On the shoulder of the hill  
Orange twilight hues glow  
Tears brim my eyes  
As I cling to your hands  
Begging the setting sun not to go*

Xin đọc tiếp email của Anh Phạm Trọng Lệ gửi cho tôi và Chị Hồng Thủy:

On Friday, December 26, 2014 10:13 PM, Le Pham <[pearlphan@hotmail.com](mailto:pearlphan@hotmail.com)> wrote:

*Thưa anh Phan Khâm:*

*Hôm qua tôi có gửi cho bà Hồng Thủy và mới đây nhận ra thiếu tên anh. Cáo lỗi.--*

*PTLệ*

---

From: [pearlphan@hotmail.com](mailto:pearlphan@hotmail.com)

To: [tvhongthuy@yahoo.com](mailto:tvhongthuy@yahoo.com)

Subject: RE: Kim Nguyen sent you a playlist: "DVD MÙA CỎ TÍCH-Phan Khâm-Nguyễn tất Vịnh"

Date: Thu, 25 Dec 2014 20:20:51 -0500

*Thưa nhà văn Hồng Thủy và thi sĩ Phan Khâm:*

*Cám ơn ông thi sĩ Phan Khâm. Cám ơn Chị Hồng Thủy đã gửi cho CD "Mùa Cổ Tích" của ông thi sĩ Phan Khâm. Tôi đã nhận được CD này một hai hôm nay nhưng chưa kịp nghe. Chiều nay tôi nghe được một nửa trong 14 bài thơ phổ nhạc. Tối nay hay ngày mai sẽ nghe tiếp. Tuyệt tác. Bài nọ nối bài kia khiến có thể nghe liền tù tì mà không phải đổi bài. Tiếp theo CD Ước Mơ, ông thi sĩ Phan Khâm lại làm chúng ta ngạc nhiên thích thú với lối dùng chữ ẩn hiện mờ ảo, hư hư thực thực, rất sensual như nối liền quá khứ của cổ tích và ca dao với hiện tại bằng lời thơ khiến khi nghe, thơ và nhạc quyện với hình ảnh, ta không còn sợ sự trôi nhanh của thời gian, mà sẵn lòng để bị quyến rũ như tiếng hát của nữ thủy thần mà ông thi sĩ đã dùng để minh họa. Ông thi sĩ Phan Khâm và Quý vị yêu thơ nhạc còn chờ gì nữa mà không RA MẮT CD THƠ NHẠC Phan Khâm? Xin hoan nghênh.-- PTLệ*

Đây là bức hình kỷ niệm rất quý được Anh Phạm Văn Tuấn chụp và gửi cho tôi  
Monday, March 26, 2018

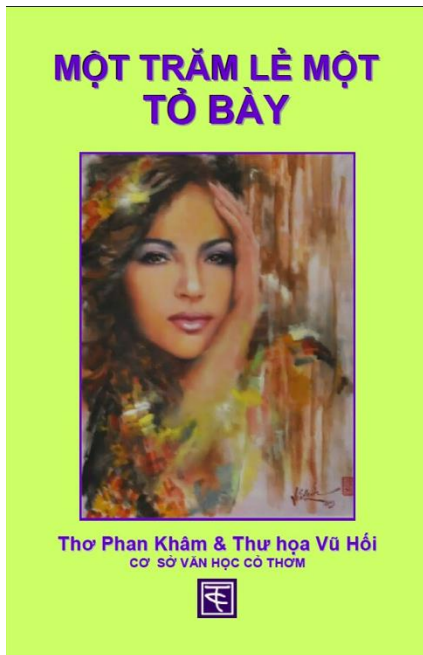
"Thân gửi Anh Phan Khâm, Tôi chỉ chụp 2 hình có Tam Đa: Phan Khâm – Vũ Hối – Phạm Trọng Lệ, tôi xin gửi tặng Anh theo attachments. Thân mến, PvTuan".



**Phạm Trọng Lệ, Phan Khâm, Vũ Hối – 2018**

Tôi cũng rất hân hạnh được Anh Phạm Trọng Lệ nhận lời viết LỜI GIỚI THIỆU cho Thi tập 101 EM TỪ LỤC BÁT BƯỚC RA đổi tựa thành 101 TỔ BÀ Y.

Xin trích đoạn cuối LỜI GIỚI THIỆU:



*“.....Trong khoảng không gian yên tĩnh giữa ta với thơ, bên cạnh những câu thơ sáu tám giàu hình ảnh, ta cũng thưởng thức những nét tung hoành của nhà thơ họa Vũ Hối. Ta hãy nghe những vần thơ gọi cho ta những hình ảnh xưa của một chỗ gọi là quê nhà. Ta sẽ yêu những vần thơ lục bát vắng vắng như lời ca dao, lời ru của mẹ hiền, hay lời thủ thi của người yêu. Ta sẽ có cảm giác lâng lâng như được nâng bổng lên từng cao của mỹ cảm. Đây là quà tặng của tiếng Việt, qua lời thơ lục bát thuần Việt, cho người Việt đau đáu trong tìm những hình ảnh dịu hiền của một quê hương xa xưa. Mà vì ở xa cố hương, cuộc sống vội vã của một xứ tiện nghi càng làm ta nghĩ tới những hình ảnh của một quá khứ mà ta không thể níu lại, kể cả những nét của một thời thanh xuân, nhưng tiếng nói của thơ, ngôn ngữ thơ với khả năng kỳ diệu của nó, hình như*

*đã làm sống lại những kỷ niệm và hình ảnh của thời gian đã mất, xoa dịu nỗi khắc khoải và tăng thêm nguồn hứng khởi trong tim ta.*

*Cám ơn thi sĩ **Phan Khâm** và nhà thơ họa **Vũ Hối** và hân hạnh giới thiệu **101 TỔ BÀ Y ( Em Từ Lục Bát Bước Ra)***

*--Virginia 3/22/2016.-- PTLệ*

**Le Pham** <[pearlphan@hotmail.com](mailto:pearlphan@hotmail.com)>

**To** :Phan Kham

**Cc**:Giao Ngo,Pham Thai,Yen Nguyen,Dzung Sensor,My DT and 1 more...

Mon, Oct 11, 2021 at 9:54 PM

*Tôi đã bỏ ra một tuần để đọc 101 Em từ lục bát bước ra của anh Phan Khâm trước khi tác giả đổi tựa thành 101 Tổ Bà Y, và viết bài tựa, nhưng kết quả không sao hiệu*

*nghiệm, quyến rũ và bằng mấy bức hình của các nữ nghệ sĩ mà anh PX Thái đã “khổ công” tìm tòi. A picture is worth a thousand words, quả không sai. Sức mạnh của hình còn ngang ngửa với giọng ca truyền cảm của ca sĩ Hoàng Tiến. Trong 101 bài lục bát còn nhiều câu rất sensual. Càng đọc càng suy gẫm càng thích thú.*

*PTL*

Thêm một kỷ niệm ghi nhớ mãi về anh Phạm Trọng Lệ 3 hôm trước ngày anh ra đi anh còn trao đổi email với tôi và anh Phan Anh Dũng góp ý khi Anh đã nhận lời viết Lời Tựa cho tuyển tập của một nhà văn sinh hoạt với Cỏ Thơm:

On Jul 19, 2022, at 4:05 PM, Phan Kham <[phanvyle@yahoo.com](mailto:phanvyle@yahoo.com)> wrote:

Chào anh Phạm Trọng Lệ,

Rất vui được Anh cho biết người nhờ Anh viết Lời Tựa đã đồng ý theo lời yêu cầu của Anh và với sự góp ý của tôi và anh Phan Anh Dũng.

Tôi rất quý trọng Anh từ khi tôi hân hạnh được có cơ duyên gặp Anh cùng sinh hoạt với Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm. Anh rất cẩn trọng, xem xét phân định rất kỹ càng từng ly từng tý như đã nhận lời giúp viết LỜI TỰA, HOẶC LỜI GIỚI THIỆU. Dù có chậm đi khoảng thời gian nhưng đạt được công việc hoàn hảo chu đáo.

Và cũng nhân đây, theo lời giới thiệu của tôi, Anh Nguyễn Xuân Vân, Hội Trưởng Hội Đồng Hương Quảng Trị, Chủ biên Tuyển Tập DẤU KỶ NIỆM TƯỞNG NHỚ NHÀ THƠ NGUYỄN VÔ CÙNG, sinh hoạt lâu năm với CƠ SỞ VĂN HỌC CỎ THƠM, gửi biểu Anh tuyển tập làm kỷ niệm, không biết Anh đã nhận được chưa?

Kính chúc Anh vui khỏe và mong có dịp hội ngộ.

Phan Khâm

*[Le Pham <pearlphan@hotmail.com>](mailto:pearlphan@hotmail.com)*

*To:Phan Kham*

*Tue, Jul 19 at 5:51 PM*

*Cám ơn anh Phan Khâm, về những lời quý hoá của anh. Cũng nhân dịp anh đề cập, hôm nay tôi nhận được tập Thơ Dấu Kỷ Niệm của nhà Thơ Nguyễn Vô Cùng mà người gửi là anh Nguyễn Xuân Vân. Tôi đang tính viết thư cảm ơn anh Nguyễn Xuân Vân thì đọc được email của anh. Anh Nguyễn Đắc Bồng thường có mặt trong những trang Cỏ Thơm, cùng người Quảng Trị như Anh. Tính đến hôm nay thì Anh mất được*

hơn một năm. Nhưng đọc tập thơ mới thấy Nhà Thơ Nguyễn Vô Cùng đa tài, Thơ xướng họa, thơ Đường luật, biên khảo, nhiếp ảnh nghệ thuật...Chiều nay tôi cũng thích thú đọc mấy bài về Tết của nhà thơ.

Tôi xin cảm ơn Anh và hội Quảng Trị mà khi còn sinh tiền ông bạn bác sĩ nhãn khoa Dương Quảng Hớn có mời tôi tham dự khi các Anh có tiệc.

Thân kính, PTL

Thưa Anh Phạm Trọng Lệ,

**Vườn Cỏ Thơm vắng bóng Anh**  
**Nâng ly rượu đỏ chênh vênh nỗi buồn...**

**Phan Khâm**

(Maryland ngày trời âm u mưa buồn 26 tháng 7 năm 2022)





**SINH NHẬT CỎ THƠM NĂM THỨ 20 – Tháng 6, 2015 / VĂN THI HỌA NHẠC SĨ CỘNG TÁC VỚI CỎ THƠM:**

Hàng đầu từ trái: NT Ý Anh, NV Trương Anh Thụy, NAG Trương Minh Châu, Dịch giả Diễm Trân, NV Ý Nguyên, NV Nguyễn Thị Ngọc Dung, NV Phong Thu, NV Hồng Thủy, NV Hoàng Dung

Hàng thứ 2: NV Phạm Bá, BKG Nguyễn Ngọc Bích, NT Nguyễn Phú Long, BKG Hải Bằng Hoàng Dân Bình, Nhà Soạn Nhạc Lê Văn Khoa, NS Huy Lãm, NV Nguyễn Lân, BKG Nguyễn Văn Thành.

Hàng thứ 3: NT Phan Khâm, NT Hoàng Song Liêm, NV Phạm Hữu Bính, BKG Phạm Trọng Lệ, NT Cao Nguyên, BKG Phạm Văn Tuấn, NT Bùi Thanh Tiên

Hàng thứ 4: NV Đỗ Ngọc Phú, NT Ngô Tăng Giao, NT Phan Ngọc, NAG Nguyễn Quốc Khải, NV Phạm Xuân Thái, NT Luân Tâm, NS Phan Anh Dũng

(Ghi chú: NT Đăng Nguyên, NS Văn Duy Tùng, NT Diễm Hoa không có mặt trong hình)



23 Dec. 2018 - Little Saigon Restaurant.









**HỘI NGƯỜI VIỆT CAO NIÊN VÙNG HOA THỊNH ĐÓN**



**GIA ĐÌNH CHU VĂN AN VÙNG HOA THỊNH ĐÓN**





**ĐẠI HỘI CHU VĂN AN CVA59 – NĂM 2009 CALIFORNIA**

**ẢNH LỚN: <http://cva59.net/2009dh/DH2009.jpg>**



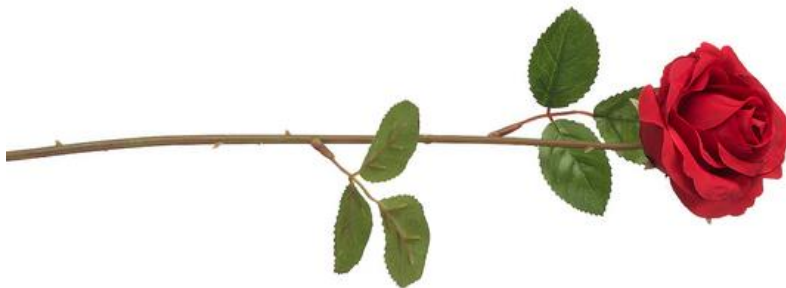
# MỜI XEM BỘ HÌNH CÓ GS PHẠM TRỌNG LỆ DO PHẠM XUÂN THÁI THIẾT LẬP

<https://photos.app.goo.gl/PXGuBtAj7252GHIF9>



**MỜI ĐỌC MỘT SỐ BÀI BIÊN KHẢO CỦA GS PHẠM TRỌNG LỆ**

<https://cothommagazine.com/wp/author/pham-trong-le/>



# Chương trình ANH NGỮ SINH ĐỘNG (New Dynamic English)

Đài Voice of America – Tiếng Nói Hoa Kỳ

Giáo sư Phạm Văn (tức Phạm Trọng Lệ phụ trách)



<https://www.youtube.com/channel/UCuO-bG0H6y90IWQ96IKeJ5g/videos>

## Thí dụ:

Đây là chương trình Anh ngữ Sinh động New Dynamic English **bài thứ 1**. Phạm Văn xin kính chào quý vị thính giả. Trong bài học này quý vị sẽ gặp ông Max và cô Kathy hai người phụ trách chương trình Anh ngữ căn bản nhằm giúp quý vị hiểu thêm về người Mỹ và văn hóa Mỹ.

Chủ đề của bài học hôm nay là câu **Where Do You Come From? = Bạn từ đâu đến?**

<https://www.youtube.com/watch?v=a1eia0pdCHo>

Đây là chương trình Anh Ngữ Sinh động New Dynamic English **bài thứ 15**. Phạm Văn xin kính chào quý vị thính giả. Phần đầu bài học hôm nay là **FUNCTIONING IN BUSINESS-ANH NGỮ THƯƠNG MẠI**, trong đó quý vị nghe Elizabeth Moore phỏng vấn cô Shirley Graham, phó chủ tịch cao cấp (senior vice president) của hãng Advanced Technologies.

<https://www.youtube.com/watch?v=DBH26uAMa8E>

# “The Language Must Not Sweat”

## Quan Niệm Về Văn Chương Của Nhà Văn Mỹ Gốc Phi Toni Morrison

**\*\* Phạm Trọng Lệ \*\***

(Trong Tạp Chí Cỏ Thơm số 86, tháng 10, 2019, tr. 96-102)

Nhà văn và giáo sư trưởng ban nhân văn **Toni Morrison** tại đại học Princeton, tên thật là **Chloe Ardelia Wofford**, sinh ngày Feb. 18, 1931, là nhà văn nữ người Mỹ gốc Phi đầu tiên được giải văn chương Nobel năm 1993, tác giả 11 cuốn tiểu thuyết và nhiều tác phẩm khác\*, qua đời ngày 5 tháng 8, 2019 tại New York, thọ 88 tuổi.



*Toni Morrison*

Quê bà ở tỉnh nhỏ Lorain, Ohio. Sau khi học trung học tại tỉnh nhà, cô sinh viên 18 tuổi học cử nhân chuyên về English và chọn cổ văn (Latin, Hy Lạp) làm môn phụ tại Howard University ở thủ đô Washington, và gia nhập ban kịch của trường xuống miền Nam trình diễn. Xong cử nhân năm 1953, cô học tiếp lên bậc cao học và hai năm sau đỗ Master of

Arts về nghệ thuật sáng tạo Creative Writing tại Cornell University, với tiểu luận về cách William Faulkner và Virginia Woolf viết về tâm trạng kẻ xa lánh thờ ơ (“Virginia Woolf and William Faulkner’s Treatment of the Alienated.”) Xong cao học, Toni Morrison xuống miền nam dạy English 2 năm tại Texas Southern University và sau đó trở lại trường cũ dạy 7 năm tại Howard University. Bà lập gia đình với ông Harold Morrison, một kiến trúc sư người Jamaica. Ông bà có với nhau hai người con rồi ly dị. Giữa thập niên 1960s, phải nuôi hai con một mình, bà về làm biên tập viên sách giáo khoa cho một chi nhánh của nhà xuất bản Random House, và sau đó làm editor người da đen đầu tiên tại một nhà xuất bản sách nổi tiếng này tại New York. Tại phân vụ chuyên về Tiểu Thuyết Fiction department, bà vừa làm công việc lựa chọn tiểu thuyết cho sở vừa viết văn cho mình. Giỏi Anh ngữ trong công việc bình bút vào lúc hiếm có người da đen làm được công việc này, bà chuyên tâm về đề tài kỳ thị (racism) mà người da đen phải chịu. Thời gian này đã tôi luyện cho kỹ thuật viết truyện, dàn truyện và tâm lý nhân vật của bà. Cuốn tiểu thuyết đầu tay The Bluest Eye, với sự giúp đỡ của biên tập viên Robert Gottlieb, được nhà xuất bản Holt, Hart and Winston nhận xuất bản

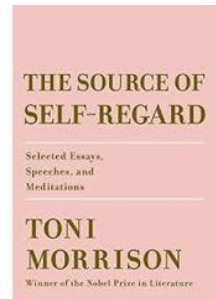
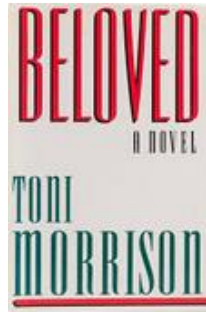


năm 1970 lúc bà 39 tuổi. Cuốn này được khen trên New York Times tuy bán không chạy lắm nhưng phân khoa Nghiên cứu Văn Chương Da Đen của đại học New York là New York Black Studies Department chọn làm sách cho sinh viên học. Năm 1973 cuốn Sula được trao giải National Book Award. Tiếp theo, Song of Solomon (1977) được Book of the Month Club chọn là sách trong tháng cho hội viên. Đây là một vinh dự và gây danh tiếng cho tác phẩm và tác giả. Vì sau nhà văn Mỹ gốc Phi Richard Wright với cuốn Native Son, cuốn Song of Solomon của Toni Morrison là cuốn sách thứ hai của một văn sĩ da đen được câu lạc bộ danh tiếng BOMC chọn. Năm 1979 đại học danh tiếng Barnard College chọn trao huy chương Barnard Medal of Distinction cho bà.

Từ năm 1989 đến khi bà về hưu, bà được đại học Princeton University trao chức vụ giáo sư trưởng ban về Nhân văn, Chair in the Humanities, hướng dẫn sinh viên ngành Creative Writing trong Princeton Atelier, nơi sinh viên và nghệ sĩ sáng tác các nghệ phẩm, và cuối lục cá nguyệt cùng nhau triển lãm công trình hợp tác cho công chúng thưởng ngoạn.

Năm 1993 bà được chọn nhận giải thưởng văn chương Nobel. Sau đó bà được nữ tài tử và chủ đài truyền hình Oprah Winfrey chọn bộ sách Beloved được giải Pulitzer để quay thành phim, nhưng phim không thành công vì dài gần ba tiếng, và nặng về phần tri thức quá. Nhưng tiền bán bán sách thu về còn cao hơn giải Nobel năm 1993 là \$US 825,000.

\*Tiểu thuyết: The Bluest Eye, 1970; Sula, 1973; Song of Solomon, 1977; Tar Baby, 1981; Beloved, 1987; Jazz 1992; Paradise, 1997; Love, 2003; Home, 2012; Non fiction: The Source of Self-Regard (essays, speeches), 2019



**Tác phẩm chính của Toni Morrison**

## Phòng vấn

Trong một bài phỏng vấn của Thomas LeClair, đăng trên tạp chí The New Republic số ra ngày 21 tháng March 1981, trang 26-29 (sơ lược):

### H.-Bà quan niệm thế nào về chức vụ của một văn sĩ như bà?

Đ.-Tôi viết về những gì tôi mới đây gọi là “văn chương miệt vườn” (*village literature*), tiểu thuyết viết riêng cho những người dân làng. Người dân bộ lạc. Văn chương đồng ruộng cho dân tôi, cho phép tôi gần gũi với mọi lớp người. Tôi suy nghĩ rất kỹ về mục đích của những cuốn tiểu thuyết của tôi. Nó phải làm sáng tỏ những những vai trò đã trở thành mờ tối; nó phải nhận ra những gì hữu ích và vô ích trong quá khứ, và tiểu thuyết phải cung cấp dinh dưỡng. Tiểu thuyết xưa giữ mục đích nói về giá trị của thị thành; tiểu thuyết cũng như âm nhạc, cho người da đen. Âm nhạc giữ cho chúng tôi sống động, nhưng chưa đủ...

Tôi muốn dựng lại thứ tiếng nói mà người da đen đã nói lúc nguyên thủy, rất giàu mạnh, không màu mè.

H.-Là một nhà bình bút (editor) bà để ý đến phẩm chất của tác phẩm của người khác. Điều gì coi như đặc biệt về tiểu thuyết của bà? Điều gì làm cho tiểu thuyết bà hay?

Đ.-Chỉ có ngôn ngữ thôi. Ngôn ngữ phải cần thận và phải có vẻ dễ dàng (*effortless*). Ngôn ngữ không được “toát mồ hôi” (*It must not*

*sweat*). Phải vừa gợi cảm, vừa khiêu khích (*provocative*). Đó là thứ ngôn ngữ người da đen rất thích—nói lời nào giữ trên môi. Thí nghiệm với chữ, đùa cợt với chữ. Đó là lòng yêu mến, lòng say mê. Chức năng của ngôn ngữ cũng giống như chức năng của một nhà giảng đạo: làm bạn nhòm khỏi ghế ngồi, làm bạn quên mình đi và nghe chính mình...Khi Eva trong truyện Sula đốt đũa con trai chết, thì đũa con gái bà chạy lên cầu thang cho bà biết thì Eva trả lời “Hử” (“Is?”),

Có nghĩa là a) Bà biết rồi; b) Bà kệ không làm gì cả; và c) Bà không muốn nói chuyện nữa.

### H.-Chắc không phải độc giả nào cũng hiểu nghĩa chữ đó?

Đ.-Nếu tôi viết “*Quiet as it’s kept*,” đối với người da đen có nghĩa là “người ta sẽ nói dối”. Chỉ người hiểu mới nhận được. Như nhạc jazz. Rất dễ hiểu mà cũng rất khó hiểu. Tôi không bao giờ xin Tolstoy viết cho tôi đọc, một đũa con gái da đen sống ở Lorain, Ohio. Tôi không bao giờ bắt Joyce phải đề cập đến đạo Thiên chúa hay thế giới ở Dublin. Không bao giờ. Tôi chẳng hiểu tại sao người ta lại bắt tôi phải giải thích cuộc đời của bạn cho bạn. Chúng ta có nhiều nhà văn tuyệt vời làm chuyện đó, nhưng tôi không phải là một trong những nhà văn đó.

...Có lần trong truyện *Sula*, Eva đang chờ người chồng trở về. Bà ta không biết mình có cảm nghĩ gì, nhưng khi ông ta đi, ông chỉ bám còi chiếc xe hơi kiểu Ford đời xưa nhất gọi là Model-T “ú gà, ú gà”, nhưng có người cho tôi hay là thời đó chưa có xe hơi, tôi phải mất

công viết lại cảnh đó vì tôi muốn có màu sắc và âm thanh. Sau tôi cho một bà mặc áo xanh cười lớn, một âm thanh lạ trong tình nhỏ đó. Thay cho tiếng “ú gà” xe hơi tôi dùng không được.

Trong truyện The Bluest Eye tôi lồng trong khung cảnh một câu chuyện thông thường trong sách giáo khoa lớp đồng ấu tả một gia đình hòa thuận, ấm cúng, như vẻ ngoài của văn minh. Cuốn truyện ấy tả gia đình da trắng cho người da đen xem. Khi cuốn truyện diễn tiến, tôi muốn câu chuyện trong cuốn sách đồng ấu bị phá vỡ và làm lộn xộn, vì vậy mà độc giả thấy cách sắp đặt chữ dính liền vào nhau. Những đoạn trong truyện Dick và Jane được chen kẽ trong những đoạn khác trong cuốn The Bluest Eye. Cuốn sách vỡ lòng cho ta thấy xã hội nói cho ta hay thế nào là một gia đình lý tưởng của một gia đình trung lưu mà cha làm việc, mẹ ở nhà, con cái sạch sẽ, hòa thuận, ngoan ngoãn, ngay cả con chó hay con mèo cũng được chải chuốt gọn gàng.

Tôi muốn độc giả thấy rõ sự thực cuộc sống của người da đen. Vì xưa là người nô lệ nên người da đen lúc nào cũng dễ bảo và kiếm người thể được. Điều đau đớn ở đây là người da đen không được nhìn đúng mức họ. Đó là lý do lòng ghét của tôi với người da trắng là chính đáng và lòng ghét của họ đối với tôi là không chính đáng. Trong cuốn Drylongso có kể chuyện người da đen cho rằng chó bao giờ nói thật với người da trắng. Họ không muốn nghe sự thật. Họ coi họ đạo đức hơn người da đen. Vì vậy mà chủ đề mặt nạ rất quan trọng trong văn chương người Mỹ da

đen, và tôi dùng chủ đề này trong cuốn Tar Baby.

**H.-Một trong những điều người ta chỉ trích là Bà viết về những nhân vật kỳ quặc không phải là người tiêu biểu cho quảng đại quần chúng.**

Đ.-Có những cuốn sách viết về đời sống bình thường của người da đen. Tôi không viết về những cuốn sách đó. Độc giả da đen hỏi: “Sao truyện của bà buồn vậy? Tại sao bà không viết về những liên hệ lành mạnh?” Có loại tiểu thuyết thuộc loại vui tươi. Tôi viết về loại tôi tạm gọi là bi thảm, trong đó có xúc động mạnh và khám phá, tẩy được những cảm xúc xấu trong người (catharsis, như trong bi kịch, nhân vật người hùng đại tài nhưng vì có một tật ngạo mạn, tự phụ kiêu căng hubris nên bị thất bại; người xem kịch xem xong cảm thấy giải thoát những ẩn ức trong lòng, theo Aristotle trong Poetics. - chú thích thêm của người viết bài.)

### Sức Mạnh của Ngôn Ngữ

“We die. That may be the meaning of life. But we do language. That may be the measure of our lives.”- Toni Morrison

Ngày 7 tháng 12 năm 1993, bà nhận giải văn chương Nobel tại Stockholm Thụy Điển (Sweden). Trước cử tọa uyên bác, và hoàng gia Thụy Điển, bà nói: “Ngôn ngữ bị kẻ mạnh dùng như một thứ vũ khí đè nén kẻ yếu. Ngôn ngữ áp bức không chỉ biểu hiện bạo hành mà thôi mà chính là bạo hành vậy;

*không chỉ biểu hiện giới hạn của tri thức mà thô; nó chính là sự giới hạn của tri thức. Ngôn ngữ đó phải gạt bỏ và đưa ra ánh sáng. Bà cho rằng ngôn ngữ giúp ta cảm thấy mình sống thực. **Ta sống rồi chết nhưng ngôn ngữ làm ta sống mãi.***

Để thay một bài diễn văn, bà kể một câu chuyện ngụ ngôn:

*“Một bà lão mù nhưng uyên thâm sống trong một túp lều ở ngoại ô thành phố. Một đứa nhỏ nghịch ngợm bảo bà nó đang có một con chim trong tay, đó bà biết chim sống hay chết. Bà già mù ngẫm nghĩ hồi lâu rồi bảo: “Ta không biết con chim nhỏ mà em đang nắm trong tay sống hay chết, nhưng điều mà ta biết rõ là nó đang nằm trong tay em. Nó đang ở trong tay em.”*

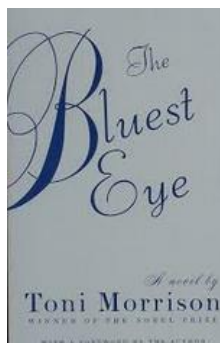
Con chim trong truyện, theo Morrison, tượng trưng ngôn ngữ. Và một ngôn ngữ chết là thứ ngôn ngữ không còn dùng được nữa, không còn cảm thụ, không còn diễn tả được những tư tưởng mới, không biết cách diễn tả mới nữa—thứ ngôn ngữ của nhà nước, bị kiểm duyệt... Có thứ ngôn ngữ ngoại giao để hỗ trợ cho sự hăm hiếp, tra tấn, ám sát và những thứ ngôn ngữ biến được đi để làm chẹn họng phụ nữ, như người ta nhét đồ ăn vào cổ cho ngỗng béo để có gan to làm pa-tê... Người làm văn cũng như bà già mù, cho đứa bé tượng trưng độc giả khả năng và trách nhiệm làm cho con chim, tượng trưng ngôn ngữ, chết hay sống. Chính độc giả phần nào chịu trách nhiệm của ngôn ngữ mình dùng.

(Trích diễn văn đọc tại Stockholm; toàn bài trong link dưới đây:

<https://youtu.be/ticXzFEpN9o>)

(Vulture.com)

## The Bluest Eye



Cuốn tiểu thuyết đầu tay tả chân, tâm lý, in năm 1970. Khung cảnh xảy ra tại tỉnh Lorain, tiểu bang Ohio, quãng năm 1940-41, sau kỳ Khủng Hoảng Kinh Tế. Nhân vật chính là con bé Pecola Breedlove, 11 tuổi, bạn thân của con bé

Claudia MacTeer, 9 tuổi và là người thuật chuyện. Mẹ của Pecola là Pauline (Polly) làm người làm và dọn dẹp cho một nhà giàu; bố của Pecola là Cholly Breedlove, cũng là bố của đứa con gái của Pecola. Frieda MacTeer là chị gái 10 tuổi của Claudia. Elihue Micah Witcomb (Soaphead Church) là thầy bói người West Indies.

Câu chuyện do Claudia kể xoay quanh lòng ước mong của con bé Pecola, muốn có đôi mắt xanh biếc như những đứa con gái người da trắng. Nó tưởng tượng nó đen đũi xấu xí, nên bị cha mẹ và hàng phố hắt hủi. Nó tin là vì nó đen nên ai cũng ghét nó. Nó chuyển lòng mơ ước được yêu thương thành đôi mắt biếc, hình ảnh của sắc đẹp. Bắt đầu, Claudia nhớ lại, khi nó lên 9, con bạn nó là Pecola, lúc đó 11 tuổi, bị bố nó hiếp, và có thai. Mùa hè năm 1941, Claudia và chị nó là Frieda,



trồng hạt giống cây cúc vạn thọ (marigolds) và tin rằng nếu hạt giống hoa cúc mọc thì đứa con của Pecola sẽ sống. Nhưng những hạt cúc không mọc, và đứa con của

Pecola chết.

Pecola nằm trong giường nghe bố mẹ cãi nhau. Nó muốn biến đi, chỉ còn đôi mắt biếc. Nó ước sao đôi mắt nó có màu xanh biếc. Giá mà nó có cặp mắt xanh biếc, chắc bố mẹ nó sẽ không cãi nhau. Sau khi bị hiếp, và bị đuổi học, Pecola đi gặp ông thầy bói Soaphead Church để ông làm cho mắt nó thành xanh. Hàng ngày Soaphead đưa thuốc bả chó cho Pecola và nói dối bảo nó hãy đem cho chó ăn. Nó cho chó ăn thuốc bả và nhìn thấy con chó ngộ độc, chết trước mắt. Cùng với lần bị bố nó hiếp, rồi bị hiếp lần nữa, Pecola phát điên. Trong cơn điên, nó nghĩ nó có cặp mắt xanh nhất trên đời.

Tác giả ngụ ý nhân vật chính Pecola và những nhân vật khác đều là nạn nhân của xã hội da trắng. Pecola thành tâm tin rằng nếu mắt nó xanh thì cuộc đời sẽ đẹp hơn, vì theo con bé, mắt xanh là mẫu mực về sắc đẹp của người da trắng. Pecola bị người ta dạy cho nó tin rằng nó rất xấu vì da nó đen. Claudia cũng vậy, vì da nó đen nên nó cảm thấy xã hội ruồng rẫy nó. Còn cha mẹ của Claudia thì đành phải chấp nhận cuộc đời với những bất công xã hội đã an bài. Nếu xã hội da trắng cho rằng họ xấu, thì họ cũng tin rằng họ xấu xí. Vì vậy mà Claudia ghét những con búp-bê da trắng (như búp-bê Shirley Temple). Nó muốn xé nát những con búp-bê để xem trong

đó có gì mà người lớn quý và ghét những đứa con gái da đen. Cuối cùng thì Cholly, Pecola và đứa hài nhi đều chết. Con bé Claudia giải thích:

“Năm đó đất này xấu lắm, không trồng hoa cúc được. Có thứ đất hạt hoa không bao giờ mọc, có thứ cây không bao giờ có trái, và khi đất ở đó giết chết sinh vật tùy thích, thì ta đành nhận và nói rằng nạn nhân không có quyền được sống. Dĩ nhiên là tôi nhầm, nhưng bây giờ thì trễ rồi...” (I even think that now that the land of the entire country was hostile to marigolds that year. This soil is bad for certain kind of flowers. Certain seeds it will not nurture, certain fruit it will not bear, and when the land kills of its own volition, we acquiesce and say the victim had no right to live. We are wrong, of course, but it doesn't matter. It's too late. At least on the edge of my town, among the garbage and the sunflowers of my town, it's much, much too late.) (The Bluest Eye, p.160)

Tóm lại, dùng kinh nghiệm của chính đời mình khi còn niên thiếu, thêm óc sáng tạo, Toni Morrison, cô gái tình nhỏ lên thủ đô học, lập gia đình, có hai con rồi ly dị. Trong khi làm tiểu luận tại Cornell cô đã nghiên cứu và chịu ảnh hưởng lối hành văn stream of consciousness (lối diễn tả tư tưởng liên tục) nhìn từ nhiều viễn cảnh, cố ý dùng lối viết rời rạc và chấp nối, và viết những đoạn nhiều chữ dính liền nhau, với một văn phong có nhịp điệu như nhạc jazz, nhạc nhà thờ spirituals and gospels, và cuối cùng tả về chủng tộc da đen nhưng bằng lối hành văn và lối nói đặc thù của người da đen, mà

người đọc không nghĩ là của người da đen viết, cộng thêm cách dàn kịch choreography bà được luyện khi học ở Howard. (Bà viết “I wanted to carve out a world both culture specific and race-free prose.”

<https://www.theguardian.com/books/2019/aug/08/toni-morrison-rememory-essay>

Trong bài diễn văn đọc tại Stockholm năm 1993 hoặc trong những cuộc phỏng vấn, thính giả nghe bà nói thứ tiếng Anh chuẩn xác, standard American English, chứ không phải Black English mà một số nhà văn phạm xếp là substandard.

Lúc đầu cuốn The Bluest Eye bị nhiều khu giáo dục cho là “đòi truy và khiêu dâm” không hợp với trình độ trung học, và để phụ huynh lựa chọn cho con em học sinh trung học lớp 11, 12 và lớp cao cấp AP.

Xin để độc giả tìm đọc rồi thẩm định.

Trong vòng 40 năm viết văn với 10 cuốn tiểu thuyết, vài vở kịch và sách biên khảo, nữ văn sĩ Toni Morrison đã dùng đề tài người đàn bà da đen với tất cả những bi đát trong một xã hội da trắng, pha trộn với thần thoại và huyền thoại Phi Châu, với lối hành văn uyển chuyển của thánh kinh và với lời thơ nhịp nhàng của những bài hát đồng dao của người da đen, lối kể chuyện độc đáo của người da đen, và lối đối thoại làm động cơ đưa đẩy câu chuyện, nhà cựu bình bút của nhà xuất bản Random House, đã vượt trên tất cả các nhà văn danh tiếng để lãnh giải Nobel văn chương, và sau này giữ chức vụ giáo sư trưởng ban sáng tạo văn chương tại Princeton cho đến lúc về hưu.

## PHẠM TRỌNG LỆ

(Viết xong tại Virginia 1995, bổ chính August – September 2019)

\*\*\*\*\*

### Toni Morrison - The Nobel Prize in Literature 1993

[https://www.nobelprize.org/prizes/literature/1993/morrison/photo-gallery/?gallery\\_style=page](https://www.nobelprize.org/prizes/literature/1993/morrison/photo-gallery/?gallery_style=page)





**Time phỏng vấn Toni Morrison**

[https://www.youtube.com/watch?v=DUr\\_XoMCPFA](https://www.youtube.com/watch?v=DUr_XoMCPFA)



**Toni Morrison nhận Presidential Medal of Freedom từ Tổng Thống B. Obama năm 2012**

[https://www.youtube.com/watch?v=Sv7vAW\\_tqQ](https://www.youtube.com/watch?v=Sv7vAW_tqQ)

## THƠ VỀ CHIẾN TRANH Ở UKRAINE

### War Poetry in Ukraine: Serhiy Zhadan và Lyuba Yakimchuk

(Tác giả Maria G. Rewakowicz\* từ bài báo trong  
Los Angeles Review of Books 2/22/22)

\*\* Phỏng dịch & Tóm lược của **Phạm Trọng Lê** \*\*



*Serhiy Zhadan*



*Lyuba Yakimchuk*



Ukraine. Cuộc chiến đã diễn là đề tài cho hai cuốn hợp tuyển viết bằng Anh ngữ là Letters from Ukraine: Thư Viết Từ Ukraine (2016) và Words for War: New Poems from Ukraine (2017).

Cũng mới đây, nhà xuất bản Lost Horse Press và University of Washington xuất bản

Kể từ khi Liên Bang Nga (Russia) sáp nhập Crimea (thuộc Ukraine) vào Nga năm 2014 và tiếp theo đó khuấy động những xung đột trong vùng đông nam Donbas thì đề tài chiến tranh đã nổi bật trong văn chương và thi ca

cuốn A New Orthography (2020) (Một Ngữ Vựng Mới), tác giả là Serhiy Zhadan (sinh 1974). Lyuba Yakimchuk cho ra mắt cuốn Apricots of Donbas (2012) (Những Trái Mơ Trồng Ở Donbas). Hai thi sĩ quê ở vùng tranh chấp Donbas và tuy cả hai hiện không sống ở đó, nhưng họ nổi bật như người phát ngôn đáng tin cậy (trusted spokespersons). Lyuba Yakimchuk sinh ở Pervomaisk thuộc Luhansk Oblast, vùng hiện đang dưới quyền bởi Luhansk People's Republic (Cộng Hòa Nhân Dân Luhansk). Bà cư ngụ tại thủ đô Kyiv. Còn tác giả Serhiy Zhadan, sinh ở Starobilsk cũng thuộc Luhansk Oblast-- hiện giờ thuộc vùng kiểm soát của Ukraine-- hiện sống ở Khakiv.

Hai tác giả tường thuật điều họ đã chứng kiến và nhớ lại những người bị giết, **bằng thơ**. Nhưng trong thơ của ông, **Zhadan** diễn



tả nổi quan tâm đến *sinh thái* (ecology). Chiến tranh tàn hại con người nhưng cũng tàn phá cây và hoa cỏ: Như trong tập thơ “Catalogue of Ships”:



***Let's start by whispering the names,  
let's weave together the vocabulary of death.  
To stand and talk about the night.  
Stand and listen to the voices  
of shepherds in the fog  
incanting over every single  
lost soul***

*(Chúng ta hãy bắt đầu gọi thầm những tên  
chúng ta hãy dệt các tên thành ngữ vụng của  
chết chóc.*

*Hãy cùng nhau đứng nói chuyện về ban đêm.  
Hãy đứng lắng nghe những tiếng kêu  
của những người chặn cừu trong sương mù  
đang đọc những câu thần chú khi  
mỗi linh hồn bị lạc.)*

Và chính thế giới của loài vật cây cỏ hoa lá đã làm chúng và đang khóc to hơn hết:

***Eastern Ukraine, the end of the second  
millennium.  
The world is brimming with music and fire.  
In the darkness flying fish and singing animals  
give voice.***

***In the meantime, almost everyone who got  
married then has died.***

***In the meantime, the parents of people my age  
have died.***

***In the meantime, most heroes have died.***

*(Miền Đông Ukraine, vào cuối thiên niên kỷ  
thứ hai.*

*Thế giới đang tràn đầy nhạc và lửa.*

*Trong đêm tối những con cá đang nhảy khỏi  
mặt nước hồ và loài vật biết ca hát góp tiếng.*

*Trong lúc đó, hầu như ai đã lập gia đình rồi  
chết.*

*Trong lúc đó, các bậc cha mẹ của những  
người cùng tuổi tôi đã chết*

*Trong lúc đó, hầu hết các anh hùng (đều  
chết).*

Tập thơ Catalogue of Ships có nhiều anh hùng; trong đó phần lớn tả chim chóc và những cây cối. Chim bảo vệ vùng trời của chúng: chúng cất tiếng hát lên khi những cây thông “bắt lửa cháy ở vùng biên giới,” chúng ca những bài thánh ca trong lễ tang; chúng nhận thực cho những xác người vô danh nằm trong hố mộ không tên. Hèn chi thi sĩ muốn bảo vệ chúng. “*Mỗi sinh vật phải được điểm danh/ không một sinh vật nào bị lãng quên.*”

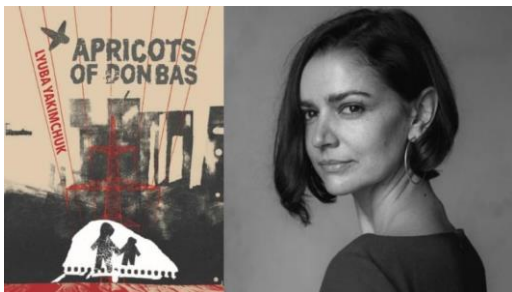
Trong suốt cuốn thơ, ông nhấn mạnh đến tầm quan trọng là phải *cảm thông* và *giao tiếp*, không phải chỉ giữa con người với nhau mà với mỗi phần tử trong thiên nhiên.

***“The most difficult, of course, is  
to talk to  
the trees -***

***it's like you don't owe them anything  
but here you stand in front of the pines,  
averting your eyes."***

(Điều khó nhất, dĩ nhiên, là nói với những cây-- dường như bạn không nợ gì chúng, nhưng ở đây bạn đứng bên cây thông ngược mắt lên nhìn.)

Công việc của nhà thơ là phải ngược mắt lên, đồng tai lên, và cũng phải tìm cho ra những từ ngữ chính xác, những chữ giúp ta hiểu thấu, mà còn phải làm dịu căn bệnh trầm kha gọi là thiếu lòng yêu thương "the critical lack of love". Poetry, he writes, "shouldn't join the general insanity—Thơ, theo ông, không nên gia nhập vào căn bệnh điên tập thể "should be easily memorized / like your passport number", thơ phải dễ nhớ như nhớ số thẻ thông hành của mình.



### **Nữ thi sĩ Lyuba Yakimchuk**

Về tác giả trẻ thứ hai, trong phần giới thiệu cuốn Apricots of Donbas, hai dịch giả Oksana Maksymchuk và Max Rosochinsky, giải thích rằng sau khi gia đình cô Yakimchuk (sinh 1985, năm 2014, cô 28 tuổi), bắt buộc phải di cư bỏ nhà ở Pervomaisk năm 2014,

cô trở thành phát ngôn viên cho thảm cảnh của dân di cư. Kinh nghiệm chính mình trải qua khiến thi sĩ ghi lại chứng cứ như đứa bé gái chứng kiến cảnh tốp lính Nga hăm hiếp mẹ nó, vì mẹ nó bị chúng nghi là người lính bắn sê. Trong bài thơ tựa đề "Caterpillar", thi sĩ đã phác họa một cảnh đau thương một cách khách quan lạnh lùng - with chilling objectivity, và trong bài "Skycrapers" cô nhấn mạnh sự thật là không những chỉ con người phải chịu đựng đau đớn mà những căn nhà thân thương của người dân cũng đau đớn.

Warning: Trong bài thơ dưới đây, người dịch xin báo trước, độc giả sẽ gặp đoạn tả rất "tàn bạo đau lòng, và khách quan lạnh lùng" *chilling objectivity*, như lời giáo sư tác giả bài điểm sách. Và đó là lối *tả chân "trần trụi"* của *tác giả* nhằm cực tả sự tàn bạo vô nhân của chiến tranh bằng ngôn ngữ khách quan lạnh lùng. - PTL

### **CATERPILLAR**

***her digits contract in the cold  
a wedding band slips off her ring finger  
it clicks and rolls on the pavement  
her hands tremble like leaves  
as a caterpillar draws near -  
its track  
crawls by her daughter's feet  
and stops***

(ngón tay của người đàn bà thu nhỏ lại vì lạnh

chiếc nhẫn cưới tuột ra khỏi ngón tay đeo nhẫn

kêu lên một tiếng keng và rớt lặn trên hè  
đường

bàn tay bà run rẩy như những chiếc lá  
khi một con sâu róm bò lại gần -

trên dấu vết của nó

bò gần chân đứa con gái của bà  
rồi nó ngừng lại)

**two men approach**

**order her to open her hands**

**as if to clap**

**they peer into her passport, pass it between  
themselves**

**they press and squeeze her thumbs  
on her index finger**

**they locate a burn instead of a callus  
from shooting a sniper rifle**

**they call her by her nickname  
or maybe it's someone else's**

**Butch**

(hai người đàn ông lại gần  
ra lệnh cho bà ta xòe tay ra  
như thể sắp vỗ

chúng đọc kỹ cuốn sổ thông hành của bà ta,  
chuyên cho nhau xem

chúng bóp và ấn chặt ngón tay cái  
lên ngón tay trở bàn tay bà

chúng thấy một vết cháy thay vì một vết chai  
do vì bấm cò súng của người bắn sẽ  
chúng gọi bà bằng tên thân mật của bà  
hay tên thân mật của người nào khác  
Butch)

**they strip her**

**they probe her**

**they lay her down**

**as a queue**

**nine of them**

**(her favorite number)**

**rape her**

**wearing blue bathrobes**

**(her favorite color)**

**second-hand Nikes**

(chúng lột áo quần bà

chúng thăm dò cơ thể bà

chúng để bà nằm xuống

rồi xếp hàng dài

chín đứa cả thấy

(con số chín là con số bà ưa thích nhất)

chúng hăm hiếp bà

mặc áo tắm màu xanh dương

(màu mà bà thích nhất)

đôi giày hiệu Nikes đã có người xài

(hiệu giày bà thích nhất)

chín đứa cả thấy

hiếp một bà đầu tóc rối bù—

không phải chó cái, nhưng

một người đàn bà)

**her little girl curls up into a fetus**

**watches without tears**

**she picks up her mom's wedding band**

**holds it in her mouth**

**like a dog with a bone**

***and watches a caterpillar devour  
their green town***

(nhưng đứa con gái bà cuộn tròn người như  
hình một bào thai

trố mắt nhìn, mắt ráo hoảnh

nó nhặt cái nhẩn cười của mẹ nó

ngậm cái nhẩn trên miệng

như một con chó ngậm cái xương

và mắt nó thì dán vào con sâu róm đang  
ngấu nghiền

thị xã xanh tươi của họ)

\*\* Bản dịch từ tiếng Ukrainian sang tiếng Anh  
của Osana Maksymchuk và Max  
Rosochinsky \*\*

Có khi cả gia đình đều chết trong chiến tranh  
như trong bài “Died of Old Age” như một  
ngẫu nhiên khó tin, đầy mai mỉa, chua chát,  
gộp chung lý do “chết vì tuổi già”.

***-DIED OF OLD AGE***

***an old man and an old woman***

***died on the same day***

***on the same hour***

***on the same minute—***

***people say they'd died of old age***

...

***Their children came to bury the old man and  
the old woman***

***Olya was pregnant***

***Serhiy was drunk***

***Sonya was only three***

***And they died, too***

***And people said they had died of old age.***

(ông cụ và bà cụ

chết cùng một ngày

vào cùng một giờ

cùng một phút—

người ta nói ông bà cụ ấy chết vì tuổi già.

....

con cháu các cụ đến để chôn cất ông cụ và  
bà cụ

Olya đang có bầu

Serhiy đang say xỉn

Sonya mới mới lên ba tuổi

Và tất cả họ cũng chết

Và người ta bảo họ chết vì tuổi già)

***DIED OF OLD AGE (nguyên cả bài)***

***granddad and granny passed away***

***died on the same day***

***at the same hour***

***at the same moment—***

***people said, they died of old age.***

***their hen met its end***

***and so did their goat and their dog***

***(their cat was out)***

***and people said, they died of old age***

(Ông và Bà

chết cùng một ngày

vào cùng một giờ

cùng một lúc —

người ta nói ông bà cụ ấy chết vì tuổi già.

Con gà mái họ nuôi cũng chết

Và con dê và con chó của họ cũng chết  
(con mèo chạy chơi bên ngoài - nên thoát)  
Và người ta bảo, họ chết vì tuổi già.)

***Their cabin fell apart***

***their shed turned into ruins***

***and the cellar got covered with dirt***

***people said, everything collapsed due to old age***

(Căn nhà gỗ của họ đổ ròi ra từng mảnh

Nhà chứa đồ tan ra thành đồng vụn

Và căn hầm bao phủ đầy đất

Người ta nói mọi vật sụp đổ vì tuổi già)

***their children came to bury the granddad and granny***

***Olha was pregnant***

***Serhiy was drunk***

***and Sonya was only three***

***they all perished, too***

***and people said, they had died of old age***

(phần này đã dịch ở trên)

***The cold wind plucked yellow leaves and buried beneath them***

***the granddad, the granny, Olha, Serhiy and Sonya***

***who died of old age.***

(Cơn gió lạnh bứt ròi những chiếc lá vàng và vùi chúng dưới mộ

Cùng ông nội, bà nội, Olha, Serhiy và Sonya

Và người ta bảo, họ chết vì tuổi già)

\*\* Bản dịch từ tiếng Ukrainian sang tiếng Anh của Anatony Kudryavitsky\*\*

Cả hai thi sĩ Zhadan and Yakimchuk cá nhân đều trực tiếp chịu hậu quả của chiến tranh và cả hai đều cảm thấy có nhu cầu bức thiết phải tường thuật những thảm cảnh ghê rợn xảy ra hàng ngày, ghi khắc trong trí nhớ những ai đã chết và hiểu những cảnh chính họ phải chứng kiến. Cuộc chiến bắt đầu từ năm 2014 đã tới điểm ngoặt, hai cuốn thơ [A New Orthography](#) and [Apricots of Donbas](#) nhắc cho ta biết cuộc mâu thuẫn dài đã gây thiệt hại nặng nề cho con người và vùng đất nuôi dưỡng họ và nơi họ nhận là quê hương.

### **Chú thích**

Bài viết của GS Rewakowicz trong báo LARB (Los Angeles Review of Books) được bổ chính bởi Wikipedia về hai nhà thơ Zhadan và Yakimchuk.

<https://lareviewofbooks.org/short-takes/war-poetry-in-Ukraine-serhiy-zhadan-and-lyuba-yakimchuk/>

[https://en.wikipedia.org/wiki/Serhiy\\_Zhadan](https://en.wikipedia.org/wiki/Serhiy_Zhadan)

[https://en.wikipedia.org/wiki/Lyuba\\_Yakimchuk](https://en.wikipedia.org/wiki/Lyuba_Yakimchuk)

\* Maria G. Rewakowicz là một thi sĩ, dịch giả, và học giả phê bình văn chương. Bà có bằng Ph.D. về ngôn ngữ và văn chương Slavic ở University of Toronto và đã dạy văn chương Ukrainian ở một số đại học khác. Những cuốn sách bà viết [Ukraine's Quest for Identity: Embracing Cultural Hybridity in Literary Imagination, 1991-2911](#) (2018) được giải thưởng winner of the Omeljan Pritsak Book Prize in Ukrainian Studies.

\*\* Một số bài thơ mẫu của Lyuba Yakimchuk, xem Danylo Husar Struk (Programme in Ukrainian Literature of the Institute of Ukrainian Studies.)

## Ghi chú thêm

**Note 1:** A New Orthography: Poems. By Serhiy Zhadan. Trans. John Hennessy and Ostap Kin. Sandpoint, Idaho: Lost Horse Press, 2020, xxxiii, 123 pp/ \$18.00 paper. Review published by Cambridge University Press 16 March 2022.

Source: en.wikipedia.org

Serhiy Zhadan sinh 23 August 1974, là một thi sĩ Ukrainian, tiểu thuyết gia và dịch giả, sinh ở Starobilsk, Luhansk Oblast ở Ukraine tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm, sau đó học 3 năm cao học về môn ngữ văn (philology), dạy tiếng Ukrainian and văn chương thế giới từ 2000 đến 2004, rồi làm việc như một nhà văn tự do freelance writer. Nổi danh với 12 cuốn thơ và 7 cuốn tiểu thuyết và được hơn 12 giải thưởng văn chương, dịch giả của nhiều thơ tiếng Đức, Anh, Belarusian và tiếng Nga. Cũng dịch thơ như thơ Paul Celan và Charles Bukowski. Thơ của Zhadan được dịch ra 17 thứ tiếng. Ông cũng viết kịch.

Thơ dịch sang tiếng Anh của Zhadan: 14 cuốn  
Sách dịch sang tiếng Anh: 5 cuốn. Tiêu biểu:

The Orphanage: A Novel, translated by Reilly Costigan-Humes and Isaac Stackhouse Wheeler. Yale Univ. Press, 2021.

**Note 2:** Lyuba Yakimchuk, nữ thi sĩ người Ukrainian, năm nay 37 tuổi, tạm cư ở thủ đô Kyiv, làm thơ, viết truyện phim, hành nghề ký giả tự do. Nhận được nhiều giải thưởng gồm International Slavic Poetic Award, the Bohdan-Ihor Antonych Prize và the Smoloskyp Prize, ba giải danh tiếng dành cho thi sĩ trẻ người Ukrainian. (Source: Danylo Husar-Struk Programme in Ukrainian Literature, p. 1)

Lyuba Yakimchuk's poems KIYCCIOUS

Thí dụ hai bài:

DIED OF OLD AGE

CATERPILLAR

Link dẫn tới "A sample of poems of Yakimchuk":

<http://sites.utoronto.ca/elul/Struk-mem/Writers-series/Yakimchuk-translations.html>

(Danylo Husar Struk Programme in Ukrainian Literature of the Canadian Institute of Ukrainian Studies)

-- Viết xong tại Virginia 3/22/2022, bổ chính 4/1/2022.

**PHẠM TRỌNG LỆ**

(Trong tạp chí **Cỏ Thơm số 96**, tháng 6, 2022 - trang 155-161)

# Huyền Thoại, Tình Yêu và Lòng Hoài Cổ Trong “Ngày Xưa” của Nguyễn Nhược Pháp

**\*\* Phạm Trọng Lê \*\***

Một ngạc nhiên thích thú cho kẻ yêu thơ là thấy được in lại tại Hoa Kỳ những tập thơ của các thi sĩ tiền chiến, mà các bản chính chỉ thấy trong một số thư viện lớn hoặc thư viện riêng của một số học giả hay của những nhà sưu tập sách quý. Trong số những tập thơ in lại bằng phương pháp chụp ảnh toàn trang có tập thơ “**Ngày Xưa**” của **Nguyễn Nhược Pháp**, lần đầu xuất bản năm 1935.



Theo Phạm Thanh trong *Thi Nhân Việt Nam Hiện Đại*, Quyển I, Sóng Mới xuất bản 1959, in lại tại Hoa Kỳ không đề năm, trang 219, thì Nguyễn Nhược Pháp sinh năm 1914, con trai học giả Nguyễn Văn Vĩnh, đỗ bằng tú tài Pháp năm 20 tuổi rưỡi, làm thơ từ năm 16 tuổi. Theo ngày tháng đề cuối những bài thơ trong tập *Ngày Xưa* thì Nguyễn Nhược Pháp làm xong phần lớn những bài thơ trong tập thơ này trong năm 1933, lúc ông 19 tuổi. Ông mất ngày 19 tháng 11 năm 1938, còn gần một tháng nữa

thì đầy 24 tuổi vì bệnh lao hạch lúc ông đang là sinh viên luật khoa và viết báo để kiếm thêm tiền. Ngoài tập thơ ông còn viết nhiều truyện ngắn và kịch.

Qua mười bài thơ trong tập *Ngày Xưa* (mà bài nổi tiếng nhất, “Chùa Hương,” đã được phổ nhạc bởi nhạc sĩ Trần Văn Khê), ta được đưa vào một thế giới của huyền thoại, của tình yêu, của một quá khứ xa xôi mà các tân khoa, sau khi yết bái, được vua cho đi thăm hoa, có lọng đưa, được các nàng trâm anh từ lâu gieo cầu ngũ sắc chọn ý trung nhân.



**Nguyễn Nhược Pháp**

Ngày Xưa là một tập thơ lấy huyền thoại làm bối cảnh cho những chuyện tình. Hãy nghe câu mở đầu bài “Sơn tinh, Thủy tinh”:

*Ngày xưa khi rừng mây u ám,  
Sông núi còn um vang tiếng thần,  
Con vua Hùng Vương thứ mười tám,  
My Nương xinh như tiên trên trần.*



Theo tục truyền thì Sơn tinh tới trước rước được My Nương. Thủy tinh tới sau, giận dữ dâng nước bể cướp lại. Dân gian cho vì vậy mà hàng năm có lụt. Nhưng qua bài thơ, ta thấy thần nhân cũng như người phạm tục như chúng ta, cũng biết dùng ngôn ngữ của loài người, và biết tôn trọng lễ nghi cưới hỏi:

*Sơn tinh, Thủy tinh lòng tơ vương.  
Không quản rừng cao sông cách trở,  
Cùng đến Phong châu xin My Nương.*

*Sơn tinh có một mắt ở trán,  
Thủy tinh râu ria quăn xanh rì.  
Một thần phi bạch hổ trên cạn,  
Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi,*

*Hai thần bên cửa thành thi lễ,  
Hùng Vương âu yếm nhìn con yêu.  
Nhưng có một nàng mà hai rể,  
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều!*

Đọc đến đây, đọc giả tự hỏi: My Nương với vẻ đẹp như tiên – “Tóc xanh viền má hây hây đỏ/Miệng nàng bé thắm như san hô/Tay ngà trắng nõn, hai chân nhỏ. Mê nàng



bao nhiêu người làm thơ” – sao nàng có thể chịu lấy hai vị thần có “dị tướng” như vậy? Nhưng có thể giải thích được. Một là, theo huyền thoại, My Nương “là giống tiên! Kể nào tài đức gồm đủ mới có thể làm rể được!” (Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Ngoại Ký, bản dịch của Nhưộng Tống (1944), Đại Nam in lại tại Hoa Kỳ, tr. 38). Hai là, tuy tướng mạo rất dị kỳ, nhưng hai vị thần lại đầy tài năng, và sức mạnh; đó là những điều kiện của việc hôn nhân trong các bộ lạc ngày xưa mà mục đích chính là để có dòng giống mạnh cho tương lai, ở vào thời tiền sử khi dân còn sống trong những bộ lạc và khi mà sức mạnh và tài năng của người tù trưởng thường là yếu tố định đoạt sự sinh tồn của một dòng giống.

Nhưng cảm quan thú vị mà người đọc được thưởng thức khi đọc bài thơ này là thấy vua và thần có những cử chỉ rất gần với người thường. Khi xin cưới vợ, thần cũng khoe khoang mình giỏi trước người đẹp:

*Thủy tinh khoe thân có phép lạ,  
Dứt lời, tay hát chòm râu xanh,  
Bắt quyết hò mây to nước cả,  
Dậm chân rung khắp làng gần quanh.*

Còn Sơn tinh thì:

*Sơn tinh cười xin nàng đừng lo,  
Vung tay niệm chú: núi từng dải,  
Nhà lớn, đòi con, lỏm ngổm bò.*

Còn nhà vua, trước mỗi khó nghĩ, không biết gả con gái cho vị thần nào, vì cả hai xem ra đều oai hùng cả, bèn chọn một chước là ai đến trước thì được gả My Nương. Chước này vua nghĩ ra sau khi “Chạy mưa, Vua tùy con kén chọn”:

*Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước  
Rồi bảo mai khi trời nhuộm sương,  
Lễ vật thần nào mang đến trước,  
Vui lòng vua gả nàng My Nương.*

Một điểm thú vị nữa là tính nhân cách hoá thú vật và loài thủy tộc. Đây là cảnh Sơn tinh:

*Sơn tinh ngồi bạch hổ đi đầu,  
Mình phủ áo bào hồng ngọc dát,  
Tay ghim cương hổ, tay cầm lau.  
Theo sau năm chục con voi xám,  
Hục hặc, lưng cong phủ gấm điều,  
Tải bạc, kim cương, vàng lấp lánh,  
Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.*

Còn Thủy tinh thì:

*Thoảng gió vù vù như gió bể,  
Thủy tinh ngồi trên lưng rồng vàng.  
Yên gấm tung dài bay đờ chóc,  
Mình khoác bào xanh da trời quang.  
Theo sau cua đở và tôm cá  
Chia đôi năm mươi hòm ngọc trai,  
Khập khiễng bò lê trên đất lạ,  
Trước thành tấp tểnh đi hàng hai.*

Dẫu là thần nhưng khi mất người yêu cũng ghen và giận như người phàm tục. Và còn ghê gớm hơn nữa! Thủy tinh “thúc rồng đau kêu rú”, dâng nước lên đánh Sơn tinh:

*Co hết gân nghiến răng, thần quát:  
“Giết! Giết Sơn tinh hả hờn ta!”  
Tức thời nước sủi reo như thác,  
Tôm cá quăng ngọc trai mà hoa.*

.....

*Cá voi quác mồm to muốn đớp,  
Cá mập quấy đuôi cuồng nhe răng,*

*Càng cua lờm chớm giơ như mác,  
Tôm kèn chạy quắp đuôi xôn xao.*

Sơn tinh, cũng theo *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Ngoại Kỳ, “dùng phép thần thông biến hóa gọi được người Mán, đem tre làm phen chống nước...Lại dùng nỏ để bắn...Các giống có vầy, có mu, trúng tên chạy tránh, rút lại không sao xâm phạm nổi.” (tr. 38). Trong huyền thoại thì như vậy, còn trong thơ của Nguyễn Nhược Pháp thì Sơn tinh:

*Niệm chú, đất nẩy vù lên cao  
Hoa tay thần vẩy hùm, voi, báo.  
Đuôi quắp, nhe răng, giơ vuốt đồng.  
Đạp long đất núi, găm xông xáo,  
Máu vọt phì reo muôn ngàn hồng.*

Trước cảnh tranh giành đó, My Nương kinh hãi, than “Ô! Vì ta!”

Ngoài tính cách dùng huyền thoại (lấy chuyện Sơn tinh Thủy tinh được dân gian truyền tụng để giải thích nạn nước lũ ở mạn ngược đổ xuống hàng năm tràn vào đồng bằng, ngập mát cả ruộng đất hoa màu), bài thơ còn cho ta thấy một mẫu người đẹp, biết vâng lời phụ vương (“*Con đây phận đào thơ bé mọn/Nhân duyên cú để quyền mẹ cha.*”) Khi lên kiệu hoa còn “*Lầu son nàng ngoái trông lần nữa/Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sương.*”

Về mặt văn chương, bài thơ còn là một biểu tượng cho nguyên tắc căn bản của văn chương Việt và văn chương Trung Hoa: đó là nguyên tắc cân xứng và nguyên tắc tương phản. Hãy xem đoạn tả Sơn tinh và Thủy tinh ở trên. Hai nguyên tắc này còn còn tượng trưng một vũ trụ quan Á Đông mà trong đó trật tự thiên nhiên, xã hội, và trong lòng người dựa trên hai yếu tố cân bằng và tương phản.

Tình yêu và huyền thoại là thi liệu được tận dụng trong tập thơ Ngày Xưa. Và đó cũng là đầu đề bài thơ “My Châu” và ‘Giếng Trọng Thủy”. Ta hãy ôn lại dã sử: Tục truyền rằng vua An Dương Vương xây Loa Thành, có yêu quái quá nhiều, xây mãi không được, sau có thần Kim Qui trừ được yêu quái, mới xây xong. Rùa thần lại cho nhà vua một cái móng làm lẫy nỏ, khi nào có giặc đến thì đem cái nỏ ấy ra bắn một phát, giết chết hàng vạn người.

Triệu Đà, lúc ấy ở phía Nam nước Tàu, đánh mãi không được bèn dùng kế cho con trai là Trọng Thủy sang lấy con gái An Dương Vương là My Châu. Trọng Thủy dỗ My

Châu xem trộm nỏ thiêng, ngậm làm hồng lẩy và đổi nó bằng một cái lẩy nỏ khác thay cho vuốt rùa. Đoạn mượn có về phương Bắc thăm cha mẹ, bảo My Châu rằng: “Ân tình của vợ chồng không thể quên nhau được...Nếu hai nước mất sự hòa hảo, Nam Bắc trở nên cách biệt, làm thế nào mà gặp được nhau?” My Châu đáp: “Thiếp có chiếc chăn gấm lông ngỗng, thường khoác ở mình. Đi đến đâu sẽ nhỏ lông vạt xuống ngã đường rẽ, để bảo cho chàng biết...” (ĐVSKTTNK, tr. 65). Khi Triệu Đà đem quân sang đánh, An Dương Vương không biết lẩy nỏ đã mất, vừa vẫy cờ vừa cười: “Đà không sợ nỏ thần của ta sao?” Quân Đà bức đến gần, nhà vua đem nỏ thần ra bắn,



thì lẩy nỏ đã gãy rồi! Liền thua chạy...Cho My Nương ngồi trên ngựa, cùng nhà vua chạy về Nam...Nhà vua đến bãi biển, đường cùng, không có thuyền bè, luôn miệng kêu:”Rùa vàng! Mau lại cứu ta!” Rùa vàng nhoai lên mặt nước quát: “Đưa ngồi sau ngựa kia chính là giặc đó! Sao chẳng giết nó đi!” Nhà vua rút gươm toan chém My Châu. My Châu khẩn: “Một lòng trung tín mắc lừa người ta! Xin hóa làm ngọc trai, để rửa mối thù nhục cho nhà này!” Nhà vua đành phải chém nòng. Máu chảy xuống nước, loài trai hớp vào ruột liền hóa ra ngọc trai trong sáng...Trọng Thủy đuổi kịp, thấy My Châu đã chết, khóc nức nở, ôm xác về chôn ở Loa Thành, hóa thành tảng ngọc thạch. Trọng Thủy thương tiếc My Châu, trở về nơi nàng trang điểm, tắm gội, tưởng nhớ khôn hàn! Rồi lại gieo mình xuống đáy giếng mà chết! Người đời sau được ngọc trai ở biển Đông đem rửa bằng nước giếng ấy thì màu càng thêm sáng suốt! (Sách đã dẫn, tr. 67).

Đây là mối tình của hai kẻ khác xứ (My Châu giống Việt, Trọng Thủy gốc Tàu), yêu nhau mà hai xứ cừu địch, chàng vì lệnh của cha làm gián điệp, nàng vì nhẹ dạ phải thác oan. Chàng sau khi hoàn thành công tác giao phó, theo lông ngỗng đưa đường tới, thấy nàng bị chém, ôm xác vợ rồi gieo mình xuống giếng tự trầm. Thi sĩ đã sửa đổi câu chuyện “Mắc lừa” thành một mối tình thiên thu trong đó hai kẻ yêu nhau lấy cái chết để nói lên tình yêu bất hủ diệt của mình.

*Đêm hôm gió khóc thổi ru cành:  
Núi bọc âm thầm, bể uốn xanh.  
Hiu hắt My Châu nằm, trăng phủ,  
Àm ảm sóng thâm vỗ vờn quanh.*

.....

*Thiêm thiếp ai bên đường, hỡi ôi!  
Chàng ôm khóc nghẹn chẳng ra lời,  
Đầu non mây bạc êm đêm phủ,  
Phơn phớt hồn em bay, ngậm cười.  
“My Châu”*

*Đêm khuya gió lốc mây đen vùn,  
Cỏ lướt gieo mình vực giếng thâm;  
Trọng Thủy nằm trên làn nước sủi,  
Tiếng mõ cầm canh xa âm thầm.  
“Giếng Trọng Thủy”*

“Ngày xưa” còn gọi lại cho người đọc nhớ lại một dĩ vãng xa xôi. Đây là cảnh chàng tân khoa, sau khi được “bằng hỏ đề danh”, vớng lọng nghênh ngang, đi dưới đường phố, trên lầu các thiếu nữ đang gieo cầu ngũ sắc, hy vọng chọn người tài trai.

*Rồi bao nhiêu nàng yếu điệu  
Ngáp ghé bay trên lầu  
Vừa leng keng tiếng ngựa,  
Lẹ gót tiên gieo cầu.*

*Tay vợ cầu ngũ sắc,  
Má quan nghè hây hây.  
Quân hầu reo chuyển đất,  
Tung cán lọng vừa quay.*

*Trên lầu mấy thị nữ  
Cùng nhau khúc khích cười  
“Thưa cô đừng thẹn nữa,  
Quan Nghè trông lên rồi!”*

*Cúi đầu nàng tha thướt,  
Yêu kiều như mây qua.  
Mắt xanh nhìn man mác,  
Mím cười về cảnh hoa.  
“Tay Ngà”*

Nếu nàng công chúa trong “Sơn tinh, Thủy tinh” đẹp và kiều mị, khi lên kiệu hoa “Nhìn quanh, khói tỏa buồn man mác/Nàng kêu Phụ Vương ôi! Phong Châu!” thì người thiếu nữ trong “Chùa Hương” mới 15, những đã biết mình đẹp:

*Em tuy mới mười lăm  
Mà đã lắm người thăm,  
Nhờ mới mai đưa tiếng,  
Khen tươi như trăng rằm.*

Nàng là một thiếu nữ thành thật, biết làm đởm, có chút lãng mạn và ước vọng giản dị. Thoạt thấy một thanh niên cùng đi đò, trong dịp viếng chùa Hương cùng cha mẹ, nàng đã xét người trong mộng qua dáng dấp bên ngoài, đúng như câu tục ngữ thường nói: “Xem mặt mà bắt hình dong/Con lợn có béo thì lòng mới ngon”:

*Người đâu thanh lạ nhường!  
Tướng mạo trông phi thường.  
Lưng cao dài, trán rộng  
Hỏi ai nhìn không thương?*

Từ cách chàng lễ phép chào mẹ nàng, đến cách chàng ngâm thơ khiến cha nàng phải khen, đến khi viết bài thơ liên hoàn lên cột khiến nàng đọc rồi nhớ, chàng đã dần dần chinh phục được lòng nàng:

*Dòng sông nước đục lờ,  
Ngâm nga chàng đọc thơ.  
Thầy khen: “Hay! Hay quá!”  
Em nghe rồi ngẩn ngơ.*

Trong cái xã hội trọng lễ giáo và học thức, người con gái đã mơ tưởng hình ảnh người

chồng văn nhân, có cốt cách như cha mình: chàng ăn nói lịch sự, vẻ phong lưu (có tiểu đồng mang túi thơ bầu rượu đi theo). Nàng để ý đến dáng đi của mình:

*Em đi, chàng theo sau,  
Em không dám đi mau,  
Ngại chàng chê hấp tấp,  
Số gian nan không giàu.*

Tất cả những cử chỉ chàng săn sóc mẹ nàng đã làm nàng cảm động, và chàng dường như đã chiếm được tim nàng:

*Vì thương mẹ quá mệt,  
Săn sóc chàng đi theo.  
Mẹ bảo: “Đường còn lâu,  
Cứ vừa đi ta cầu  
Quan Thế Âm bồ tát  
Là tha hồ đi mau!”*

*Em ư? Em không cầu,  
Đường vẫn thấy đi mau,  
Chàng cũng cho như thế.  
(Ra ta họp tâm đầu).*

Chả thế mà khi người cha bảo hôm sau sẽ về, nàng đã bàng hoàng như tan một giấc mộng đẹp, trong tâm ước vọng được kết duyên cùng chàng văn nhân để “đường lên gò” trong chùa Hương như con đường của hai kẻ yêu nhau.

*Em nghe bỗng rụng rời  
Nhìn ai luống ngẹn lời!  
Giờ vui đời có vậy,  
Thoảng ngày vui qua rồi!’*

*Làn gió thổi hây hây,  
Em nghe tà áo bay,  
Em tìm hơi chàng thổi,  
Chàng ôi, chàng có hay?*

*Đường đây kia lên gò,  
Ta bước tựa vai cười.  
Yêu nhau, yêu nhau mãi!  
Đi, ta đi, chàng ôi!*

Rất may là thi sĩ với lòng khoan hồng và óc khôi hài nhẹ nhàng, đã dí dỏm cho độc giả biết một happy ending, kết quả của chuyện tình ngây thơ của người thiếu nữ mười lăm tuổi, coi tình yêu là một nơi thoát hoàn cảnh gia đình, và như một khởi đầu cho một gia đình mới, gia đình của chính nàng, bằng lời chú thích sau bài thơ:

*(Thiên ký sự đến đây là hết. Tôi tin rồi hai người lấy nhau, vì không lấy được nhau thì cô bé còn viết nhiều. Lấy nhau rồi là hết chuyện.)*

Như nhà phê bình Hoài Thanh trong Thi Nhân Việt Nam đã viết, “người đọc mừng tượng như nghe thấy “tiếng khúc khích cười, nụ cười hiền lành thanh tao.” Trong tia mắt nghịch ngợm của Nguyễn Nhược Pháp còn kèm theo một nụ cười bao dung. Vì người thiếu nữ ngây thơ như thế và chỉ có một giấc mơ giản dị như thế (*Em cầu xin Trời Phật/Sao cho em lấy chàng*) sao có thể để cho phải chịu nỗi đắng cay của một tình yêu ban đầu chớm nở bị tan vỡ. Cái dí dỏm của thi sĩ còn thấy nơi hai câu cuối bài “Sơn tinh, Thủy tinh”:

*Thủy Tinh năm năm dâng nước bể,  
Đục núi hò reo đòi My Nương.  
Trần gian đâu có người dai thế,  
Cũng bởi thần yêu nên khác thường!*

Tóm lại, qua tập thơ Ngày Xưa, người đọc gặp những vần thơ nhẹ nhàng- đôi lúc hài hước, khiến ta phải bật cười thành tiếng – gói ghém một quá khứ xa xăm, của lịch sử, của huyền thoại, ở vào thời u minh mới lập quốc, dường như đã có lễ giáo, trật tự, ở vào thời mà con người tin rằng thần nhân và người phạm tục còn sống chung, mà những chuyện như Sơn tinh, Thủy tinh nằm trong địa hạt huyền thoại mà nhà huyền thoại học Joseph Campbell, tác giả các cuốn *The Hero With a Thousand Faces* (Người Hùng Với Ngàn Bộ Mặt), và *The Masks of God* (Mặt Nạ của Thượng Đế) cho đó là “tiềm năng của cả một dân tộc” mà những nhà làm phim như George Lucas, người tạo bộ phim Star Wars và bộ Indiana Jones đã biết tận dụng.



Người đọc cùng cảm thấy một mối sầu man mác như thấy mất một cái gì. Trong bài “Mây”, Nguyễn Nhược Pháp cũng chia sẻ hoài cảm này khi khoa học và kỹ thuật đã làm giảm đi lòng kinh sợ thần linh của con người khiến ngay đám mây ngày nay cũng có một ý nghĩa khác:

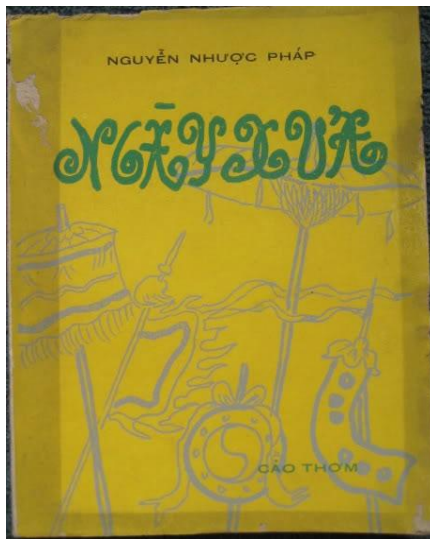
*Người xưa mơ, nhìn mây  
Đen, đỏ, vàng đưa bay,  
Khi thấy nhiều ma quỷ,  
Lời than gười tung bay.*

*Khi thấy hồn người thân  
Nhìn mây lệ khôn cầm!  
Trên bày xe tứ mã,  
Tiếng bánh lăn âm thầm;*

*Khi thấy muôn nàng tiên  
Lông lộng màu thanh thiên!  
Véo von trăm tiếng địch  
Lửa hồng vờn áo xiêm.*

*Ngày nay ta nhìn mây,  
Mây đen luồng gió lay  
Hồn xưa tìm chẳng thấy  
Tóc theo luồng gió bay...*

Dù con người đã đạt được những kết quả vượt bậc về khoa học và kỹ thuật, đã rút ngắn thời gian và không gian, và với máy điện tử, đã thay thế trí nhớ con người, nhưng những tình cảm bất diệt như tình yêu, lòng thương giữa chồng vợ, tình hoài hương (“Sứ bồng nhìn quanh buồn ủ rũ/Xa xa ngọn cờ vàng phát phơ/Vợ con ở chân trời mây phủ/Hắn đang nhìn bóng nhận mong chờ”-- bài “Đi Cống, tr. 70), và vẻ đẹp dịu dàng của người thiếu nữ chưa chồng (“Khăn nhỏ đuôi gà cao/Em đeo giải yếm đào/Quần lĩnh, áo the mới/Tay cầm nón quai thao”-- bài “Chùa Hương” tr. 77), tuy là những hình ảnh của một thời xa xưa, nhưng dường như vẫn còn làm rung động kẻ đọc thơ hôm nay.



***Ngày Xưa của Nguyễn Nhược Pháp - hình bìa***

\* Cảo Thơm xuất bản lần thứ hai, Saigon, 1968, Đại Nam in lại tại Glendale, California, Hè 1986, 95 trang, 4 phụ bản của họa sĩ Thái Tuấn, Hồ Hải trình bày, giá bán 8 Mỹ Kim. Bản điện tử có thể đọc trên mạng tại:

<https://www.thivien.net/Nguy%E1%BB%85n-Nh%C6%B0%E1%BB%A3c-Ph%C3%A1p/Ng%C3%A0y-x%C6%B0a-1935/group-W9f9Zvv3QPGdSSd2DjkVHw>

\*\*\*\*\*

## Chú thích

1) Hoài Thanh và Hoài Chân, *Thi Nhân Việt Nam*\_(1942), nhận xét về thơ Nguyễn Nhược Pháp: “Thơ in ra rất ít mà được người ta mến rất nhiều, tưởng không ai bằng Nguyễn Nhược Pháp... Đọc thơ NNP lúc nào cũng hình như có thoảng thấy bóng người đương khúc khích cười...cái cười hiền lành và thanh tao...nụ cười trên miệng bao giờ cũng kèm theo một ít cảm động trong lòng.”

<https://thuvienpdf.com/xem-sach/thi-nhan-viet-nam>

2) Độc giả có thể nghe bài “Đi Chùa Hương” thơ Nguyễn Nhược Pháp, nhạc Trần Văn Khê, ca sĩ Ý Lan ca tại:

<https://www.youtube.com/watch?v=3kviRY6or1A>



3) Xem bài phỏng vấn của Nhật Hoa Khanh “Đi chùa Hương của Trần Văn Khê” tại:

<https://tranvankhe-tranquanghai.com/2016/03/24/nhat-hoa-khanh-di-chua-huong-cua-tran-van-khe/>

Bài thơ được phổ nhạc năm 1946. Sau nhà xuất bản Tinh Hoa qua nhạc sĩ Lê Thương xin xuất bản, lần đầu 2000 bản, và tái bản và gửi tác quyền cho nhạc sĩ Trần Văn Khê lúc đó đang trị bệnh tại Pháp.

4) Câu chuyện Chùa Hương qua thi phẩm Nguyễn Nhược Pháp. Xem xuất xứ bài thơ “Chùa Hương” trong:

<https://cafevanghe.wordpress.com/2017/04/11/cau-chuyen-chua-huong/>

Trong cuốn “Văn thi sĩ tiền chiến” của nhà thơ Nguyễn Vỹ chủ nhiệm bán nguyệt san Phổ Thông từng là bạn chơi thân với Nguyễn Nhược Pháp, vì Nguyễn Vỹ chỉ hơn Nguyễn Nhược Pháp 4 tuổi. Ta có thể xác định được thời điểm ra đời của thi phẩm “Chùa Hương” vào khoảng năm 1935. Xuân Ba kể về xuất xứ bài thơ như sau: “Hội chùa Hương năm 1934, ông cùng nhà văn Nguyễn Vỹ và hai người bạn nữ sinh Hà thành đi trải hội. Đến rừng mơ, hai văn nhân gặp một bà mẹ và cô con gái độ tuổi trắng rằm vừa bước lên những bậc đá vừa niệm phật “Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn Đại Từ Bi Quan Thế Âm Bồ Tát”.

Vẻ đẹp thánh thiện mang nét chân quê của cô gái đã hớp hồn hai chàng thi sĩ khiến họ trân trân nhìn quên cả hai bạn gái cùng đi. Nguyễn Nhược Pháp lại gần hỏi:

-Tại sao trông thấy chúng tôi cô lại không niệm Phật nữa?

Cô gái bối rối, thẹn thùng như muốn khóc. Hai người bạn gái gọi hai chàng để đi tiếp nhưng họ đã bị hớp hồn, tai còn đâu nghe thấy. Giận dữ, họ bỏ đi. Lúc bừng tỉnh, hai văn nhân không thấy các cô đâu, vội len thốc len tháo, lách qua những dòng người

đang trầy hội nhưng tìm đâu cho thấy. Mệt và ngán ngẩm, hai thi sĩ quay lại tìm cô gái chân quê thì cả hai mẹ con cũng đã lẫn vào dòng người.



Đêm đó, Nguyễn Nhược Pháp không sao chợp mắt được. Hình ảnh cô gái chân quê đi chùa Hương khiến ông xúc động viết lên những vần thơ có sắc màu tươi vui, hình ảnh ngộ nghĩnh, cả hồn người lẫn vẻ đẹp của ngày xưa hiện lên từng câu, từng chữ.”

5) Nguồn thi hứng của những bài thơ như bài Chùa Hương có phải là cô bé mà thi sĩ đã gặp khi đi trẩy hội chùa Hương, như Nguyễn Vỹ kể lại hay là mối tình “câm” của thi sĩ với cô **Đỗ Thị Bích**, một giai nhân trong “tứ đại mỹ nhân” Hà thành, xin xem “Chân Dung Cô

Bích Hàng Đầy, Tiểu Thư Giàu Có Bạc Nhất Của Tứ Đại Mỹ Nhân Hà Thành,” đăng trong:

<https://cafebiz.vn/chan-dung-co-binh-hang-day-tieu-thu-giau-co-bac-nhat-cua-tu-dai-my-nhan-ha-thanh-xua-bo-me-yeu-chieu-an-mieng-ga-thuong-nhan-kim-cuong-hong-nhan-khong-bac-menh-20220516161834859.chn>

Viết xong tại Virginia 6/20/1992; bổ chính 6/14/2018.

**Phạm Trọng Lệ**

\*\*\*\*\*

## Bibliography and Photo Credits

**Hình Nguyễn Nhược Pháp:**

[https://www.thivien.net/Nguy%E1%BB%85n-Nh%C6%B0%E1%BB%A3c-Ph%C3%A1p/author-bsPboYJJd\\_xRpDaxE7y1pg](https://www.thivien.net/Nguy%E1%BB%85n-Nh%C6%B0%E1%BB%A3c-Ph%C3%A1p/author-bsPboYJJd_xRpDaxE7y1pg)

**Cầm Tập Ngày Xưa Nguyễn Nhược Pháp minh họa:**

<https://kontumqueto.com/2018/06/22/tuong-nguoi-nen-lai-thay-nguoi-ve-dayha-tho-nguyen-nhuoc-phap-ve-coi-rat-tre24nay-da-duoc-80-nam1938-2018/>

**Hình bìa Ngày Xưa:**

<https://www.thivien.net/Nguy%E1%BB%85n-Nh%C6%B0%E1%BB%A3c-Ph%C3%A1p/Ng%C3%A0y-x%C6%B0a-1935/group-W9f9Zvv3QPGdSSd2DjkVHw>

**Hình Đỗ Thị Bình:**

<http://media.tinmoi.vn/2018/07/02/co-binh-hang-day-1.jpg>

**Đi Chơi Chùa Hương (“Chùa Hương”) - Thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp & Nhạc sĩ Trần Văn Khê**

<https://dotchuoinon.com/2016/03/03/tan-nhac-vn-tho-pho-nhac-di-choi-chua-huong-nguyen-nhuoc-phap-tran-van-khe/>

### **Bài thơ: “Chùa Hương”**

<https://www.thivien.net/Nguy%E1%BB%85n-Nh%C6%B0%E1%BB%A3c-Ph%C3%A1p/Ch%C3%B9a-H%C6%B0%C6%A1ng/poem-UmD5jExiwsNwuKUGbDNQJg>

Hôm nay đi chùa Hương  
Hoa cỏ mờ hơi sương  
Cùng thầy mẹ em dậy  
Em vấn đầu soi gương  
Khăn nhỏ, đôi gà cao  
Lưng đeo dải yếm đào  
Quần lĩnh, áo the mới  
Tay cầm nón quai thao  
Mẹ cười: “Thầy nó trông  
Chữn đi đôi dép cong  
Con tôi xinh xinh quá  
Bao giờ cô lấy chồng ?”  
— Em tuy mới mười lăm  
Mà đã lấm người thắm  
Nhờ mối mai đưa tiếng  
Khen tươi như trắng rằm  
Nhưng em chưa lấy ai  
Vì thầy bảo người mai  
Rằng em còn bé lắm  
Ý đợi người tài trai  
Em đi cùng với mẹ  
Mẹ em ngồi cáng tre.  
Thầy theo sau cưới ngựa

Thắt lưng dài đỏ hoe  
Thầy mẹ ra đi ò  
Thuyền mấp mênh bên bờ  
Em nhìn sông nước chảy  
Đưa cánh bướm lô nhô  
Mơ xa lại nghĩ gần  
Đời mấy kẻ tri âm  
Thuyền nan vừa lẹ bước  
Em thấy một văn nhân...  
Người đầu thanh lạ thường  
Tướng mạo trông phi thường  
Lưng cao dài, trán rộng  
Hỏi ai nhìn không thương  
Chàng ngồi bên mẹ em  
Mẹ hỏi chuyện làm quen:  
“Thưa thầy đi chùa ạ  
Thuyền đông giới ôi chen!”  
Chàng thưa vắng thuyền đông  
Rồi ngắm giới mênh mông  
Xa xa mờ núi biếc  
Phơn phớt áng mây hồng  
Giòng sông nước đục lờ  
Ngâm nga chàng đọc thơ

Thầy khen hay, hay quá  
Em nghe ngòì ngắn ngờ  
Thuyền đi, bến Đục qua  
Mỗi lúc gặp người ra  
Thẹn thùng em không nói  
“Nam vô A Di Đà!”  
Réo rất suối đưa quanh  
Ven bờ, ngọn núi xanh  
Nhịp cầu xa nhỏ nhỏ  
Cảnh đẹp gần như tranh  
Sau núi Oản, Gà, Xôi  
Bao nhiêu là khỉ ngòì  
Tới núi con voi phục  
Có đủ cả đầu đuôi  
Chùa lấp sau rừng cây  
(Thuyền ta đi một ngày)  
Lên cửa chùa em thấy  
Hơn một trăm ăn mày  
Em đi, chàng theo sau  
Em không dám đi mau  
Ngại chàng chê háp tấp  
Số gian nan không giàu  
Thầy me đến điện thờ  
Trầm hương khói toả mờ  
Hương như là sao lạc  
Lớp sóng người lô nhô  
Chen vào thật lắm công  
Thầy me em lễ xong  
Quay về nhà ngang bảo:  
“Mai mới vào chùa trong”  
Chàng hai má đỏ hồng  
Kêu với thằng tiểu đồng  
Mang túi thơ bầu rượu:  
“Mai ta vào chùa trong”  
Đêm hôm ấy em mừng

Mùi trầm hương bay lừng  
Em nằm nghe tiếng mõ  
Rồi chim kêu trong rừng  
Em mơ, em yêu đời  
Mơ nhiều... Viết thế thôi  
Kèo ai mà xem thấy  
Nhìn em đến nực cười  
Em chưa tỉnh giấc nồng  
Mây núi đã pha hồng  
Thầy me em sắp sửa  
Vàng hương vào chùa trong  
Đường mây đá cheo veo  
Hoa đỏ, tím, vàng leo  
Vi thương me quá mệt  
Sấn sóc chàng đi theo  
Mẹ bảo: “Đường còn lâu  
Cứ vừa đi ta cầu  
Quan Thế Âm Bồ tát  
Là tha hồ đi mau.”  
Em ư? Em không cầu  
Đường vẫn thấy đi mau  
Chàng cũng cho như thế  
(Ra ta hợp tâm đầu)  
Khi qua chùa Giải Oan  
Trông thấy bức tường ngang  
Chàng đưa tay lẹ bút  
Thảo bài thơ liên hoàn  
Tám tắc thầy khen hay  
Chữ đẹp như rồng bay  
(Bài thơ này em nhớ  
Nên chả chép vào đây)  
Ôi! Chùa trong đây rồi!  
Động thẳm bóng xanh ngòì  
Gấm thêu trần thạch nhũ  
Ngọc nhuộm hương trầm rơi.

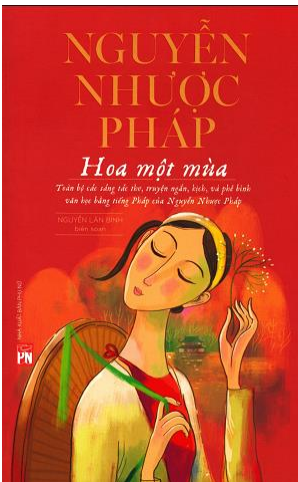
Mẹ vui mừng hả hê:  
“Tặc! con đường mà ghê!”  
Thầy kêu mau lên nhé  
Chiều hôm nay ta về  
Em nghe bỗng rưng rờ  
Nhìn ai luống nghẹn lời  
Giờ vui đời có vậy  
Thoáng ngày vui qua rồi  
Làn gió thổi hây hây  
Em nghe tà áo bay  
Em tìm hơi chàng thở  
Chàng ôi, chàng có hay

Đường đây kia lên giờ  
Ta bước tựa vai cười  
Yêu nhau, yêu nhau mãi  
Đi, ta đi, chàng ôi  
Ngun ngút khói hương vàng  
Say trong giấc mơ màng  
Em cầu xin Giờ Phậ  
Sao cho em lấy chàng

(6-1934)

\*\*\*\*\*

## Appendix - Phụ Lục



**Sách: Nguyễn Nhược Pháp: Hoa một mùa.**

Soạn giả: Nguyễn Lân Bình. 365 trang. Bìa mỏng.

Hanoi: NXB Phụ Nữ, 2018.

Bìa do Kim Duẩn trình bày.

Giá: 120.000đ

Address: 39 Hàng Chuối – Hanoi.

E-mail: [nxbphunu@vnn.vn](mailto:nxbphunu@vnn.vn)

## **Hoa Một Mùa - Nguyễn Nhược Pháp Toàn Tập**

### **Bài của Phạm Trọng Lệ**

83 năm kể từ ngày tập thơ “Ngày Xưa” ra mắt tại Hà-Nội (năm 1935) với 10 bài thơ trong đó “Chùa Hương” được độc giả nồng nhiệt đón nhận và được nhạc sư Trần Văn

Khê phổ nhạc, một thời gian dài và phải chăng vì vậy mà người yêu thơ chỉ nghĩ đến Nguyễn Nhược Pháp như một nhà thơ. Nhưng nay một người cháu ruột của học giả Nguyễn Văn Vĩnh, ông Nguyễn Lâm Bình, đã biên soạn cuốn **Hoa Một Mùa** trong đó, ngoài 10 bài thơ trong “Ngày Xưa” còn 3 truyện ngắn, 6 vở kịch, 10 bài phê bình, của Nguyễn Nhược Pháp, và một số bài của những văn thi sĩ thời đó viết về ông như Hoài Thanh, Bằng Bá Lân, Nguyễn Vỹ, và phần Phụ Lục gồm năm bức hình đen trắng về gia đình nhà thơ.

Đây là một tài liệu cho người đọc thưởng thức và biết thêm tài viết truyện ngắn, viết kịch, cùng phê bình của nhà thơ mệnh yếu này (ông sinh 12/12/1914 - mất 19/11/1938, thọ 24 tuổi). Ngoài những người yêu thơ, văn, kịch, sinh viên ban văn chương có thể dùng sách này làm tài liệu để viết một tiểu luận về cách viết truyện ngắn, cách dựng các vở kịch, phép đối thoại của các nhân vật, cách giải quyết mâu thuẫn ở cuối vở kịch (tỉ như vở “Người Học Vẽ” là vở kịch mà khi còn sinh tiền NNP ước mong tác phẩm này được trình diễn). Sinh viên ngữ học có thể dùng các mẫu đối thoại để thấy tiếng Việt ở Hà-Nội có vài thay đổi từ 1936 so với tiếng Việt bây giờ (thí dụ: chè/trà; “ô-tô Delage của nhân vật Phán Tự, làm bằng 15, 16 con ngựa” (p. 158); Văn: Không ạ, con định bảo thầy nhầm, không phải ô-tô làm bằng 16 con ngựa, 16 mã lực chỉ là sức mạnh của máy (p. 188);

Cụ Bá (nói với anh Xe, người lái xe của Phán Tự).

Cụ Bá: -Ờ nhĩ! Thôi được, anh cứ cầm lấy tiền mua diêm thuốc.

Xe: (cầm tiền) -Cảm ơn cụ. Con không **ăn** thuốc Lào, con chỉ **ăn** thuốc lá. (p. 189)

Trong hai phần về truyện ngắn và kịch, độc giả biết thêm về cách nhận xét tâm lý tế nhị của tác giả. Trong truyện “Tình Trẻ Thơ,” Tân, một cậu học trò 13 tuổi, theo mẹ lên Đồng Đăng (Lạng Sơn) chơi nhân thể bà đi lễ, gặp lại Thu cô con gái bà chủ, và trong vài ngày ngắn ngủi nhen nhúm nơi cậu thiếu niên một tình cảm nhẹ nhàng khi cô Thu con gái bà chủ săn sóc Tân.

“Cô dắt Tân đến một cây hồng, hái đóa hoa xinh nhất mà rằng:

- Để chị gài vào khuy áo cho.

Cô phải cúi xuống để gài nên hơi thở của cô thoáng trên mặt Tân. Tân thấy có một cảm giác êm đềm chưa bao giờ được biết.” (p. 17)



Ở Phần 4. Phê bình (dịch từ nguyên bản tiếng Pháp):

-Trong 10 bài phê bình, bài “Mấy Vần Thơ” và bài “Ông Thế Lữ và con hổ trong vườn bách thảo,” như một nhà phê bình đã nhận xét, NNP tỏ ra có thiên kiến về phong cách thơ Thế Lữ. Ông chê vài chỗ trong bài *Nhớ Rừng*. Con hổ “cái biểu tượng kia chỉ là thứ vớ vẩn đáng thương. (p. 253)...Trong bài thơ *Nhớ Rừng* “thật sự có những câu thơ tuyệt đẹp, nhưng ý và tứ thì rỗng và thật sự buồn tẻ, chẳng toát ra điều gì mới lạ.” (p. 254)

-Phần dịch này liệt kê người dịch là Nguyễn Kỳ, Nguyễn Như Phong và hiệu đính: Nguyễn Như Phong, Nguyễn Lân Bình.

Phần dịch từ nguyên bản tiếng Pháp của NNP sang tiếng Việt đọc khá thông suốt, tuy có chỗ tôi muốn có bản tiếng Pháp để so sánh. Thí dụ ở trang 270 có câu: “Thứ nhất loại thơ bầy âm là thứ thơ của ta. Loại này do chính những người phương đông tạo ra.”

Ngoài ra, ở bài “Kịch Bằng Thơ” (đăng trên *L’Annam Nouveau*, số 486, năm 1935) có vài lỗi:

Trang 270:

-...những câu thơ mà **Corney**, Racine, Molière. (soạn giả muốn nói Corneille chẳng; chữ in đậm là của người viết bài này)

-Chúng ta biết nhà thơ nổi tiếng Paul-Marie Verlaine đã nói:

*Trước tiên phải có âm nhạc*

*Và để có nhạc tôi ưa số lẻ* (sic)

(De la musique avant toute chose

Et pour cela préfère l’Impair)

Hai câu trên có thể tạm tóm lược ý:

“Quan trọng hơn hết, trong thơ phải có nhạc

Và muốn được vậy bạn hãy chọn nhịp thơ chẵn bồng.” (Music above all else, and for that choose the Uneven meter)

Lược dịch ý chính để rõ nghĩa thêm chữ “L’Impair”

Bài Art Poétique của Verlaine như lời tuyên ngôn của vị chủ soái trong thi-phái Tượng Trưng (Symbolisme) theo đó, đại khái, ông bảo thơ phải có nhạc, và để đạt được mục đích ấy, ông bảo bạn hãy chọn sự trầm bổng, các âm tiết các âm tiết không đều-đặn, chọn âm lẻ, tránh âm tiết đều đặn (như thơ 12 âm tiết alexandrine); thơ phải có sắc thái “nuance” vì nhờ sắc thái đã kết duyên thành đôi giữa mơ với mộng giữa tiếng kèn cùng tiếng sáo. Ông khuyên nhà thơ tránh xa sự châm chích, trào phúng, hãy “bỏ cổ” sự hùng hồn (như bài Demain dès l’aube... của Hugo). Ông lặp lại lần nữa lúc nào cũng phải có nhạc và lúc nào thơ cũng phải có nhạc. Để câu thơ bay bổng như cuộc phiêu lưu tốt đẹp.

Thơ, theo Verlaine trong phân đoạn 3 của bài thơ, ví như đôi mắt đẹp sau làn khăn mỏng, như ánh sáng lung linh giữa trưa, màu xanh huyền ảo của các vì sao sáng trong bầu trời thu mát...

(C'est de beaux yeux derrière des voiles/C'est le grand jour tremblant de midi/C'est, par un ciel d'automne atttiédi/Le bleu fouillis des claires étoiles!)

(Có một vài dịch giả đã dịch toàn bài sang thơ Việt. Xem thêm bài dịch sang thơ Việt của Vĩnh An Nguyễn Văn Sơn:

<https://www.thivien.net/Paul-Verlaine/Ngh%E1%BB%87-thu%E1%BA%ADt-thi-ca/poem-XIYfLdsCuxp8gW78Xjnn4w>

Sau nữa, từ “préfère” ở mệnh lệnh cách nên không dùng “tôi” được.

Nhưng trong Phần 5 có nhiều bài lý thú về Nguyễn Nhược Pháp và đời sống trong gia đình đông anh chị em mà NNP như một huynh trưởng hướng đạo, hướng dẫn các anh chị em trong gia đình hoạt động, bày trò ganh đua, bơi, đua xe đạp, đóng kịch, quay phim cho toàn thể. Ngoài bài nhiều người biết và trích dẫn như bài của Hoài Thanh (*Thi Nhân Việt Nam*) còn một số bài viết về kỷ niệm với tác giả NNP khi in tập thơ “Ngày Xưa,” như bài của Bằng Bá Lân, hay như bài của Vũ Bằng, theo đó cụ cử Mai Đăng Đệ trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, là người đầu tiên lớn tiếng khen thơ NNP tại toà báo Trung Bắc Tân Văn và là người đưa NNP “từ chỗ tối ra chỗ sáng, từ một cậu học sinh nhút nhát lên văn đàn rực rỡ hào quang” (p. 304):

“Một hôm cụ cụ đập tay đánh đét một cái xuống bàn, vén ống quần lên, đội lại cái mũ nôi rồi bảo tôi (Vũ Bằng) trong tòa soạn:

-Gớm chết! Thơ hay quá, ông Thiên Tướng ơi (Thiên Tướng là một bút danh của Vũ Bằng). Phải đọc đi! Đọc ngay đi mới được...

Cụ cầm cuốn “Ngày Xưa” giơ lên trời như múa...

-Thơ hay thật. Ra cái cậu Pháp này gớm thật, tưởng là viết đùa một vài câu nào ai có biết đâu bài thơ nào cũng khá nếu không toàn bích thì cũng được vài ba câu...gia dụng!” (pp. 303-304).

...“Sau khi đọc cuốn “Ngày Xưa” (mà tác giả NNP rụt rè không dám đưa cho cụ sợ cụ “vắt vào sọt rác”) cụ Vĩnh một hôm cười ha hả đến giữa tòa soạn nói rằng:

-Cũng hay, tôi không ngờ lại có con thi sĩ. Nhờ các tiên sinh dìu dắt, cháu sau này chịu khó là nhờ ơn các tiên sinh” (p. 305)

Tóm lại, ngoài một vài khuyết điểm nhỏ trong phần dịch từ bài báo viết bằng tiếng Pháp, tập sách in rất mỹ thuật, nội dung trình bày bằng khổ chữ dễ đọc. Đây là một tác phẩm nên có trong tủ sách gia đình. Ai chưa có cuốn “Ngày Xưa,” nếu có cuốn **Hoa Một Mùa** thì ngoài phần thơ trong Ngày Xưa, cũng có thêm các tác phẩm khác về truyện ngắn và kịch và phê bình của nhà thơ trẻ có tài, mà thơ được phổ nhạc nổi danh khắp nước. Đọc xong không khỏi ngậm ngùi thương tiếc, nền văn học Việt Nam mất đi quá sớm một tài năng hiếm có.

*-Viết xong tại Virginia October 29, 2020*



**Phạm Trọng Lê**

# THI SĨ VÀ MÙA THU

## Nguyễn Khuyến, Verlaine, Bashô, Buson, Shakespeare

### Phạm Trọng Lệ sưu khảo và dịch

Vào đầu thu, khi lá vàng bắt đầu rụng, thi sĩ và nhạc sĩ thường tả cái buồn nhẹ nhẹ của một thời tiết không còn nóng, nhưng chưa lạnh lắm, một hoài cảm băng khuâng (như Cung Tiến trong bài “Thu Vàng”). Nhưng người yêu thơ không ai quên được bài THU ĐIỀU của Nguyễn Khuyến, bài CHANSON D'AUTOMNE của Verlaine, những bài thơ HAIKU của thiền sư Nhật Bản Bashô, Buson, và bài tình thi SONNET số 73 của Shakespeare.

### I. THU ĐIỀU

Nguyễn Khuyến người làng Yên Đỗ tỉnh Hà Nam, sinh năm 1835, đời vua Tự Đức; đỗ đầu kỳ thi Hương năm 1864; đỗ đầu thi Hội và thi Đình năm 1871 nên người đương thời gọi là Tam Nguyên Yên Đỗ. Làm quan đến chức Sơn Hưng Tuyên tổng đốc. Sau vì đau mắt nặng, phải cáo quan về nhà dạy học. Cụ hay chữ, làm thơ nôm rất tài, dùng ít điển cố, có để lại tập thơ nhan đề *Quế Sơn Thi Tập*. Bài “Thu Điều” là bài tuyệt nhiên không có giọng châm biếm thường thấy trong thơ Nguyễn Khuyến. Cụ mất năm 1909, thọ 74 tuổi.

Ta hãy ngắm một bức họa thiên nhiên mà thi sĩ đã vẽ ra:

Thời-gian: mùa thu; không-gian: ao thu; thời-tiết: hơi lạnh.

Như một bức tranh tĩnh vật: trong cảnh ao thu, nước trong vắt, một ông già ngồi một mình trên chiếc thuyền câu nhỏ. Hơi gió nhẹ đưa, làn nước ao gợn sóng nhẹ, một vài ngọn lá vàng bay xuống. Ngửng mặt lên trời cao: mấy làn mây lơ lửng trên bầu trời xanh ngắt. Hạ tầm mắt xuống, nhìn xa một chút: trong ngõ hẹp quanh co dẫn vào thôn, bên hàng trúc yên lặng, không một bóng người qua lại. Trong ao thu, trên thuyền câu, ông câu ngồi đấy như chờ cái lắng đọng của thời gian. Trong cái cảnh yên lặng ấy, con người nhỏ bé đơn sơ và thiên nhiên như cảm thông với nhau qua tiếng cá đớp nhẹ ở chân bèo. Mặt ao yên lặng chợt có những vòng sóng gợn quanh đám bèo. Âm nhạc du dương nghe được ngoài đời êm ái đã đành, nhưng hay nhất là thứ âm nhạc yên lặng của thiên nhiên. Như nhà thơ Anh John Keats đã viết: “Heard melodies are sweet, but those unheard are sweeter.” Một hình ảnh rất “thiên”.

Xin đọc to và chậm để âm thanh và hình ảnh lắng vào hồn mình:

### THU ĐIỀU

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,

Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,  
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.  
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,  
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

NGUYỄN KHUYẾN

Dịch Sang Anh Ngữ:

Để giới thiệu bài thơ mùa thu giàu hình ảnh và âm điệu, lại được viết bằng thứ tiếng Việt dễ hiểu với độc giả Anh Mỹ, và nhất là với các bạn học sinh hay sinh viên Việt quen với tiếng Anh, xin phỏng dịch:

ANGLING IN AUTUMN

The autumn pond is bleak and cold, its water crystal clear,  
There floats a tiny little sampan near.  
Ripples of deep blue water curl with a puff of wind slightly,  
A yellow leaf in wind falls and glides down noiselessly.  
A layer of cloud drifts in the azure sky,  
In the winding lane of bamboos, not a single soul passes by.  
Arms around knees, I loosely hold the pole for a long while, in vain,  
From nowhere, a fish bites at the roots of the water hyacinths.

(Translated by PTL)

Bản dịch sang Pháp Ngữ:

Đây là bản dịch sang tiếng Pháp do Nguyễn Khắc Viện và các dịch giả khác trong ANTHOLOGIE DE LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE, Tome III (Hanoi: Édition en Langues Étrangères, 1975), pages 161-162:

Pêche en Automne

Une mare automnale morne et froide,  
Sur l'onde limpide, un petit sampan, tout menu—  
Une fine brise ride l'eau turquoise,  
La feuille jaunie sous le vent sans bruit plane et file.  
Tout là-haut, un nuage dans l'azure sans fin,

Dans les détours des allées de bambou, nulle trace d'ami,  
Les bras autour des genoux, longuement, à l'onde,  
En vain, j'ai laissé le fil de ma ligne,  
Le poisson goba, elle trembla tout en bas, sous les nénuphars.

## II. CHANSON D'AUTOMNE CỦA VERLAINE (1844-1896)

Sinh sau Nguyễn Khuyến 9 năm, nhà thơ Pháp Paul Verlaine, thuộc trường phái biểu tượng, trong tập thơ *Romances sans paroles* in năm 1874, có bài « Chanson d'automne » mà độc giả quen với Pháp văn ai cũng biết. Thơ ông đầy nhạc tính; có nhiều bài đã được nhạc sĩ Debussy phổ nhạc. Trong bài thơ « Art poétique » (Nghệ Thuật Thi-ca), ông viết rằng: « De la musique avant toute chose » (« Âm nhạc trên hết cả »). Nghệ thuật, đối với ông, như « đôi mắt kiêu diễm sau làn khăn mỏng, là ánh sáng lung-linh của buổi trưa, là xáo trộn màu xanh của những vì sao sáng trên bầu trời thu mát. » (« C'est des beaux yeux derrière des voiles/C'est le grand jour tremblant de midi/C'est, par un ciel d'automne attiédi/Le bleu fouillis des claires étoiles! »)

Đọc lại bài Chanson d'automne, mà nhiều nhà yêu thơ đã dịch sang Việt ngữ—trong đó có bài dịch của cụ Tô Giang Tử Nguyễn Quang Nhạ (xem phần chú thích cuối bài), bài dịch của chúng tôi chỉ là một cố gắng khiêm tốn—không ai quen được những âm thanh gây nên bởi những nguyên âm « o » và « ou », chậm và buồn như điệu nhạc dài của mùa thu. Ý và nhạc trong thơ ông, phải chăng đã gây cảm hứng cho những bài thơ bất hủ như bài « Tiếng Thu » của Lưu Trọng Lư?

### CHANSON D'AUTOMNE

Les sanglots longs

Des violons

De l'automne

Blessent mon coeur

D'une langueur

Monotone.

Tout suffocant

Et blême, quand

Sonne l'heure,

Je me souviens

Des jours anciens

Et je pleure;

Et je m'en vais

Au vent mauvais

Qui m'emporte

Deçà, delà,

Pareil à la

Feuille morte

PAUL VERLAINE

Note: dưới chữ ẹ trong « deçà » có đuôi.

Dịch sang văn vần:

THU CA

Đàn thu

thổn thức

giọt sầu

Tim cô rướm máu

một màu tái tê

Nghẹn ngào

mỗi độ thu về

ngày vui

nhớ lại

bờ mi lệ tràn.

Hồn ta

gió cuốn

miên man,

nay đây, mai đó

như hàng lá khô.

(PTL phỏng dịch, 1981)

### III. MÙA THU TRONG THƠ HAIKU CỦA NHẬT

Trong lối thơ haiku gồm 17 âm-tiết, xếp thành ba câu, theo mẫu 5,7.5, hay lối thơ waka 31 âm tiết theo mẫu 5,7,5,7,7. mỗi bài thơ ẩn một tâm trạng gắn liền với cảnh vật độc đáo bên ngoài, có khi chỉ là tiếng chim kêu, tiếng vỗ cánh, tiếng lá rơi, tiếng ếch nhảy xuống nước. Hồn thơ Haiku thường diễn tả một trạng thái căng thẳng của tâm hồn thi sĩ trước thiên nhiên, muốn quán chiếu thực tại. Xin đọc ba bài thơ nổi tiếng của Bashô, một bài của Buson và một bài của Saigyô.

#### MATSUO BASHÔ (1644-1694)

Có ba bức hoạ trên đó Bashô viết bài haiku « quạ đậu trên cành cây » này. Bức xưa nhất có vẽ bảy con quạ đang đậu trên cành trụi lá, với 20 con đang bay trên trời. Hai bức kia có vẽ một con quạ đang đậu trên cành khảnh khiu. Bài thơ là hình ảnh cô đơn của con người trong cái yên lặng của mùa thu.

kareeda ni

karasu no tomarikeri

aki no kure

*Trên cành cây khảnh khiu*

*Con chim quạ vừa đậu*

*Trời chạng vạng mùa thu*

On a bare branch

A crow has lighted...

Autumn nightfall

(Translated by Makoto Ueda, in BASHÔ AND HIS INTERPRETERS. Stanford, CA: Stanford University Press, 1992, p. 57)

Tuy bài sau đây làm vào mùa xuân nhưng chúng tôi cũng chép lại vì là bài haiku nổi tiếng nhất của Bashô. Con người cô đơn trước cảnh vật thiên nhiên. Tiếng ếch nhảy xuống nước cũng như tiếng cá đớp trong câu “Cá đẩu đớp động dưới chân bèo” của Nguyễn Khuyến. A commentary by Nobutane: “The Zen monk Hakuin always talked about the sound of one hand clapping. The sound of water in this hokku is also like that: it is there and it is not there.” In Ueda, BASHÔ AND HIS INTERPRETERS, p 140.

furuike ya

kawazu tobikomu

mizu no oto



*Phá bầu yên lặng mặt ao xưa...*

*ếch nhảy vọt*

*tổm xuống nước*

*old pond...*

*a frog leaps in*

*water's sound.*

(Translated by William J. Higginson, in THE HAIKU HANDBOOK, p. 9)

[Note: Allen Ginsberg, trong tập COLLECTED POEMS 1947-1980. New York: Harper-Collins, 1984, dịch bài thơ trên như sau: Th'old pond - a frog jumps in. Kerplunk!]

*kono michi ya*

*yuku hito nashi ni*

*aiki no kure*

*Con đường này*

*vắng người qua*

*lúc hoàng hôn mùa thu*

*an autumn eve*

*along this road*

*goes no one*

(Translated by R.H. Blyth in THE GENIUS OF HAIKU. Tokyo: The Hokuseido Press, 1995, p. 38)

## **YOSA BUSON (1716-1783)**

*Yuku ware ni*

*Todomaru nare ni*

*aki futatsu*

*I go;*

*Thou stayest:*

*Two autumns.*

(Translated by R.H. Blyth, sách dẫn ở trên, tr. 110)

*Mùa thu ai xẽ làm đôi,  
Người đi kẻ ở, ngậm ngùi nhớ thương.*  
(PTL phỏng dịch)

### THIÊN SƯ SAIGYÔ (1118-1190)

Thiền đạo đòi hỏi phải rũ sạch ham muốn và ràng buộc với thế tục, nhưng thi sĩ Saigyô vẫn yêu vẻ lấp lánh của cuộc đời. Con người tầm đạo dù phải diệt ham muốn, nhưng khi nhìn một cảnh giản dị của thiên nhiên, lòng vẫn rung động:

*kokoro naki*

*mi ni mo aware wa*

*shirarikeri*

*shigi tatsu sawa no*

*aki no yugure*

---

*dù tâm hết khát vọng  
nhưng thân ta cũng biết  
rung động thổn thức khi thấy  
con chim dễ bay vút từ đầm lầy  
và màn tối mùa thu đang buông*  
(PTL phỏng dịch)

---

*even heartless  
my body must know  
how touching:  
snipe rise from the marsh  
in the autumn nightfall*

(Translated by William J. Higginson, cited above, p. 186)

#### IV. BÀI SONNET CỦA SHAKESPEARE VỀ MÙA THU VÀ TUỔI VỀ CHIỀU

Trong tập tình thi 154 bài sonnets của Shakespeare, bài sonnet số 73 có lẽ là bài hay nhất vì dùng nhiều ẩn dụ khéo léo:

Hằng năm cứ vào mùa thu, khi em nhìn ta, khi vài chiếc lá vàng, hay không còn ngọn lá nào dính trên cành, run-rẩy vì lạnh, như ban hát thánh ca trong giáo đường mục nát và trơ trọi, nơi những con chim có giọng ngọt-ngào, mới đây đậu và hát. Nơi ta, em thấy ánh hoàng hôn hôm ấy, sau khi mặt trời đã nhạt màu ở phương tây, dần dần bị bóng đêm dập tắt đi—hình ảnh của cái chết, gấn kín tất cả trong giấc ngủ. Nơi ta, em thấy ánh ngời của than hồng, tro tàn của tuổi xuân ta, đang lụi dần như trên chiếc giường người sắp chết, bị lửa đốt hết, ngọn lửa làm than hồng lên và thổi thêm sức sống cho than. Thấy cảnh như vậy, em sẽ yêu quý ta hơn vì chẳng bao lâu nữa em phải già từ.

Sonnet 73: That Time of Year...

That time of year thou mayst in me behold  
When yellow leaves, or none, or few, do hang  
Upon those boughs which shake against the cold,  
Bare, ruined choirs, where late the sweet birds sang.  
In me thou seest the twilight of such day  
As after sunset fadeth in the west,  
Which by and by black night doth take away,  
Death's second self that seals us all in rest.  
In me thou seest the glowing of such fire,  
That on the ashes of his youth doth lie,  
As the death-bed whereon it must expire,  
Consumed with that which it was nourished by.  
This thou perceiv'st, which makes thy love more strong,  
To love that well which thou must leave ere long.

WILLIAM SHAKESPEARE, in 1609 Quarto edition

---

*Giờ này hằng năm...  
Nhìn ta em thấy hằng năm,  
Khi vài lá úa trên cành cô đơn.  
Gió rung lá khảng khiu buồn,*

*Thánh ca chim hót giáo-đường mới đây.  
Nhìn ta em thấy phương tây,  
Mẫu chiều bằng-lãng đêm dầy cuốn đi.  
Bóng đêm thần chết phủ vi,  
Trong ta ánh lửa xuân thì tàn tro.  
Nguội trên manh chiếu xác khô,  
Lửa nuôi than sống trước giờ lụi tiêu.  
Cùng ta cho trọn thương yêu,  
Cho thêm khắng khít trước chiều chia phôi.*  
(PTL phỏng dịch, 1993)

## **CHÚ THÍCH VÀ SÁCH THAM KHẢO**

-Chắc độc giả ai cũng biết bài “Mùa Thu Chết” của Phạm Duy mà giọng Julie Quang đã làm cho bất hủ:

*Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo Em nhớ cho mùa thu đã chết rồi  
Mùa thu đã chết. em nhớ cho! Mùa thu đã chết, em nhớ cho!  
Mùa thu đã chết, đã chết rồi  
Em nhớ cho! Em nhớ cho!  
Đôi chúng ta sẽ chẳng còn nhìn nhau nữa. Trên cõi đời này, trên cõi đời này....  
Ôi ngát hương thời gian mùi thạch thảo  
Em nhớ cho rằng ta vẫn chờ em.*

Trong tập thơ ALCOOLS của Apollinaire, nhà thơ Pháp phái Siêu Thực, gốc Ba-Lan, làm năm 1913:

### **L'adieu**

*J'ai cueilli ce brin de bruyère  
L'automne est morte souviens-t'en  
Nous ne nous verrons plus sur terre  
Odeur du temps brin de bruyère  
Et souviens toi que je t'attends.*

(Guillaume Apollinaire, OEUVRES POÉTIQUES, ALCOOLS, Éditions Gallimard, 1920, p. 85)

Nhạc sĩ Phạm Duy chắc đã lấy hứng và mượn ý từ bài dịch để làm lời cho nhạc phẩm « Mùa thu chết » mà bản dịch đó, theo một bạn văn cho biết, là của Bùi Giáng. Bản dịch tài tình.

-Đọc thêm về lời bàn về bài « Thu Điếu », xem: Dương Quảng Hàm. QUỐC VĂN TRÍCH ĐIỂM. Saigon: Xuất Bản Bốn Phương, 1953, tr. 44-45.

-Bản dịch bài Chanson d'automne của Tô Giang Tử Nguyễn Quang Nhạ, in trong TUYỂN TẬP THI PHẨM in tại McLean, Virginia, 1981, tr. 369, không đề giá bán:

*Nhạc thu*

*Nhạc thu nước nở trăm trê*

*Ngân dài một điệu nã nề lòng ta.*

*Nghẹn ngào, mặt tái lệ nhòa,*

*Thu về chợt nhớ ngày qua khuất rồi.*

*Hồn ta tựa chiếc lá rơi,*

*Phiêu phiêu gió cuốn, chuyển dời đó đây...*

(Tô Giang Tử phiên dịch)

-Một cuốn sách giải thích về Haiku xưa và nay và cách dạy làm thơ haiku cho thiếu niên: William J. Higginson. THE HAIKU HANDBOOK. Tokyo: Kodansha International, 1985. \$9.95.

-Nhà xuất bản Dover đưa ra một cuốn sách mỏng, 78 trang, giá \$1.00, nhan đề THE CLASSIC TRADITION OF HAIKU, Faubion Bowers, ed. Mineola, NY: Dover Publications, Inc, 1996. Thơ Haiku của 48 nhà thơ Nhật, có nguyên tác kèm theo lời dịch sang tiếng Anh của những dịch giả nổi tiếng. Có những bài haiku như bài “quạ đậu trên cành” của Basho có 6 bản dịch để người đọc so sánh.

-Bản dịch những mẫu hành trình du ký của Matsuo Bashô: THE NARROW ROAD TO THE DEEP NORTH AND OTHER TRAVEL SKETCHES. Trans. Nobuyuki Yuasa. Penguin Books, 1968.

-Muốn tìm hiểu thêm về thơ của thi nhân Saigyô, xem: William R LaFleur, trans. MIRROR FOR THE MOON: A SELECTION OF POEMS BY SAIGYÔ (1118-1190). New York: New Direction Books, 1978.

-Một cuốn sách biên khảo công phu về Bashô kèm theo những lời bình ngắn gọn của những nhà phê bình người Nhật sau mỗi bài thơ: Makoto Ueda. BASHÔ AND HIS INTERPRETERS: SELECTED HOKKU WITH COMMENTARY. Stanford, CA: Stanford University Press, 1992. Giá: \$19.95

-Ấn bản bỏ túi, rẻ tiền và tiện dụng về 154 bài sonnets của Shakespeare kèm theo chú giải vài chữ khó và tóm tắt đại ý mỗi bài thơ: Louis B. Wright and Virginia A. LaMar. SHAKESPEARE'S SONNETS AND POEMS. New York: Washington Square Press, 1967,

1969. Giá \$5.99. Soạn giả làm việc ở Folger Shakespeare Library nên đây là một ấn bản đáng tin cậy.

-Người đọc Shakespeare nghiêm túc, sinh viên soạn thi bằng MA về văn chương Anh nên có cuốn sách của Helen Vendler. THE ART OF SHAKESPEARE'S SONNETS. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1997. Đây là cuốn sách soạn kỹ của giáo sư Vendler thuộc đại học Harvard, với lời nhận xét tỉ-mỉ và đôi khi độc đáo của một người đọc thơ rất kỹ (the best close reader of poems) về 154 bài sonnets. Kèm theo sách là một CD, trong đó bà có đọc đa số các bài sonnets trong sách. Giá \$31.50. ■

**Phạm Trọng Lê, Virginia, đầu thu 1993; sửa lại 8/5/2008**



# Một Đời Cho Nghệ Thuật và Nữ Quyền

## MARY CASSATT:

### Họa Sĩ Và Thủ Ấn Họa Ấn Tượng Mỹ

Sưu khảo của **Phạm Trọng Lệ**

(Trong tạp chí *Cỏ Thơm* số 93, tháng 9, 2021 - trang 160-173)

## Tiểu sử

**Mary Cassatt** là một họa sĩ có óc độc lập, dùng thành quả nghệ thuật và uy tín cố gắng vượt qua thành kiến bất công và quan niệm thiên cận đối với phụ nữ trong gia đình, và ngoài xã hội, ở cuối thế kỷ 19, thời mà một số tập tục bất công đã thành nề nếp và được xã hội coi là hiển nhiên.

Năm 16 tuổi, Mary xin học tại Pennsylvania Academy dù thân phụ không muốn cô học hội họa để thành chuyên nghiệp, nhưng vốn quyết tâm, và ương ngạnh, và được bà mẹ có óc cấp tiến về khả năng người phụ nữ nâng đỡ, Mary Cassatt đã theo đuổi sở thích và khi đã tạo cho mình một khả năng vững vàng trong ngành họa Ấn Tượng, là địa hạt được công nhận của các danh họa Pháp, nữ họa sĩ đã dùng danh tiếng và uy tín để ủng hộ nữ quyền và là người chủ chốt trong việc giúp dân chúng Hoa Kỳ hiểu thêm về nghệ thuật hội họa nói chung và họa phái Ấn Tượng nói riêng.

Mary Cassatt, nguyên cả tên là Mary Stevenson Cassatt, sinh 22 tháng 5, 1844 tại Allegheny City gần thành phố Pittsburgh, tiểu bang Pennsylvania. Mất ngày 4 tháng 6, 1925, gần Paris, thọ 82 tuổi. Nhà báo và phê bình nghệ thuật Pháp, Gustave Geffroy, viết rằng bà là một trong ba phụ nữ tiên phong, có tài và ảnh hưởng lớn của trường phái ấn tượng “Les trois grandes dames de l’Impressionnisme” ([en.wikipedia.org](http://en.wikipedia.org)). Mary Cassatt có biệt tài vẽ những cảnh săn sóc triu mến giữa mẹ con. Năm 1879 bà được so sánh với họa sĩ phái Ấn tượng nổi danh Edgar Degas người Pháp vì cả hai tìm cách mô tả dáng điệu, ánh sáng và cách bố cục đề tài mới mẻ nhất. Tự điển Larousse viết Cassatt nhận những lời cổ vấn từ họa sĩ Edgar Degas và nổi bật trong nhóm họa sĩ trường phái Ấn Tượng. (*Elle reçut les conseils de Degas et s’illustra au sein du groupe impressionniste*).



**Mary Cassatt tự họa c. 1878, lúc đó khoảng 34 tuổi.**  
Metropolitan Museum of Art, New York (*fr.wikipedia.org*)

## Gia Đình

Mary Cassatt sinh trong một gia đình thượng lưu trường giả và bảo thủ. Thân phụ, ông Robert Simpson Cassatt, thành đạt trong ngành ngân hàng chuyên về chứng khoán và đầu tư đất đai (land speculator and stockbroker). Gia đình thuộc dòng họ người Pháp Huguenots năm 1662 tới New Amsterdam, vùng đất định cư của người Hoà Lan (Dutch) ở mỏm phía Nam Manhattan Island (New York bây giờ). Bà mẹ tên là Katherine Stevenson Johnson (Cassatt) thuộc gia đình làm chủ ngân hàng, gốc Tô-Cách-Lan (Scotland), đọc nhiều, uyên bác, nói thông thạo tiếng Pháp. Ông bà có 7 người con nhưng hai người chết khi còn thơ, và bà là người có ảnh hưởng rất lớn đối với cô con gái mê nghệ thuật. Người anh cả của cô tên là Alexander Johnston Cassatt, học kỹ sư tại Đức, làm chủ tịch đường xe lửa Pennsylvania Railroad, gọi tắt là Pensy. Xây năm 1846, Pensy là công ty đường xe lửa lớn nhất Hoa Kỳ về tài sản và doanh thu.

Lớn lên trong một gia đình giàu có, coi du lịch là một phần giáo dục không thể thiếu, nên Mary Cassatt lúc mới 7 tuổi được sang Âu châu 4 năm, ngụ tại ba thành phố London, Paris và Berlin. Trong thời gian này, cô học tiếng Đức, tiếng Pháp, vẽ và âm nhạc. Năm 1855, gia đình quyết định về Mỹ, nhưng trên đường về, ghé lại Paris, và cô đã tới xem Hội Chợ Triển Lãm Thế Giới Paris World Fair (Exposition Universelle). Dịp



này Mary được xem những họa phẩm của các họa sĩ nổi danh như họa sĩ tân cổ điển neo-classical Jean Auguste Dominique Ingres (1780-1867) - *The Valpinçon Bather* (1808), Louvre; Eugène Delacroix (1798-1863) - *Liberty Leading the People* (1830), Louvre; Camille Corot (1796-1875) - *Souvenir of Mortefontaine* (1864), Louvre; và Gustave Courbet (1819-1877) - *The Artist's Studio*, 1855, Musée d'Orsay, Paris). Tại khu triển lãm hội họa trong Hội Chợ Thế Giới, cô họa sĩ tương lai 11 tuổi này có thể đã gặp họa sĩ và ấn họa Edgar Degas và họa sĩ Camille Pissarro, là người có tranh được chọn và trưng bày trong Phòng Triển Lãm ở Hội Chợ, và sau thành bạn thân và cố vấn của Mary. ([link: en.wikipedia.org](http://en.wikipedia.org) - Mary Cassatt)

Trở về Pittsburgh năm 16 tuổi, Mary Cassatt xin ghi tên học vẽ tại trường Cao đẳng Mỹ Thuật Pennsylvania -Academy of the Fine Arts tại Philadelphia. Nếu chỉ học vẽ như một tài khéo là một phần của nền giáo dục một phụ nữ thượng lưu, thì ông bố cho phép, nhưng khi Mary muốn xin vào học tại Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật thì ông không muốn. Ông bà sợ con gái bị 'tiềm nhiễm' những tư tưởng nam nữ bình quyền (feminist ideas) và cách sống phóng túng (bohemian behavior) của một số nam sinh viên lúc đó.

## Nhìn Thấy Những Bất Bình Đẳng

Nhưng cô không nghe lời cha, tính ương ngạnh cô học từ ông. Chỉ có 20% sinh viên là nữ, và đa số nữ sinh viên lúc đó coi mỹ thuật hội họa là một kỹ năng có giá trị xã hội, nhưng ít người như Mary Cassatt coi hội họa là nghề để sẽ theo đuổi suốt đời. Trong một cuốn video về đời Cassatt, khi người cháu gái hỏi nếu đeo đuổi hội họa còn chuyện gia đình con cái thì sao, Mary trả lời "My arts are my children" (Mary Cassatt: the American Impressionist Documentary, **phụ chú 4a**). Cô học 4 năm tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật từ 1861 đến 1865, thời gian này trùng với thời gian của cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ. Tốt nghiệp thứ nhất trong nhóm nữ sinh viên nhưng thất vọng vì thấy việc học hỏi quá chậm, có tính cách hàn-lâm và nhiều hạn chế và lúc ấy, thái độ kẻ cả miệt thị nữ sinh viên của một số nam đồng môn, Cassatt nói: "Trường này chẳng dạy gì cả. Nữ sinh viên không được vẽ người mẫu khỏa thân và mãi về sau chỉ được vẽ người mẫu nữ, còn phần lớn học vẽ qua những bức tượng." (Xem thêm: Wikipedia mục "Women at the Academy" trong Pennsylvania Academy of the Fine Arts (PAFA) về giới hạn cơ hội học hỏi mà nữ sinh viên phải nhận).

## Thôi Học Và Sang Pháp

Cuộc Nội chiến chấm dứt, Mary Cassatt quyết định thôi học tại Philadelphia và sang Paris ở cùng bà mẹ và bạn gia đình đóng vai chaperon vì lúc đó các tiểu thư hay các bà không được một mình ra đường. Nhưng lúc ấy École des Beaux-Arts tại Paris

chưa nhận nữ sinh viên. Phải chờ đến năm 1898 nữ sinh viên mới được nhận cho ghi danh như nam sinh theo bài báo của Matilde Saunier, “L’Entrée des femmes à l’École des Beaux-Arts, une histoire différée,” [link: deuxieme-temps.com](http://link:deuxieme-temps.com)). Hay có thể xem trong [Encyclopedia of Art History](#) - **phụ chú 3**.

[link: visual-art-cork.com](http://link:visual-art-cork.com) dưới tiêu đề École des Beaux-Arts.

Vì trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Paris chưa nhận nữ sinh viên, nên Mary Cassatt dùng hai cách:

- Thứ nhất là xin học tư với mấy họa-sư của trường Mỹ Thuật, trong số đó cô được họa sư và điêu khắc nổi tiếng **Jean-Léon Gérôme** nhận dạy riêng.

{**Họa sư Jean-Léon Gérôme** (1824-1904) nổi tiếng về họa và điêu khắc tượng, chỉ nhận dạy một số ít sinh viên. Ông có phòng vẽ ngay trong Salon. Vì ông có vẽ một số chân dung của các nhà quý tộc, và là thượng khách của hoàng hậu Eugenie nên uy tín rất lớn. Tác phẩm *The Slave Market* 1886, Oil on canvas, Clark Art Institute, Williamstown, Massachusetts, U.S. ([link: en.wikipedia](http://link:en.wikipedia) under Jean-Léon Gérôme, *The Slave Market*) và bức *Truth Coming Out Of Her Well* (Nàng Sự Thật Bước Ra Khỏi Giếng). Họa sư Gérôme nổi tiếng về kỹ thuật siêu thực tế hyper-realistic technique và là một giáo sư thượng thặng với những đề tài academic, lịch sử, Đông phương (Orientalism) và thần thoại, như tượng *Pygmalion and Galatea*. ([link: en.wikipedia](http://link:en.wikipedia) / Jean-Léon Gérôme.) }

- Thứ hai là tự trau dồi khả năng bằng cách xin được phép mang giá vẽ vào vẽ lại (copy), ‘tái tạo’ những bức họa của các họa sĩ bậc thầy trong bảo tàng Louvre là nơi phụ nữ được gặp và trò chuyện với giới thượng ngoạn và họa sĩ, cả nam lẫn nữ, mà những nơi gặp mặt bên ngoài như phòng trà là nơi con gái nhà gia giáo một mình ít khi bước vào, trừ phi có bạn trai hay chồng dẫn đến.

Cuối năm 1866, Mary vào học lớp dạy vẽ của họa sư Charles Joshua Chaplin, chuyên về **Genre art** hay **Genre-painting**, lối vẽ tả những cảnh công việc hằng ngày, chợ búa, trong nhà, ngoài đường phố. Thí dụ về lối vẽ genre painting của Charles Chaplin (French 1825-1891, *The Daughter of the Painter*, Private collection, 1881) Xem: [en.wikipedia.org](http://en.wikipedia.org) / Chaplin’s *La Fille du Peintre*.

Mary Cassatt cũng học với họa sĩ Pháp Thomas Couture (1815-1879), (giải thưởng Prix de Rome về họa), mà chủ đề là lãng mạn và đô thị. Trong những buổi vẽ đồng quê thực tập, sinh viên vẽ những người nông dân đang làm đồng áng hay những hoạt động thường ngày.

Năm 1868, lúc cô 22 tuổi, một bức tranh của Mary tên là *The Mandolin Player*, được ban giám khảo của Salon chọn để trưng bày. Cassatt là một trong hai nữ họa sĩ Mỹ lần đầu tiên có tranh được ban giám khảo chọn để trưng bày ở Phòng tranh **Salon de Paris**.



(*The Mandolin Player*, c. 1872, tả thực, chân dung, sơn dầu trên vải bố, private collection. / 64.media.tumblr.com).

Có họa phẩm được chọn triển lãm tại Salon de Paris là một vinh dự cho một họa sĩ và một bước đầu trong sự nghiệp. Nhưng trong ban giám khảo chọn tác phẩm còn có vị có thành kiến miệt thị khả năng một nữ họa sĩ, và lại đặt ra một số điều ‘cấm’ như họa sĩ gửi tác phẩm đến: không vẽ màu tươi, không đưa ra những đề tài mới lạ, và không thí nghiệm cách vẽ mới. Tuy sau này tác phẩm của Cassatt được Ban Giám khảo chọn, như như *Two Women Throwing Flowers at the Carnival* (1871) và bức *The Loge* (1879), nhưng những gò bó của Salon là đầu mối của những bất mãn và chỉ trích của Mary Cassatt vì họa sĩ không muốn uốn mình chiều theo đòi hỏi đương thời.

Hai năm sau, 1870, một tác phẩm thứ hai được chọn. Từ đó, trong 10 năm, Mary gửi họa phẩm cho Phòng Triển Lãm Tranh Salon, nhưng bực mình khi giao tiếp với phòng tranh vì thái độ khinh thường, và tôn trọng qui-ước cổ điển của ban Giám khảo.

Năm 26 tuổi Mary Cassatt trở về Mỹ vào cuối mùa hè 1870 - vì chiến tranh Pháp-Phổ bùng nổ lớn - và ở với gia đình tại Altoona, Pennsylvania. Ông bố vẫn phản đối việc Mary chọn hội họa làm nghề sinh sống của mình bằng cách chỉ cung cấp tiền chi tiêu cho nhu cầu căn bản nhưng không cho tiền mua vật liệu để vẽ. Cô gửi hai họa phẩm cho một Phòng Tranh ở New York, và được nhiều người khen nhưng không có người mua. Theo giáo sư Jeanne A. Ojala, công chúng Mỹ nói chung lúc đó chưa có ai giới thiệu hay hướng dẫn để biết thưởng thức hội họa (untutored American public) **phụ chú 2.**

Buồn vì thiếu cơ hội đi quan sát kỹ các họa phẩm như một cách học hỏi trong khi ở biệt thự mùa hè dành cho cô, Mary viết trong một lá thư: “Tôi đã bỏ phòng vẽ và xé

bức họa tôi vẽ Cha tôi và trong sáu tuần nay, tôi không mó tới cây cọ nào... ..chỉ mong trở lại Âu châu...”

Năm 29 tuổi, Mary đi Chicago để thử thời vận và nhận vẽ một bức họa lớn trên tường cho Woman's Building trong Hội Chợ Triển Lãm Thế Giới - Chicago World's Columbian Exposition - năm 1893, để kỷ niệm 400 năm Christopher Columbus tìm ra Mỹ châu. Ban tổ chức ủy nhiệm cho hai nữ họa sĩ trẻ vẽ hai bức bích họa Murals cho Tòa nhà Phụ Nữ Woman's Building trong Hội Chợ. Bức của Mary Cassatt nhan đề *The New Woman*, tương phản với bức kia, nhan đề Phụ Nữ Ban Sơ *The Primitive Woman*, do họa sĩ Mary MacMonnies vẽ. Hai bức Murals có tính cách ngụ ngôn allegorical, được thí nghiệm bằng lối vẽ Ấn tượng. Bức vẽ trên tường của Cassatt chủ đề *Người Phụ Nữ Mới* vẽ mấy thiếu nữ đang hái 'trái cây Kiến thức và Khoa học.' Hai bức murals sau bị phá đi khi các tòa nhà của cuộc Triển Lãm bị dẹp bỏ. Tuy nhiên bức ảnh chụp còn cho thấy những chi tiết của hai bức Murals (**Phụ chú 6b**: xem K.L. Nichols, comp., "Mary Cassatt's Lost Mural and Other Exhibits at the 1893 Exposition," và "Cassatt's Modern Woman" trong tiểu mục Women's Art at the World's Columbian Exposition, Chicago 1893 ([link](http://www.arcadiasystems.org): website Home Page of K. Nichols at arcadiasystems.org)

May thay cô được Giám Mục Michael Domenec cai quản giáo phận Pittsburgh ủy nhiệm công tác vẽ lại hai bức họa đang treo trên tường nhà thờ của họa sĩ Ý thời Phục Hưng sinh khoảng năm 1489 tên là Antonio da Correggio ở Parma, Italy, và ứng trước ngân khoản đủ cho Mary Cassatt đi đường và ăn ở một phần thời gian ở Italy. "Ôi! Tôi phát cuồng lên vì muốn làm việc, ngón tay ngứa ngáy, mắt tôi ứa lệ khi lại được trông thấy một bức tranh đẹp." (en.wikipedia.org)

(Chú thích cho du khách sành ăn: Parma nổi tiếng về đặc sản jambon Prosciutto di Parma.)

## Gia Nhập Phái Ấn Tượng Impressionism Và Được Đón Nhận Nồng Nhiệt



Vừa sang Âu châu được mấy tháng vào mùa thu năm 1871, tương lai Mary Cassatt sáng sủa hẳn lên. Bức họa có tên ***Two Women Throwing Flowers During Carnival*** được đón nhận nồng nhiệt tại Cuộc Triển Lãm tại Salon năm 1872, lúc ấy cô mới 28 tuổi và họa phẩm có người mua. (picture realism in Oil on canvas 65.5 x 54.6 cm -<https://www.wikiart.org/en/mary-cassatt/>)

Cô cũng được giới hội họa tại Parma hoan nghênh nồng nhiệt và hết lòng ủng hộ vì ai cũng muốn được biết họa sĩ trẻ này. Hoàn tất công tác 'tái tạo' hai bức họa của họa sĩ Correggio, và sau khi nộp cho vị Giám Mục, Mary sang Madrid và Seville vài tháng. Tại đây cô vẽ lại một số họa phẩm của họa sĩ Tây Ban Nha và hoàn thành mấy bức họa như bức **Spanish Dancer Wearing a Lace Mantilla** (1873) sơn dầu 25 5/8 x 19 3/4 hiện trưng tại the National Museum of American Art, Smithsonian Institution. ([Link: americanart.si.edu](http://americanart.si.edu))



Hai năm sau cô quyết định định cư hẳn tại Pháp. Lần này có cô chị Lydia cùng sang, hai chị em ở chung một apartment lớn có cả phòng vẽ và phòng cho người quản gia. Mary mở một họa thất nhỏ (studio) tại Paris và trong thời gian này quen biết Abigail, em gái Louisa May Alcott - lúc đó đang học vẽ. Văn sĩ Louisa May Alcott là tiểu thuyết gia Mỹ nổi tiếng với tác phẩm Little Women.

### Nhìn Thấy Bất Công, Lòng Miệt Thị Và Phê Bình Bộc Trực

Mary có những lời chỉ trích mà bạn cô là họa sĩ Sartin cho là thiếu tế nhị về thái độ chính trị của ban Giám khảo lựa tranh cho Salon de Paris, và về xu hướng thưởng ngoạn tranh lúc ấy. Mary phê bình rằng các tác phẩm của các họa sĩ phái nữ thường bị gạt bỏ và khinh miệt, nếu không quen biết ai ở trong ban Giám khảo Salon hay có người nào bảo trợ. Năm 1877 khi Cassatt 33 tuổi, các tác phẩm gửi tới Salon tham dự

đều không được ban Giám khảo chọn và kể từ năm ấy, họa sĩ không còn gửi họa phẩm đến ban giám khảo Salon.

Trong khi nghề nghiệp đang “xuống dốc,” cô được họa sĩ Edgar Degas một *ancien élève* của trường École des Beaux-Arts, giới thiệu với các họa sĩ phái Ấn Tượng, mà một số họa sĩ đã có dịp trưng bày tác phẩm và chính họ cũng bị đương thời chê và coi như “có bệnh về mắt.” Trong cuộc triển lãm năm 1879 -- tuy vắng mặt các họa sĩ Ấn Tượng như Renoir, Sisley, Manet và Cézanne, vì lúc đó họ đang cố gắng để được Salon nhận tác phẩm của họ, nhưng nhóm họa sĩ Impressionnistes của Degas bán được nhiều tranh và có lời. Hai họa sĩ Degas và Cassatt được phê bình là hai họa sĩ duy nhất đã tỏ ra xuất sắc.

Mary Cassatt trưng 11 bức, gồm cả bức *Lydia ngồi ghé loge, đeo chuỗi hạt trai*. (Woman with a Pearl Necklace in a Loge - en.wikipedia.org)



***Woman with a Pearl Necklace in a Loge***

Các nhà phê bình bấy giờ nhận rằng Cassatt “dùng màu **tươi** quá,” và những bức hình chân dung của họa sĩ “**thật** quá” (accurate) (“...her colors were too bright and that her portraits were too accurate to be flattering to the subjects...”) Tiếp theo, cô

tham gia vào bốn trong tám cuộc triển lãm của nhóm Ấn Tượng và tích cực hoạt động cho nhóm tới năm 1886. Cô cũng có công nhờ anh Alexander, chủ tịch đường xe lửa Pensy, quen biết nhiều, giới thiệu các họa phẩm của phái Ấn tượng với giới thượng lưu tại Hoa Kỳ. Phần lớn các tác phẩm của các họa sĩ ấn tượng được Harry Havemeyer mà bà vợ Louisine Elder Havemeyer, một người sưu tầm tranh, và là bạn thân được Mary Cassatt cố vấn để sưu tầm nhiều tranh giá trị. Gia đình Havemeyer đại phú gia, làm chủ công ty đường Hoa Kỳ American Sugar Refining Company. Sau này những họa phẩm được tặng cho Metropolitan Museum of Art ở New York. Nhờ vậy mà một số lớn các họa phẩm của trường phái Ấn Tượng hiện có mặt tại nhiều bảo tàng viện Hoa Kỳ.

Sau 1886, 42 tuổi, Cassatt không coi mình như thuộc một họa phái nào và thử thí nghiệm với một số kỹ thuật mới như ấn họa theo lối vẽ của họa sư Nhật Utamano và Toyokuni.

### Lập Trường Bình Đẳng Nam Nữ và Quan Điểm “Phụ Nữ Mới”

Vượt qua được những trở ngại và thành công về những họa phẩm với lối vẽ độc đáo, Mary Cassatt dùng uy tín về nghệ thuật ủng hộ những phong trào Bình Đẳng Nam Nữ bằng cách mạnh bạo tranh đấu bảo vệ nữ quyền bình đẳng với nam giới trong thập niên 1840s, như ghi danh học đại học và chính sách giáo dục chung cho cả nam nữ tại Obelin, và University of Michigan. Tương tự, tại các trường đại học dành riêng cho nữ sinh viên như Vassar (1861), Smith (1875), và Wellesley (1870) cùng thành lập vào những năm này, Cassatt cũng đòi công bằng trong việc cấp học bổng du khảo cho nữ sinh viên trong những năm 1860s và nhất là ủng hộ phong trào đòi quyền phụ nữ đi bầu (women’s suffrage) trong những thập niên 1910s.

### Người ‘Phụ Nữ Mới’ - The New Woman

Cassatt nhận những họa sĩ và họa sư như Ellen Day Hale, Elizabeth Coffin, Elizabeth Nourse và Cecillia Beaux là tượng trưng cho hình ảnh người Phụ Nữ Mới, và nhất là qua ảnh hưởng sâu đậm của bà mẹ là bà Katherine Cassatt, người tin là phải giáo dục phụ nữ thành người am hiểu, thông thạo và là người tham gia tích cực trong giới thượng lưu vào công tác xã hội. Bức họa bà mẹ ngồi đọc báo Le Figaro của Pháp tượng trưng một mẫu phụ nữ trí thức am tường nữ quyền như nam giới.



**“Reading ‘Le Figaro’** by Mary Cassatt, 1878. Credit: Collection Mrs. Eric de Spoelberch, Haverford, Pennsylvania - en.wikipedia.org). Bức bích họa *The New Woman* trong Chicago World Columbian Exposition cũng được họa sĩ coi là biểu tượng cho quyền tự do học hỏi và hiểu biết của người Phụ nữ mới, khác với hình ảnh xưa là giới hạn trong gia đình và dạy dỗ con cái.

### Mối Liên hệ với họa sĩ Degas

Khi Mary Cassatt được Salon de Paris chọn cho trưng bày bức *The Mandolin Player*, và sau này bức *The Loge*, Degas xem rồi khen “Voilà une femme qui sent comme moi!” Here is a woman who feels as I do. Hai người cộng tác với nhau trong một thời gian dài, họa thất gần nhau và Degas thường tới xem studio của Cassatt cho ý kiến và giúp kiếm người mẫu. Hai người có nhiều ý tưởng và sở thích giống nhau về nghệ thuật và văn chương vì cả hai cùng có gia đình phong lưu dư dật, cùng học vẽ ở Ý, có óc độc lập, thử nghiệm với những gì mới, lối vẽ của phái Ấn Tượng mà Degas được coi là một họa sĩ tiên phong.

Về hội họa, Degas là người giới thiệu Cassatt đến với kỹ thuật dùng **phấn màu** (Pastels), và phép **khắc họa** (engravings) là kỹ thuật Cassatt hấp thụ và thành thạo nhanh chóng.

Mary Cassatt là bạn thân nhưng không phải người yêu của Degas. Với kinh nghiệm đã từng học tại École des Beaux-Arts, hơn Mary Cassatt 10 tuổi, Degas chỉ dẫn cho Cassatt về Pastels và lối khắc họa engravings. Ngược lại về phần mình, Cassatt là



chủ chốt trong việc giúp bán họa phẩm của Degas và đề bạt họa phẩm của ông và những họa phẩm của các họa sĩ Ấn tượng khác cho giới thưởng ngoạn danh họa tại Hoa Kỳ.



**Young Girl in a Large Hat      Françoise Holding a Dog.**

*Credit: Huntington Library, Art Museum and Botanical Garden.*

Cả hai đều thích vẽ chân dung tuy đề tài khác nhau. Sau khi cha mẹ và chị gái Lydia sang ở Paris ở chung, thì ba người: Edgar, Mary và Lydia, thường vào bảo tàng Louvre cùng nhau nghiên cứu các bức danh họa. Mary cũng vẽ bức chân dung *Self-Portrait* (on gouache và màu nước).

Hai người cộng tác chặt chẽ trong thời gian 1879-80 khi Cassatt học và nắm vững phép khắc họa tại nhà in nhỏ của Degas, dùng dụng cụ và máy in của ông và học phương pháp etching plate (khắc trên bản đồng).

Suốt đời Mary vẫn giữ cảm tình sâu đậm nghề nghiệp với Edgar dù có lúc cả hai không cộng tác. Bản tính cả hai đều phê bình thẳng thắn, ương bướng, say mê nghệ thuật nhưng họ cũng có lúc bất đồng ý kiến như về vụ án xử Dreyfus, một si-căng-đan của giới quân sự Pháp sau được văn hào Émile Zola bênh vực trong lá thư *J'Accuse...*! Mary tin là vị đại úy vô tội; Degas nghĩ ngược lại. Một chuyện nữa là những lời phê bình có ý chống phụ nữ (antifemale) của Degas như khi ông chê mấy bức tranh vẽ phụ nữ hái trái cây (*Two Women Picking Fruit*) của Mary Cassatt (*"No woman has the right to draw like that"*). Dẫu có lúc bất hòa, họ vẫn giữ tình bạn và học hỏi nghề nghiệp cho tới khi Degas mất năm 1917. Mary Cassatt nói: "Ông là người hiểu ý tôi và không ai thay thế được."

## Những Năm Cuối Đời

Năm 1893, lúc đó 49 tuổi, bà vẫn tiếp tục vẽ cho đến năm trên lục tuần. Nổi tiếng nhất trong nhiều tác phẩm của bà là những bức vẽ chủ đề mẹ con với những nét mềm mại với màu và ánh sáng tả được nét săn sóc triu mến giữa mẹ và con, nhất là vẽ mũm mĩm ngây thơ của một em nhỏ.

### - Drypoint and aquatint kỹ thuật khắc ngòi kim loại và khắc axit

Những năm 1890s khi bà chuyên vẽ về chủ đề Mẹ Con (Thí dụ: bức *Mother and Child, before the Pool*- Mẹ và con trước bể bơi c.1898) bà dùng kỹ thuật drypoint and aquatint trên giấy.

Phụ chú: drypoint là một kỹ thuật khắc họa trong ngành đồ họa còn gọi là “khắc ngòi khô” theo đó một hình ảnh được khắc vào một bản in bằng bút vẽ có mũi kim nhọn bằng kim loại sắc hay kim cương và họa sĩ khắc những đường sống dọc theo những luống để nguyên thành bản in. Theo truyền thống những bản in làm bằng đồng, nhưng bây giờ thay bằng acetate, kẽm (zinc) hay plexiglass. Giống như kỹ thuật etching (khắc axit) nhưng dễ nắm vững hơn. Nguồn: Wikipedia “technique on drypoint in arts.” Aquatint: bức tranh khắc theo quá trình dùng axit nitric khắc trên bản đồng. Xem Art Encyclopedia. Hoặc xem video nhan đề “How Rembrandt Made His Etching” youtube.com. Trình bày: Alexander Massouras.



**(Mother and Child Before the Pool  
Brooklyn Museum - en.wikipedia.org)**



**(The Child's Bath 1893** sơn dầu trên vải bố, khổ 39x26 in.,  
trưng tại Art Institute of Chicago. [Link](https://en.wikipedia.org/wiki/Mary_Cassatt): en.wikipedia under Mary Cassatt)



**Woman Bathing (La Toilette) 1890-1891,**  
Drypoint and aquatint print, Metropolitan Museum of Arts.

Chịu ảnh hưởng về kỹ thuật drypoint và theo lối ấn họa của hai danh họa Nhật Utamano và Toyokuni, Bà được gọi là “Ambassadrice de L’Impressionnisme aux États-Unis d’Amérique,” vì nhờ bà mà giới thưởng ngoạn nghệ thuật tại Hoa Kỳ được biết đến họa phẩm Ấn Tượng của các họa sĩ Pháp. (Source: en.wikipedia.org under Mary Cassatt)

Trong cuộc du lịch sang Egypt 1910, người anh bà là Gardner đi cùng đột ngột bị bệnh và năm sau mất tại Paris. Bà mất cảm hứng sáng tạo, không phải chỉ vì cuộc du lịch làm bà mệt mỏi, và cái chết của người anh làm bà xúc động, nhưng bà tuyên bố lý do không vẽ được nữa: “Bị nghiền nát dưới sức mạnh của Nghệ Thuật này, tôi chống lại nhưng bị chinh phục, thật là một Nghệ thuật lớn lao nhất của quá khứ...nên hai bàn tay yếu đuối của tôi không sao vẽ tiếp được.”

Thêm vào đó, về sức khỏe, bà bị một số bệnh như tiểu đường, phong thấp (rheumatism), neuralgia (dây thần kinh), cataracts (cườm mắt), và trầm cảm (depression), nhưng vẫn vẽ cho đến khi gần 70 thì mất gần như mù hẳn.

Năm 1904 chính phủ Pháp trao tặng bà Legion of Honor, (Chevalier de la Legion d’Honneur) và Pennsylvania Academy trao tặng bà Gold Medal of Honor (1914). Bà mất ngày June 14, 1926 tại Château de Beaufresne bà mua gần Paris và được chôn gần hầm mộ gia đình tại Le Mesnil-Théribus, Pháp.

**Tóm lại, nhìn từ góc cạnh văn hóa, Mary Cassatt đã sống trong thời nước Mỹ đang chuyển mạnh từ nông nghiệp sang kỹ nghệ, và về mặt cá nhân, từ một nền giáo dục gia đình thượng lưu trong đó người cha nắm quyền điều khiển, chuyển sang một cuộc sống nghệ thuật ở Pháp, của một phụ nữ độc lập muốn bình đẳng và đối xử ngang hàng với nam giới, và họa sĩ đã tìm một lối đi cho cuộc đời, không chọn gia đình con cái, để dành hết tâm trí cho nghệ thuật, của một phụ nữ mới, đòi hỏi bình đẳng trong xã hội. Bà đã dành trọn cuộc đời nghệ thuật để tạo cho mình một chỗ đứng cao quý và gián tiếp giúp nước Mỹ của văn hóa kỹ thuật vật chất được cao đẹp hơn qua thưởng ngoạn nghệ thuật, không phải như xưa chỉ dành cho giới thượng lưu trưởng giả quyền quý giàu có, mà ngày nay còn cho mọi người, qua các họa phẩm danh tiếng trong viện bảo tàng nghệ thuật như New York Metropolitan Museum of Art.**

## Phạm Trọng Lệ

Viết xong tại Virginia June 10, 2021; bổ chính 8/20/2021

\*\*\*\*\*

### Phụ Chú:

#### 1. en.Wikipedia.org under Mary Cassatt

Bài viết này phần lớn dựa vào en.Wikipedia in English, Wikipedia.fr in French và được bổ chính và kiểm lại, và so sánh với Encyclopedia.com (bên dưới).

## 2. Encyclopedia.com

<https://www.encyclopedia.com/people/literature-and-arts/american-art-biographies/mary-cassatt>

Tác giả: Jeanne A. Ojala, professor of History, University of Utah, Salt Lake City, Utah.

Đề tài: “‘Mary Cassatt,’ American artist and grande dame of the Impressionists.”

Nhiều chi tiết về Mary Cassatt như tính ‘cứng đầu’ từ ông bố, óc thông minh từ bà mẹ. Là một trong những người Mỹ sống xa xứ ở Paris, Mary Cassatt một lần đến salon ở Paris của Gertrude Stein (1874-1946) nhà văn, thi sĩ, viết kịch và sưu tầm tranh. Salon của bà là nơi các văn nghệ sĩ như Picasso, Hemingway, F. Scott Fitzgerald, Sinclair Lewis, Ezra Pound, Sherwood Anderson và Henri Matisse thường đến họp. Mary Cassatt chê bộ tranh sưu tầm của Stein. (“I have never seen so many dreadful paintings in one place...”) Trong những “dreadful paintings” có cả họa phẩm của Picasso, Matisse và một số họa phẩm của các họa sĩ Lập Thể Cubists. Cũng trong bài này, Mary Cassatt sang Ý trong 2 năm, vẽ lại các họa phẩm của các Old Masters như họa sĩ thời Phục Hưng như Antonio da Correggio mà tranh có vẽ các tiểu thiên sứ (cherubs), và học đượ cách vẽ nét mũm mĩm ngây thơ của những em bé trong họa phẩm đề tài Mẹ Con của mình sau này.

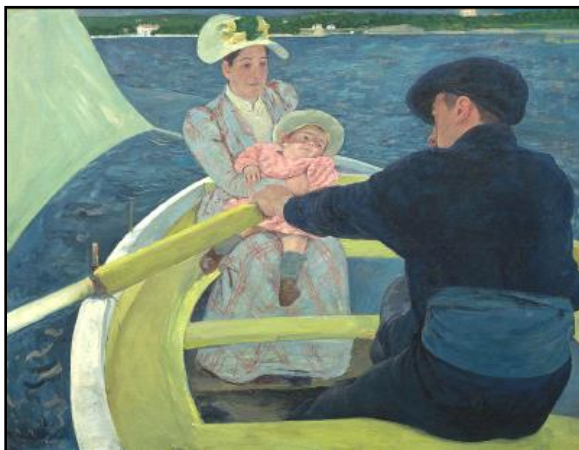
Trong bài viết này cũng liệt kê:

### **Những họa phẩm tiêu biểu kèm theo giải thích:**

In the Garden, The Cup of Tea, **Little girl in a blue armchair**, The Loge, Lady in the Tea Table, Lydia Crocheting in the Garden, **the Boating Party**, The Child’s Bath, In the Omnibus, **Woman Bathing** v.v..



***Little Girl in a Blue Armchair***([source: en.wikipedia.org](https://en.wikipedia.org) - Mary Cassatt)



**The Boating Party** (*source: en.wikipedia.org - Mary Cassatt*)

Đây là một nguồn về Mary Cassatt gọn, và khá đầy đủ do một giáo sư sử học viết dựa trên tiểu sử về Mary Cassatt do Nancy Hale viết (Hale, Nancy. Mary Cassatt. Reading, MA: Addison-Wesley, 1987) và các tài liệu khác.

### 3. Art History Encyclopedia PDF

[www.visual-arts-cork.com/](http://www.visual-arts-cork.com/)

Về những thuật ngữ trong ngành hội họa và in ấn và khắc họa như engraving, etching, drypoint, aquatint, có thể tra trong Art History Encyclopedia này. Nhưng giản tiện và cụ thể hơn, có thể xem một trong những video về từng phương pháp. Thí dụ: Để biết phép khắc họa etching, xem họa sĩ Alexander Masouras dated 7-12-2015, trình bày những bước của phép khắc họa trong youtube “How Rembrandt Made His Etchings” Link: [https://www.youtube.com/watch?v=ULEF4lpLE\\_M](https://www.youtube.com/watch?v=ULEF4lpLE_M)) hay vào Google gõ vào hàng chữ “How Rembrandt Made His Etchings.”

**Art History Encyclopedia** được phân chia thành 23 chapters. Thí dụ: Mary Cassatt, tìm trong ARTISTS (ALL), vần C.

Vào trong đó, độc giả thấy Paris Salon và từ đó, dẫn đến Nguồn và Lịch sử Phòng Triển Lãm Tranh chính thức của French Academy of Fine Arts (Académie des Beaux-Arts) trong khoảng 150 năm, từ 1737 đến 1890, là nơi có Phòng Tranh uy tín nhất thế giới, kiên trì giữ vững truyền thống hội họa hàn lâm (academic art) và nhiều tác phẩm từ thời Phục Hưng. Uy tín của Salon giảm khi thành lập Salon des Refuses và ban Giám định Salon miễn cưỡng nhận những bức họa của các phong trào tiên phong avant-garde như Impressionnisme, mà những họa sĩ độc lập dần dần soi mòn uy tín của Salon và giảm tầm quan trọng.

### 4. Video về đời của họa sĩ Mary Cassatt

Xem một trong hai bộ phim trong youtube bên dưới, trong đó có tiểu sử và nhất là những hình ảnh của các họa phẩm tiêu biểu và những thay đổi trong cuộc đời họa sĩ Mary Cassatt.

**4a- Mary Cassatt: The Life of an Artist** video 21 minutes, do Paul Priestley, Art History School, kèm theo lời giải thích về những bức họa tiêu biểu của Cassatt. The Little Girl in The Blue Armchair, Woman With the Gold Necklace kèm theo lời bàn về những bức tranh như hình bà Mẹ đọc báo Le Figaro, ông Bố, ông Anh, và cả hình chụp bên trong atelier của g.s. Gérôme, g.s. Chaplin, bên trong Phòng Trưng Bày Tranh Salon. Người xem còn thấy bên trong Woman's Building của Chicago Exposition; và những bức họa như **The Mandolin Player, The Boating Party, Baby Reaching for an Apple, The Child's Bath**. Ngoài ra, người xem còn thấy hình ảnh đường phố Pittsburgh, Paris, Chicago, New York, và Berlin thời đó. Cũng xem bức họa được chọn trưng trong Salon, *Two Women Throwing Flowers During Carnival, The Child's Bath*.

Link: [youtube.com/arthistoryschool](https://youtube.com/arthistoryschool)

#### **4b- Mary Cassatt: An American Impressionist Documentary (full) youtube**

Thực hiện năm 1999, phim dài 1 giờ, của Devine Entertainment Corporation tả Mary Cassatt đang sống một mình và vẽ tại Paris thì gia đình ông anh Alexander với 3 người con sang thăm; lúc đầu thì sự hiện diện của họ làm cản trở cuộc sống đơn độc nhưng bận rộn về vẽ của Mary nhưng khi Mary gần với các cháu, đã vẽ những bức họa dùng cháu Elsie Cassatt làm mẫu (*The Little Girl in a Blue Armchair*) và nhờ các cháu xếp đặt, đã quen biết họa sĩ Edgar Degas mà Mary hằng hâm mộ, và thì sự hiện diện của các cháu làm Mary Cassatt có hứng sáng tác.

**5. Nghe:** - VOA special English (15-minute text and voice on MP3 trong mục People in America. Date: July 10, 2009 - [learningenglish.voanews.com](http://learningenglish.voanews.com)

Đề tài: "Mary Cassatt, 1844-1926: She Broke Social Barriers With Her Art"

Giọng kể: Bob Doughty và Faith Lapidus

Bài viết soạn bởi Dana Demange

Demange, Dana. "*Mary Cassatt, 1844-1926: She Broke Barriers with Her Art.*" Learning English.voanews.com. VOA, 10 July 2009.

#### **6. Articles:**

-**6a.** Quentin Perisinotto, "Les grandes dames de l'Impressionnisme" 2/4. Éternel Transitoire, dated 9 Oct. 2007. (Link: [eterneltransitoire.wixsite.com](http://eterneltransitoire.wixsite.com)) Đoạn viết 2/4 về Mary Cassatt có trưng ba bức tiêu biểu: Giai đoạn ảnh hưởng Ấn Tượng: La Partie de bateau (1893-1894). Thời ảnh hưởng lối Ấn họa của Nhật La période des estampes: La Lettre (1890-1991). Le Thé de cinq heures (1880).

Cũng trong bài viết, Perisinotto giới thiệu sách: Vadepiet, Guy: Mary Cassatt. Les Impressionnistes et L'Amérique. Encrage, 2014.

Perisinotto, Quentin. "Les grandes dames de l'Impressionnisme 2/4" Eternel Transitoire 9 Oct. 2009. [eterneltransitoire.wixsit.com](http://eterneltransitoire.wixsit.com). Accessed 3 June 2021.

-**6b**. Website Homepage của Professor Nichols liệt kê những bài viết của vị giáo sư văn chương Mỹ về mẫu "Phụ nữ mới" trong đó có đoạn Mary Cassatt trong bức phác họa trừu tượng post-modern hậu hiện đại vẽ trong thời gian ở Spain "Early Spanish genre style" gồm bức hai chân dung ngược nhau (xem trong homepage của Kathleen Nichols). Câu hỏi của tác giả: **Is Mary Cassatt a post-Modernist?** (Link: [Arcadiasystems.org](http://Arcadiasystems.org))

-**6c**. Về bức họa ấy, The City Review trong bài "American Paintings Spring 1997", Carter B. Horsley tường thuật cuộc đấu giá:

"The most remarkable painting of both auctions is Mary Cassatt's "Sketch of Mrs. Currey and Sketch of Mr. Cassatt" at Sotheby's that "this double/upside down portrait estimated at \$125.000 to \$175.000 ...should sell for several million dollars although some buyer will probably be put off by its sketchy and ghostly nature ." ...This is, to my thinking, the **definitive America portrait.**"(The City Review) (Link: <http://www.thecityreview.com>).

-**6d**. Các bức tranh (in đậm) đề cập đến trong bài viết về Mary Cassatt trong [en.wikipedia.org](http://en.wikipedia.org)

- **The Boating Party** 1893-94, sơn dầu trên vải bố khổ 351/2 x 46 in. National Gallery of Art, Washington. Source: [en.wikipedia.org](http://en.wikipedia.org)

- **Reading 'Le Figaro'** (1878). Sưu tập của Mrs. Eric de Spoelberch, Haverford, Pennsylvania (chân dung mẹ của họa sĩ, bà Katherine Johnson Cassatt). Link: [commons.wikimedia.org](http://commons.wikimedia.org)

-**Little Girl in a Blue Armchair**, 1878 họa sĩ vẽ cô cháu. Bức này có họa sĩ Degas chấm thêm chút ít chỗ mấy chiếc ghế bành màu xanh ở bối cảnh khi tới thăm phòng họa trong nhà của Cassatt. Link: [en.wikipedia.org](http://en.wikipedia.org)

- **Mary Cassatt chân dung tự họa** c. 1880, gouache (thuốc màu nước đặc) và màu nước, than chì graphite trên giấy. 32.7cm x 24.6 cm National Portrait Gallery, Washington. DC.

-bốn bức (trong 20 bức) chủ đề mẹ con dùng kỹ thuật **drypoint và aquatint** trên giấy màu nhạt:

(a) Mary Cassatt, **Mother and Child**, Brooklyn Museum

(b) Mary Cassatt, **Under the Horse Chesnut**, 1898 19 x 15 in. Museum of Fine Arts, Houston

(c) Woman Bathing (**La Toilette**) 1890-91, Metropolitan Museum of Art

(d) **Mother and Child Before a Pool** 1898, drypoint and aquatint on laid paper (Brooklyn Museum)



- **Woman with a Pearl Necklace in a Loge**, 1879, sơn dầu trên vải bố 81 x 60 cm, Philadelphia Museum of Art. Bức họa này vẽ Lydia Cassatt, chị của họa sĩ, đang ngồi trong loge trong đại hí viện Opéra ở Paris, ăn diện lịch sự, tóc uốn gọn, chuỗi vòng hạt trai trên cổ, tỏa ra vẻ quý phái, áo hở cổ màu hồng, tay cầm quạt, ghé ngồi màu đỏ, xa xa màu vàng của balcon, bức họa nắm bắt được khoảnh khắc hạnh phúc đặc biệt, hình ảnh một phụ nữ mới, một mình buổi tối ra ngoài thưởng thức kịch nghệ trong thành phố văn minh (en.Wikipedia.org - Woman with a Pearl Necklace in a Loge.)



Young Woman Picking Fruit 1891



Summertime 1984

# Con HỔ VÀ TỤC NGŨ, THÀNH NGŨ VIỆT-ANH-PHÁP

**\*\* Phạm Trọng Lệ \*\***

(Trong tạp chí Cỏ Thơm số 94, tháng 12, 2021 - trang 148-155)

Mùng Một Tết âm lịch sắp tới là năm con Hổ hay Nhâm Dần nhằm vào ngày thứ ba mùng 1 tháng 2 năm dương lịch 2022. Bài này phần nào có chi tiết về sinh vật học, có thể tế nhị, nên xin coi như một bán khoa học. Bài cũng bàn về tục ngữ ca dao dính dáng ít nhiều đến hổ. Ít có con vật nào được từ điển uy-tín Larousse danh tiếng dành cho thành ngữ *jaloux comme un tigre*.



Link - [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org) **HỔ**

*“Sao giờ này hai giờ sáng mới vác cái bộ mặt để ghét về nhà?”*

Nói đến HỔ, người dân thường - nhất là đồng bào miền Thượng ở thế kỷ trước-thường tỏ lòng, kính cẩn, phải thờ cúng, thậm chí chỉ dám nói khể đến tên như ông hùm, ông kỉnh, ông cạp, ông khái, ông ba mươi; lại có nơi còn có bàn thờ hình Ông HỔ... bài này cũng nói đến Bà HỔ thường bị ông quên lãng. Bà mang thai (từ 93-105 ngày), sinh ra mỗi lứa từ 2-4 con, hiếm khi tới 6 con, mỗi con nặng 780 đến 1,600g (1.72

đến 3.53 lb), sinh thường là trong khoảng giữa tháng 3 và tháng 6, và nhất là tháng 9.

Sau khi mẹ đẻ ra, hổ con “mù” mắt nhắm nghiền, hổ mẹ cho bú sữa từ lúc lọt lòng suốt 5 hay 6 tháng. Tuy mắt nhắm mà hổ con theo mẹ bằng mùi của mẹ. Một tuần sau khi đẻ, hổ con nhú răng sữa, và sau một tuần đến 14 ngày, hổ con mới mở mắt. Hổ mẹ vẫn cho bú sữa tiếp đến 4 tháng sau, và cho tập đi theo đàn, cho ăn thịt và dần dần dạy cách săn thú khác. Lúc này bà mẹ tha con bằng cách cắn nhẹ vào gáy tha đến một cái hang hay hốc đá khác. Còn ông Hổ bố, sau ba bốn ngày trong thời gian tìm hiểu courting, kiên nhẫn đeo đuổi ve vãn tán tỉnh, kiếm thịt về tặng nàng, thời gian ‘quen hơi bén tiếng,’ sau khi nàng hài lòng thì nàng nằm doãi chân về phía sau, tỏ những dấu hiệu “chịu” chàng – cả hai chàng và nàng được nhận là tỏ tình rất ồn ào -nàng ồn không kém. Chừng bốn năm ngày sau, chàng “biến dạng.” Có điều lạ nữa là sau khi giao tiếp, khi đã xong thì chàng phải rút lẹ khi có dấu hiệu nàng không muốn nữa (tài liệu cho biết hổ cái hoặc bị đau khi giao tiếp, hay đã thụ thai). Thời gian “trăng mật” của hổ cái chỉ từ 3 đến sáu ngày. Rất hiếm khi có hổ đực cùng đi theo hổ cái săn sóc con, dù là con mình. Tuy nhiên, theo en.Wikipedia, có trường hợp ngoại lệ: vào tháng May, 2015, vì có máy chụp hình đặt ở gần bẫy nên đã ghi lại là trong trại Bảo Vệ Thú Sikhote-Alin Nature Reserve, một con hổ

Amur đực đi qua, theo sau bởi một con hổ cái và ba hổ con trong khoảng hai phút. Trường hợp hai, tại Khu Dành Riêng Nuôi Hổ Ranthambone, phía bắc Ấn Độ, một con hổ đực giống Bengal nuôi hai con hổ con mồ côi vì mẹ bị bệnh chết. Hai hổ con được hổ bố tha đồ ăn về cho ăn, bảo vệ chúng và có vẻ còn luyện cho chúng cách săn. (Source: en.wikipedia.org - 'the tiger')

**Hổ cái chọn sinh con** ở một nơi khá kín đáo như bụi lau cao, hốc đá, động nhỏ hay hang, để “vượt cạm một mình”. Không có cảnh hổ đực quanh quần kệ bên để chia sẻ tiếng ‘vợ’ đau đẻ, nghĩa là hổ đực không làm như mấy ông nhà quê khi vợ đẻ, những việc có vẻ thiếu ‘lô-gic’ như “leo lên mái nhà,” nhổ cọc chuồng lợn, lăn ra đường, v.v... như mấy “tục” của mấy ông chồng ở vài vùng quê ngoài Bắc Việt thời xưa. [Source: Nguyễn Dư, Phong tục về Sinh đẻ, Đất Việt (2015)]

Bà hổ mẹ một mình chịu nỗi đau đớn. Đẻ con, bà tự lo, không có cô mụ đỡ hay bác sĩ sản khoa ở bên, bà tự đỡ đẻ lấy. Khi đẻ xong bà dọn dẹp sạch sẽ --tránh để lại dấu vết và mùi máu khiến những con vật khác đánh hơi mò tới gây hại cho hổ con mới sinh, lúc đó còn nhắm nghiền mắt. Bà mẹ hổ dọn bằng cách nào? – “Ăn luôn bộ nhau” của mình. Những tháng sau, tự bà mẹ hổ, thường không có hổ đực đi cùng, chỉ dạy cho hổ con cách đi theo, cách săn, và bảo vệ hổ con. Chỉ có bà mẹ. Đây là một trường hợp Hổ cha “bị mất điểm” trách nhiệm.

Hổ con lớn dần và trong năm đầu chỉ có từ 35 đến 50 phần trăm sống sót. Lý do là vì hổ

con còn vụng về, mãi cựa quậy, tò mò, chạy xa khỏi hang và... hoặc quên mất đường về, bị lạc, hay bị tuyết và đói rồi chết, hay bị một con hổ đực nào đó cắn chết. Hổ đực lạ cắn chết hổ con, để được “giao tiếp” với hổ mẹ sớm hơn, nếu như hổ mẹ không phải cho con bú.



*Mẹ hổ dùng răng tha con*

Độ ba tuổi rưỡi, con hổ cái bắt đầu trưởng thành sinh lý, còn hổ đực thì muộn hơn một năm, nghĩa độ 4-5 năm. Nếu ở ngoài rừng hoang, Hổ có thể sống được 20 năm, còn nếu trong Khu Bảo Vệ thì sống đến trên 20 năm, kỷ lục là 26 năm.

**Hổ bị người săn nên dần dần mất giống, có nơi dần dần tuyệt chủng.**

Năm 2015, nhìn vào tổng số hổ sống hoang dã ở các quốc gia thì trong số 3,890 con hổ ngoài rừng, nước còn số hổ lớn nhất là Ấn Độ (2,225), Nga (433), Indonesia (371), Mã Lai (250). Trung Quốc còn trên 7 con, Việt Nam còn không quá 5 con. Tục săn hổ để lấy thịt, xương, bộ phận khác cũng làm một số lớn hổ bị diệt. Cũng có nơi tổ chức săn hổ cho du khách đi săn và lấy da.

## Bảng kê số lượng hổ ở các quốc gia (2016)

Quốc gia ⇄	Ước tính ⇄
 Bangladesh	106
 Bhutan	103
 Campuchia	0
 Trung Quốc	>7
 Ấn Độ	2,226
 Indonesia	371
 Lào	2
 Malaysia	250
 Myanmar	không rõ
 Nepal	198
 Nga	433
 Thái Lan	189
Việt Nam	<5
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,890</b>

(Nguồn credit: vi.wikipedia.org **Hổ**)

## Có 9 loại hổ tùy địa lý nhưng bị tuyệt giống mất 3 chỉ còn 6

Hổ là loài dã thú **độc cư** (solitary life) ban ngày thức, ngủ ban đêm, sống một mình trong vùng của mình mà bề mặt chiếm diện tích khá lớn, thường chỉ khi kiếm được bạn và giao tiếp mới sống cùng nhau. Về mặt cân đối, đẹp và khỏe, hấp dẫn, chạy nhanh, mắt vàng, ban đêm sáng quắc, vẻ oai phong, bộ lông màu nâu thẫm, hay xám, có vằn đen, lưng và đuôi dài, cân đối và nhịp nhàng như gợn sóng.

*“Vội khi thét khúc trường ca dữ dội, / Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng / Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng / Vờn bóng âm thầm lá gai, cỏ sắc / Trong hang tối mắt thần khi đã quắc / Là khiến cho mọi vật đều im hơi...”* Thế Lữ, *Nhớ Rừng*, bản 1941.

Nhà thơ Anh William Blake cũng có bài thơ “the Tyger”. Bài này g.s. Harmon

chọn là bài thơ phổ thông nhất trong số 500 bài hợp tuyển chọn lọc (most popular poem among 500 selected in anthologies.)

**Hổ cái** tương đối khá chung tình nhưng khá kén chọn ‘bạn tình’.

Hổ được chia làm 9 giống subspecies: Xưa ở từ Phía Tây Thổ Nhĩ Kỳ và Transcaucasia đến bờ biển Nhật bản và từ Nam Á đến Nam Dương. Ngày nay 9 giống chia tùy địa lý: Bengal, Caspian, Siberian (Amur), South China, Indochinese, Malayan, Bali, Javan, Sumatran, ba giống tuyệt chủng gạch dưới tên. Nay chỉ còn sáu.



(link - vi.wikipedia.org “hình tượng con hổ trong văn hóa”)

Như đã nói, hổ thích đi một mình trong rừng khi sống ở nơi hoang dã, cần có một lãnh thổ nhiều kilomet vuông, nếu có một con hổ nhỏ hơn vào vùng đất của nó, thường nó để yên nếu không tranh giành với một hổ cái của nó. Một cách chịu phục con lớn là con hổ nhỏ hơn nằm ngửa trên lưng trên mặt đất dơ bốn chân và để hở bụng tỏ ý qui phục; con lớn sẽ để yên cho đi lại hay ở trong lãnh thổ nó.

## Nguyễn Du và Hồ

Trong Truyện Kiều, cụ Nguyễn Du đã dùng chữ “Hùm” chỉ con cọp, con hổ cả thảy 8 lần (ĐDA, TĐTK)

### 1. Miệng hùm nọc rắn

-*Thân ta ta phải lo-âu,*

*Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này* (K 2015)

### 2. Bán hùm buôn sói

-*Nửa khi muôn một thế nào.*

*Bán hùm buôn sói chắc vào lưng đâu?*

(Should later it turn out that I have bought

A tiger in a poke, where shall I turn? (HST, 109)

(Bán hùm buôn sói: người buôn bán bắt lương. Mạ lang mãi hổ, tả khoán vô bằng: bán sói buôn hùm, viết văn tự không bằng có. (ĐDA, TĐTK, 27).

**3. Trượng hùm:** bức màn, cái lều bằng vải bằng da cọp kết lại làm chỗ ngồi, cũng chỉ chỗ chỉ huy của ông tướng.

*Trượng hùm mở giữa trung quân*

*Từ quân cùng với phu nhân cùng ngồi.*

- Kiều, 2315-2316) Bản dịch của Huỳnh Sanh Thông 1983.

Under a tent erected in the midst

Lord Từ and his fair lady took their seats. (HST, p119).

### 4. Miệng hùm nọc rắn: nơi hiểm nghèo

**5. Râu hùm hàm én** (gốc từ nhóm chữ *Yến hàm hổ cánh* – Hàm én cổ cọp – tướng của Ban Siêu, tướng nhà Hán). Cụ Nguyễn Du tả nhân vật Từ Hải như tướng Ban Siêu đời Hán:

*“Râu hùm hàm én mày ngài,*

*Vai năm tấc rộng thân mười thước cao.”* - K.2167

=> Cụ Nguyễn Du đổi “cổ cọp” thành “râu hùm.”

His shoulders were five inches broad [and] his body was ten feet tall. (HST, The Tale of Kiều, p. 199.)

A tiger’s beard, a swallow’s jaw, and brows

as thick as silkworm- he stood broad and tall.

His shoulders were five inches [and] his body was ten feet tall. (HST, p113)

The physiognomy of a military hero, similar to that of the famous Han commander Pan Ch’ao (Ban Siêu).

**6. Kề răng hùm-sói gửi thân tôi đòi** (K, 2670)

(She served a wolf, she did a tiger’s will. (HST, 137)

## 7. Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn (K 2516)

(The fiercest tiger, taken unawares, / will lick the dust and meet an abject end) (HST, p129)

Đoạn này Kiều kể lại Từ nghe lời Kiều về giải binh với triều đình mong có ngày nàng cũng được về cố hương, ngờ đâu bị Hồ Tôn Hiến vờ tiếp sứ, nhưng khi Từ bất ý đánh úp, anh hùng cũng chẳng ngờ, chết đứng ngoài mặt trận.

## 8. Trước hàm sư tử gửi người đàng la (K1350)

(I shall be prey to her, your lioness)

(Ho-tung lioness sư tử Hà Đông – Si Shih)

(Đoạn này Kiều nói với Thúc Sinh xin chàng về nói khéo với chị cả Hoạn Thư, chị thương cho bề nào thiếp cũng cam biết là Hoạn Thư ghen như sư tử Hà Đông (Sơn Tây, Trung Quốc) mà Tô Đông Pha có bài thơ ngắn diễu bạn).

## NHỮNG CÂU TỤC NGỮ

**-1. Không vào hang hổ sao bắt được cọp con** (Bất nhập hổ huyết yên đắc hổ tử). If you dare not venture to enter the tigress' den, how can you catch her cubs?

(Nghĩa: Phải có gan mào hiểm mới làm được việc khó.)

**-2. Họa hổ, họa bì, nan họa cốt**

**Tri nhân, tri diện, bất tri tâm**

(Vẽ cọp vẽ da xương khó vẽ xương,

Biết người biết mặt nhưng không biết lòng)

(Nguồn: doanhaothien.blospot.com

Tục ngữ Hán Việt: beta.wikiquote.org)

(In drawing a tiger, easy to draw its skin, (but) hard to draw its skeleton,

In knowing a man, easy to know his face, (but) hard to know his heart.)

Dịch giả Gió Vi Vu dịch thoát ý của hai câu trên trong:

*Dò sông dò biển dễ dò,*

*Đố ai lầy thớt mà đo lòng người.*

Theo: Gió Vi Vu, TUYỆT CHIẾU (the CATBIRD SEAT) by James Thurber (KhoaHocNet.com, 12-11-21).

**-3. Le tigre aussi a besoin de sommeil.**

Hổ cũng cần ngủ.

**-4. Hổ già hổ uy.**

Cáo mượn oai hổ.

**-5. Agneau en peau de tigre, craint encore le loup** (chinois)

Cừu dù có da hổ, vẫn sợ chó sói.

**-6. Hổ phụ sanh hổ tử**

Cha tài giỏi làm sao, sanh con làm vậy

**-7. Hổ lạc bình-dương bị khuyến khi.**

Cọp xuống đất bằng bị chó khinh.

(Hết thời, nay một mình tới đất lạ, bị những kẻ không ra gì khi dễ, hiếp đáp. (VNĐTĐ, A-L, phụ lục.)

**-8. Ne blâme pas Dieu d'avoir créé le tigre, remercie-le plutôt de ne pas lui avoir donné des ailes.** (proverbes éthiopiens)

Đừng trách Thượng Đế đã tạo ra con hổ; thay vì hãy thầm cảm ơn Ngài đã không ban cho nó thêm đôi cánh. (Tục-ngữ Éthiopie)

*Trời sanh hùm chẳng có vây*

*Hùm mà có cánh hùm bay lên trời* (CD)

(LVĐ & LNT, VNTĐ, A-L, p. 652).

**-9. Cọp chết để da, người ta chết để tiếng.**

(Con hổ sau khi chết còn để lại bộ lông cho người đời quý trọng; con người sau khi chết còn để tiếng lại; khuyên ta nên ăn ở sao cho được tiếng tốt.)

Hổ tử lưu bì nhân tử lưu danh.

Hãy so sánh câu tục ngữ này với câu tiếng Anh và tiếng Pháp. Trong vở kịch Julius Caesar của Shakespeare:

Sau khi nhân vật Brutus được Shakespeare quý mến đã cùng bọn phản loạn đâm ông 33 nhát và nhát của Brutus là nhát cuối cùng, và là nhát hạ Ceasar, người thương Brutus như con, Brutus nói với người dân La mã rằng phải giết Caesar vì ngài có tham vọng và vì Brutus yêu thành Rome hơn, thì đến lượt Anthony bước ra nói:

*The evil that men do lives after them*

The good is oft interred with their bones.

(*Antony*, Julius Caesar, hồi III, cảnh ii, dòng 77-78)

(Nguyên văn: Những điều ác con người làm, vẫn còn sống sau khi họ chết)

Còn điều tốt thì thường chôn vùi theo với xương họ)

Dịch: Tiếng xấu, dẫu chết rồi, người đời nhớ mãi

Danh thơm vừa nằm xuống, thiên hạ quên ngay.

(PTL phỏng dịch)

Le mal que font les hommes vit après eux

Le bien est souvent enterré avec leurs os.

(Jules César par William Shakespeare traduit par M. Guizot (ebook project Gutenberg #15841, released May 17, 2005).

**Ảnh hưởng của HỔ và Chính Trị**

**-10. Qui est à cheval sur un tigre, n'en descend pas aisément.** (proverbes chinois)

Cưỡi trên lưng cọp rồi khó mà bước xuống.

Có ít nhất ba chính khách nổi tiếng tây phương dùng ý của câu tục ngữ Trung Hoa kể trên “Ngồi trên lưng hổ khó bước xuống.”

=>a) Người thứ nhất: thủ tướng Anh Winston Churchill:

“Dictators ride to and fro upon tigers from which they dare not dismount. And the tigers are getting hungry.” Winston Churchill, “Armistice – or Peace” the Evening Standard (11 Nov. 1937).

Những kẻ độc tài cưỡi hổ đi đi lại lại mà không dám bước chân xuống. Và những con hổ mỗi lúc một đói. (Thủ tướng Anh đọc diễn văn “Đình Chiến hay Hòa Bình,” 11 tháng 11 1937. Ngụ ý e sợ chiến tranh mà đình chiến)

với Đức Quốc Xã trước chiến tranh thứ hai. Nhưng rồi Đức xâm lăng Ba Lan và Đế Nhị Thế chiến bắt đầu.

=>b) Người thứ 2: Tổng thống Hoa Kỳ Harry S. Truman:

“Being a president is like riding a tiger. A man has to keep on riding or he is swallowed.”

(Làm Tổng Thống cũng như người cưỡi hổ. Phải ráng cưỡi nếu không thì bị hổ nuốt chửng.)

Tổng thống nói tiếp: “The fantastically crowded months of 1945 taught me that a president either is constantly on top of events, or, if he hesitates, events will soon be on top of him. I never felt that I could let up for a moment.” Những tháng vĩ đại đầy biến cố trong năm 1945 đã dạy tôi một bài học là làm tổng thống hoặc là phải không ngừng nắm vững các biến cố, hoặc nếu ngần ngại, biến cố sẽ chóng tràn ngập. Nên không lúc nào tôi ngưng nghĩ.

=>c) Người thứ ba: John F. Kennedy

Trong diễn văn nhậm chức Tổng thống Hoa Kỳ trước tiền đình quốc hội, Jan. 21, 1961, John F. Kennedy nói trong bài diễn văn:

“Those who foolishly sought power by riding the back of the tiger ended up inside.”

Những kẻ xuẩn ngốc tìm quyền lực bằng cách cưỡi trên lưng hổ rồi cuối cùng chầm dứt đời mình trong bụng hổ. (Diễn văn nhậm chức Inaugural Address, Jan. 21, 1961)

**Nguồn gốc câu nói trên --cưỡi lưng hổ chỉ e lúc bước xuống-- gốc ở đâu mà ra:**

William Scarborough --(c. 1875) “He who rides a tiger is afraid to dismount.” Kể nào cưỡi hổ thì sợ lúc bước xuống- chính ông lại dùng câu tục ngữ số 2082 trong cuốn Chinese Proverbs năm 1875. (Ch'i 'hu nan hsia pei) (Xem thêm: William Safire, [www.nytimes.com/2005/02/06/magazine/metaphor-madness.html/](http://www.nytimes.com/2005/02/06/magazine/metaphor-madness.html/))

## THÀNH NGỮ

Tương tự với câu “cưỡi hổ chỉ e lúc bước xuống” có câu sau:

-Have a tiger by the tail: Nắm hổ đằng đuôi (rồi không dám thả ra). Have become associated with something powerful and potential dangerous. You have a tiger by the tail: you bit more than you chew. Bạn nắm hổ đằng đuôi rồi: bạn nhận gian nan quá sức bạn.

(Richard Spears, McGraw-Hill Dictionary of American Idioms and Phrasal Verbs (2005))

## Ngữ Vựng để thỏa chí tò mò

Tiếng Pháp hổ đực gọi là TIGRE (tiếng Anh TIGER), hay tên khoa học thuộc loài mèo, chi là Panthera và loài là tigris, (từ tiếng Latin, và tiếng Hy Lạp **tigris**.) Hổ cái tiếng Pháp là tigresse. Tiếng Anh là tigress. Tự điển Larousse tra nghĩa bóng tigre: extrêmement jaloux và cho thí dụ: Jaloux comme un tigre, femme aggressive (Có lẽ mấy nhà soạn tự điển ám chỉ mấy cô hay bà đầm chân dài, và có móng đõ chằng?) Tự điển The American Heritage Dictionary Fourth Edition thứ lớn cũng viết tigress là hổ cái, và ngụ ý chỉ một



người đàn bà regarded as aggressive, audacious and fierce.

Hổ có thể sinh con với sư tử. Hay ngược lại. Hổ con mà bố là hổ, mẹ là sư tử lai giống: **Tigron** hay Tiglon (Pháp). Tiếng Anh **Tiglon** (hay tigon). Thế bố là sư tử, mẹ là hổ, con lai tiếng Pháp gọi là gì? -**ligron** hay tigon.

Collective noun: Một **đoàn** hổ với nhau gọi là an **ambush of tigers** or a **streak of tigers**.

## PHẠM TRỌNG LỆ -

Viết xong 15 tháng 11, 2021

## Tham Khảo

- Bài này dùng tài liệu trong wikipedia tiếng Anh và tiếng Việt.
- Huỳnh Sanh Thông. The Tale of Kiều. Yale, 1983
- LVD & LNT. Việt Nam Tự Điển. Khai Trí, 1970
- Đào Duy Anh. Tự Điển Truyện Kiều. 1971
- William Harmon. The Top 500. New York: Columbia University Press, 1992.
- Bùi Kỷ & Trần Trọng Kim. Truyện Thúy Kiều. 7<sup>th</sup> ed. Đại Nam, 1925 (rpt).



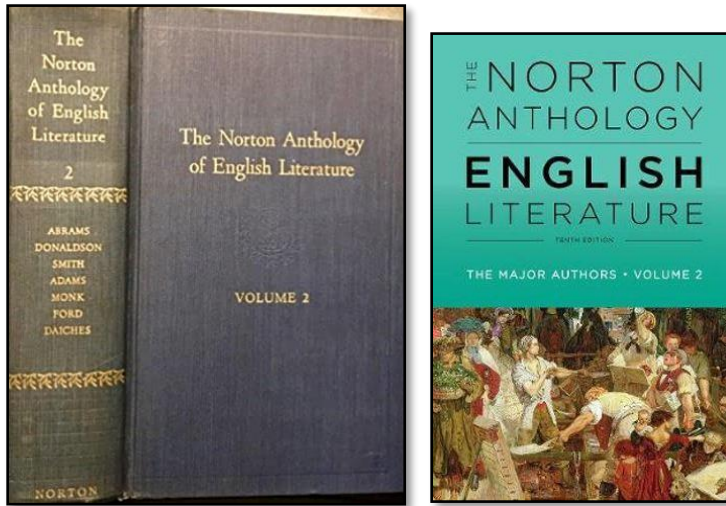
Bài Giảng Cuối Cùng Của Vị Giáo-Sư Kiệt Xuất Năm Ông 98 tuổi

## The Fourth Dimension of a Poem:

M. H. Abrams Và Cách Đọc Thơ

Tóm lược của **Phạm Trọng Lê**

(Trong tạp chí Cỏ Thơm số 95, tháng 3, 2021 - trang 96-106)



***Bộ sách này là cột trụ của nhà xuất bản W.W. Norton. The Norton Anthology of English Literature (bìa của 1<sup>st</sup> ed. 1962; 10<sup>th</sup> ed. 2020)***

Bài này có ba mục đích là (1) lược qua bộ sách Hợp Tuyển về văn chương Anh nhan đề The Norton Anthology of English Literature, bộ sách gối đầu giường của sinh viên văn chương Anh, được tái bản tới 10 lần trong 48 năm. (2) Bài cũng thuật lại sự nghiệp giáo dục và khảo cứu của M. H. Abrams (Sinh viên và đồng nghiệp thân mật gọi Ông là “Mike”), từ lúc còn là một học sinh mê đọc sách và thơ đến khi là sinh viên được học bổng lên Harvard và suốt những năm làm dạy học. (3) Sau hết, nhưng là điểm chính của bài là đọc giả nghe một video bài giảng về cách đọc thơ. Trong bài giảng này, giáo sư đã làm cho sinh viên ngại đọc thơ, không hiểu thơ trở thành yêu thơ, hiểu các khía cạnh một bài thơ, nhất là những điều không nói rõ trong bài thơ. Đáng để ý là bài giảng này giáo sư và phê bình Mike Abrams đọc vào tháng 11, năm 2010 lúc ông 98 tuổi tại trường đại học Cornell, thành phố Ithaca, tiểu bang New York là nơi ông dạy từ năm 1945.

## M. H. Abrams: Tiểu sử Và Tác Phẩm



*M. H. Abrams khi đọc lecture Nov. 2010*

**M. H. “Mike” Abrams**, giáo sư phân khoa English tại Đại Học Cornell từ 1945, nhà phê bình văn chương lãng mạn Anh thế kỷ 19, giữ chức vụ Tổng biên tập General editor đầu tiên của bộ sách nhan đề là The Norton Anthology of English Literature ra mắt lần thứ nhất năm 1962 và tiếp theo sáu lần tái bản kế tiếp. Từ lần tái bản thứ 7 đến thứ 10 năm 2020, quyền Tổng chủ biên được trao cho giáo sư Stephen Greenblatt, một học giả uyên thâm chuyên về Shakespeare tại Phân khoa English, Harvard University. Ấn bản thứ 10 gồm có sáu cuốn đặt tên từ A đến E.

Bộ sách ngay từ ấn bản đầu in bằng giấy mỏng thật tốt, thứ giấy để in kinh thánh. Ấn bản đầu in “để sinh viên có thể tiện mang trong túi sách tay khi đổi lớp trong khuôn viên đại học và còn có thể đọc ở mọi nơi, phòng riêng của mình, trong lớp học, dưới gốc cây.” (Theo Hillel Italie, The Times of Israel, 22 April 2015).

**Giáo sư Abrams qua đời hôm 21 tháng Tư năm 2015 tại Kendall, Ithaca, thọ 102 tuổi 10 tháng.**

**Gia đình** Ông di cư từ Đông Âu, tới Long Branch, New Jersey, theo đạo Do Thái. Cha làm thợ sơn, sau làm chủ tiệm sơn và giấy hoa dán tường. Năm 1930, 18 tuổi, ông là người con đầu trong gia đình được học bổng lên Harvard. Chọn học môn English, vì đó là môn ông mê thích. Lúc đó là thời kinh tế khủng hoảng, Ông nói: “Ngành nào kiếm việc cũng khó, thôi thì chọn văn chương Anh để nếu đói thì đói mà vui hơn là đói mà phải làm việc mình không thích.” (Nói chuyện nhân dịp sinh nhật 100 tuổi). Sau khi đỗ Cử nhân, năm 22 tuổi, ông được

học bổng Henry Fellowship sang Magdalene College, đại học Cambridge; tại đây ông được hướng dẫn và khuyến khích bởi vị “tutor” nổi tiếng là giáo sư I. A. Richards, chuyên về phê bình văn chương, tác giả cuốn Principles of Literary Criticism, Practical Criticism, Basic English, the Meaning of Meaning. Năm sau 1935, ông trở lại Harvard học cao học, 2 năm sau đỗ M.A., và đỗ Ph.D. năm 1940 cũng tại đây. Năm 1945, lúc ông 33 tuổi, ông được Cornell English Department mời làm giảng sư. Và ông dạy, soạn sách, diễn giảng tại đại học này và nhiều đại học khác như Toronto, UCLA, British Columbia, và Oxford, gần như suốt đời ông, ngoài một thời gian ngắn trước khi mất. (Theo Wikipedia; The Norton Anthology of Literature – Britannica)

Lòng say mê và tận tụy trong việc giảng dạy và khảo cứu văn chương Anh được sinh viên và học giả trên thế giới ngưỡng mộ. Ông nói năm 1999: “Chúng ta là con người vì vậy không có gì làm chúng ta thích thú hơn là nhân loại. Cái quyền rũ của văn chương là văn chương thật là một việc hoàn toàn của con người – tao ra bởi con người, làm cho con người và viết về con người. Nếu chúng ta bỏ mất tiêu điểm đó, chúng ta hoàn toàn bỏ đi nguồn gốc của sức mạnh và tính vĩnh cửu của văn chương. (Abrams’ passion and dedication to literary scholarship was highly regarded by students and scholars the world over. “We are human, and nothing is more interesting to us than humanity,” Abrams said in 1999. “The appeal of literature is that it is so thoroughly a human thing – by, for and about human beings. If you lose that focus, you obviate the source of the power and the permanence of literature.”) (**Cornell Chronicle**, M. H. Abrams, beloved professor, literary scholar, died at 102. Bài do Daniel Aloï, April 22, 2015, [link News.cornell.edu](http://link News.cornell.edu))

Trong Đệ Nhị Thế Chiến, ông phục vụ trong Phòng Thí Nghiệm Tâm-Âm the Psycho-Acoustics Laboratory ở Harvard. Ông mô tả việc nghiên cứu công việc truyền đạt âm giọng trong môi trường ồn ào (như ngoài mặt trận) bằng cách lập ra những mật mã quân sự nghe rất rõ và làm trắc nghiệm tuyển nhân viên lựa người có khả năng siêu đẳng có thể nhận ra âm giọng trong môi trường ồn ào. (wikipedia)



Ông lập gia đình với bà Ruth Claire Gaynes. Ông bà sống chung được 71 năm. Bà mất năm 2008. Tháng July 2012, ông được 100 tuổi. Tháng July 2013 Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama trao tặng Ông huy chương cao quý National Humanities Medal tại Tòa Bạch Ốc.

**Ông có nhiều môn sinh xuất sắc.** Trong số đó ở Cornell có những vị nổi tiếng như giáo sư và phê bình văn học **Harold Bloom**, (đỗ Ph.D. năm 25 tuổi, học bổng Fulbright, giải thưởng MacArthur Fellowship, giáo sư xuất sắc tại Yale trong 64 năm, từ 1955 -2019; dạy lớp học cuối cùng 4 ngày trước khi từ trần). Tiếp theo là nhà phê bình văn học, và nhà văn **E. D. Hirsch**, giáo sư tại University of Virginia, tác giả Dictionary of Cultural Literacy. Tiểu thuyết gia **William G. Glass** (As Good as Can Be) và **Thomas Pynchon** (tiểu thuyết gia, được giải MacArthur Fellowship, tác giả cuốn V. (1963), Gravity's Rainbow (1973), ông học tiếp tại Cornell sau khi giải ngũ ở hải quân trở về.

Ngày March 4, 2008, gs. Mike Abrams được vinh danh chức Class of 1916 Professor of English Emeritus tại Cornell.

**Cuốn sách nổi tiếng nhất** của ông cũng là luận án tiến sĩ ông bảo vệ tại Harvard năm 1940, sau hơn 10 năm bổ chính, được University of Oxford in năm 1953, sau nhà xuất bản W.W. Norton & Company in lại năm 1958, **The Mirror and the Lamp: Romantic Theory and the Critical Tradition** – mà sinh viên môn học phê bình văn chương đều đọc – được xếp hạng thứ 25 trong bảng 100 cuốn sách non-fiction không phải là tiểu thuyết, xuất sắc trong thế kỷ 20 do nhà Modern Library chọn. (Modern Library list of the greatest English-language nonfiction books of the 20<sup>th</sup> century.) (100 Best Nonfiction) (link: modernlibrary.com)

Được khen là cuốn sách “khai phá” ground-breaking về phê bình văn chương nhằm nêu rõ thi tài của Byron, Keats, và các nhà văn thơ lãng mạn Anh khác. Abrams lý luận rằng cho đến khi có các nhà thơ lãng mạn Romantics, văn chương coi như một tấm gương phản chiếu bắt chước thế giới thực **mimesis**. Tới thời romantics, viết văn thơ như một ngọn đèn mà ánh sáng là linh hồn nội tâm tỏa ra để rọi sáng thế giới. Ông xếp các thuyết văn chương thành 4 nhóm gọi là critical orientations, định hướng phê bình:

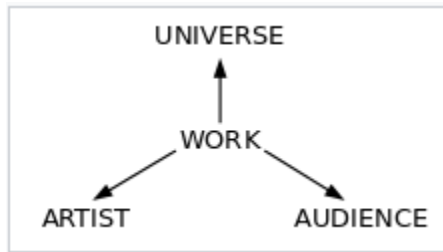
The Mimetic: chú ý tới liên hệ giữa Tác Phẩm và Vũ Trụ, coi như imitating the world and human life, bắt chước thế giới và cuộc sống con người.

The Pragmatic: Chú ý tới liên hệ giữa hiệu quả của Tác Phẩm với Độc giả.

The Expressive: Chú ý tới liên hệ giữa Tác Phẩm và Nghệ Sĩ.

The Objective: Chú ý đến “đọc kỹ” (close reading) chính Tác Phẩm.

(Độc giả có thể xem một bài thơ giảng theo phương pháp close reading tại Cỏ Thơm trong bài Tiếng Chim Hy Vọng Đầu Thế Kỷ - Bài thơ The Darkling Thrush của Thomas Hardy, tr. 33-38, Cỏ Thơm số 90, 2020).



(Abrams, *The Mirror and the Lamp*) (Wikipedia)

M. H. Abrams và các cộng sự biên tập của cuốn *Anthology* từ lần in thứ 1 đến tái bản thứ 6 dưới quyền biên tập của ông, bị một số giáo sư chỉ trích là thiên vị, chỉ chọn đa số tác giả da trắng và phần lớn nam tác giả. Nhưng Norton trong những ấn bản sau, cũng thêm các nữ văn thi sĩ nổi tiếng, và những thi văn sĩ viết tiếng Anh (British writers) nhưng sinh ở ngoài Quần Đảo Anh, như Salman Rushdie (sinh ở Mumbai, India), Chinua Achebe ((sinh ở British Nigeria), V.S. Naipaul (sinh Trinidad và Tabago). Nhà Norton cũng xuất bản những tập anthologies có những African-American, Latinos and nonfiction authors. Theo ý kiến riêng của người viết, có lẽ vì cạnh tranh trong địa hạt sách nhà Oxford University Press cũng đưa ra tuyển tập *Anthology of English Literature*. Tập của OUP có mời những thi sĩ và học giả nổi danh làm biên tập như Frank Kermode, John Hollander, Harold Bloom (môn sinh của Abrams ở Cornell) và Lionell Trilling, nhưng chính Harold Bloom phải nhìn nhận: “We are totally defeated.” Nhà xuất bản Longman bên Anh cũng đưa ra *Anthology of British Literature* nhưng không “địch” nổi. (Xem thêm: *Canonizing the Canonizer: A Short History of the Norton Anthology of English Literature*, by Sean Shesgreen, 2009, *Time Literary Supplement*, dated 16 Nov. 1973, p. 1401.)

### Tác phẩm:

M. H. Abrams cũng là tác giả của 10 cuốn sách trong đó có “*Natural Supernaturalism*” và “*The Milk of Paradise*” về các văn thi sĩ Anh trong trường phái lãng mạn. Ông cũng là tác giả của cuốn *A Glossary of Literary Terms* (Cuốn Tự Vựng Thuật-Ngữ trong Văn Chương, ấn bản đầu tiên 1957, ấn bản thứ 11 năm 2010). Vào dịp kỷ niệm ông được 100 tuổi, nhà Norton xuất bản cuốn **The Fourth Dimension of a Poem** and Other Essays trong đó có 9 bài essays và bài tựa do môn sinh xuất sắc của ông, là g.s. Harold Bloom viết.

Nghe nguyên văn bài diễn giảng (lecture) November 2010 lúc ông 98 tuổi tại Đại Học Cornell:  
<https://fourthdimensionofapoem.com/>

**Tóm Lược Bài diễn giảng** – oral recitation of a poem – dài 29 trang (chừng 12,870 chữ, thời gian nghe và đặt câu hỏi của cử tọa kéo dài 1 giờ 20 phút). Khi viết bài này, người viết đã nghe lại nhiều lần bài diễn giảng, và cũng xem lại bài giảng được in lại năm 2012.

M. H. Abrams, the Fourth Dimension of a Poem and Other Essays (New York, London: W.W. Norton Company, 2012).

Mở đầu, tác giả đọc thử để gọi sự chú ý của thính giả (đa số là sinh viên và một số giáo sư) và dùng làm thí dụ câu đầu của cuốn tiểu thuyết LOLITA của nhà văn gốc Nga Vladimir Nabokov, một thời dạy tại Cornell. (Cuốn sách này nổi tiếng về một ông giáo sư đã mê cô gái Mỹ Lolita lúc ấy 12 tuổi và phải chịu hậu quả về hành động của ông.)

*“Lolita, light of my life, fire of my loins. My sin, my soul, Lo-lee-ta: the tip of the tongue taking a trip three steps down the palate to tap, at three, on the teeth. Lo. Lee. Ta*

*Lolita, ánh sáng đời tôi, lửa dục ở lòng tôi. Tội lỗi tôi, linh hồn tôi. Lo-lee-ta: đầu lưỡi lướt ba bước xuôi xuống cửa miệng để vỗ nhẹ, tại bước ba, chạm lên răng. Lo.Lee.Ta.*

Nhân vật Humbert Humbert bị ám ảnh với nàng Lolita đã làm ông không còn nhạy cảm với một sự thật mà chúng ta thường lãng quên: đó là sự sử dụng ngôn ngữ liên can đến một phần vận động các bắp thịt môi, lưỡi, răng, thanh môn, và hơi phát ra để tạo chữ thành tiếng. Bằng cách quan tâm đến những từ ngữ, chúng ta ý thức những cảm giác gây nên do sự di chuyển và xúc giác khi ta tạo nên những hoạt động này. Điều tôi muốn nhấn mạnh là khi một người cố tình hay không ý thức, cũng tận dụng khía cạnh thể lực của ngôn ngữ. Chính phần này – phần phát âm – là phần tôi gọi là **Chiều Thứ Tư Của Một Bài Thơ**.” (A **video** of the lecture delivered in November 2010 at Cornell is available at [fourthdimensionofapoem.com](http://fourthdimensionofapoem.com)).

Người ta có thể nói là có bốn **chiều** của một bài thơ phối hợp với nhau để tạo nên hiệu quả trọn vẹn khi ta đọc một bài thơ. Chiều thứ nhất là khi nhìn rõ hình dung, chỉ dấu cho bạn đọc ấn bản bài thơ là một bài thơ chứ không phải là một đoạn văn xuôi, và ra những dấu hiệu thị giác về chỗ nhanh chậm, ngưng, nghỉ, và *ngữ điệu* trong cách đọc của bạn. Chiều thứ hai là âm thanh của từ ngữ khi được đọc to–hay khi đọc thầm. Chiều thứ ba, chiều quan trọng nhất, là **ý nghĩa** của những chữ bạn đọc hay nghe. Chiều thứ tư – một điểm hầu như bị sao lãng hoàn toàn trong khi đọc thơ – là việc *phát âm* rõ ràng những *âm tiết* tạo nên *âm lời* cùng *thanh điệu* thành những tiếng thơ.

Điều quan trọng là không có cách đọc một bài thơ nào có thể dùng làm *kiểu mẫu* cả. Những người đọc thơ *sành* mỗi người đọc một khác nhau. Ngay cả một người đọc thơ cũng không đọc hai lần giống hệt nhau. Khi còn là sinh viên, tôi (Abrams) đã nghe T.S. Eliot, Ezra Pound,

và E. E. Cummings đọc thơ của họ, mỗi người đọc một cách khác nhau, nhưng họ đều đọc rất hay. Tôi đã nghe Robert Frost *nói* những bài thơ của ông, rất có hiệu quả, và tôi đã nghe Dylan Thomas *đọc* thơ ông bằng giọng Irish như một người ca sĩ hát một bài ca, rất hay. (Ghi thêm: Robert Frost reads The Road Not Taken, hay Dylan Thomas reads Do Not Go Gentle Into That Good Night). [Xin vào Google đánh vào hàng chữ “Robert Frost reads The Road Not Taken.” Tương tự, vào Google đánh hàng chữ “Dylan Thomas reads Do not Go Gentle Into That Good Night.”]

Sau phần mở đầu mỗi bài thơ, và giảng những điểm cần lưu ý, diễn giả đọc bài thơ ấy chậm rãi kỹ lưỡng, trầm ấm của một ông giáo sư luống tuổi, nhưng mạch lạc, tỉnh thoảng điểm một chút khôi hài làm cử tọa cười rộ. Cứ thế diễn giả dắt cử tọa theo ông lần lượt nghe 6 bài thơ mà ông rất thích, mỗi bài diễn giả nhấn mạnh đến chiều thứ 4 là phần tác giả đọc bài thơ ngắn gọn và độc đáo và không quên nhận xét, là *những điểm gián tiếp, gợi ý, bóng gió, không nói rõ trong bài thơ lại dẫn đến những điểm tuy không nói ra mà đưa đến chiều rộng và chiều sâu của ý nghĩa bài thơ*. Thí dụ trong bài Mansion của A.R. Ammons, (xem bên dưới, bài thơ số 6)

Tóm tắt, thời gian 6 bài thơ g.s. Abrams chọn đọc và giảng:

-The physical aspects of a poem. Time: 00:03:36: Mào đầu: Những khía cạnh vật chất của một bài thơ (36 phút)

-The Fourth dimension of a poem. Time: 00:05:11 (Chiều thứ Tư của một bài thơ)

1. W. H. Auden, “On This Island” (1936) Time: 00:11:10
2. Emily Dickinson. “A Bird Came Down the Walk” (1862) Time: 00:25:42
3. William Wordsworth, “Surprised by Joy (1815). Time: 00:30:25
4. Alfred, Lord Tennyson, “Now Sleeps the Crimson Petal” (1847). Time: 00:35:28
5. Ernest Dowson, “Cynara” (1891). Time: 00:45:26
6. A.R. Ammons, “Mansion” (1963). Time: 00:55:54

**Tóm Tắt.** Dưới đây, người viết ghi lại vài điểm chính đã nghe trong video bài thuyết giảng của g.s. Abrams và kiểm lại trong cuốn sách vừa bàn ở trên, từ những trang 1-29:

## **6. Auden: “On This Island” (1936)**

Auden viết bài thơ này khi ông 26 tuổi. Ông tả mặt biển và bờ biển phía Đông Nam Great Britain. Ông bắt đầu bằng “Này, người bạn chưa quen” “Look, stranger,” nói thẳng với người đọc cùng nhìn: quần đảo lúc đó đang gội dưới ánh nắng mặt trời và đang vang tiếng sóng vỗ rạt rào không ngừng. Ông dùng nhiều kỹ thuật như lập lại phụ âm (alliteration), nguyên âm (assonance), âm sát.



The leaping light for your delight discovers.

(repetition of the l's; alliteration, lặp lại âm đầu để gây hiệu quả)

The swaying sound of the sea (last line of the first stanza)

That pass the harbor mirror

And all the summer through water saunter.

(sibilant sounds xát âm như /s/, /z/, /sh/ /dz/ /tch/...)

Tưởng tượng bạn, một người chưa bao giờ viếng nước Anh, đang đứng ở Dover phía Đông Nam Quần Đảo Anh nhìn về phía trước mặt, nhìn cảnh biển sẽ có một ấn tượng thế nào.

## 2. Dickinson, “A Bird Came Down The Walk”



Cả bài thơ gồm những câu ngắn và chữ ngắn, hợp với con chim cổ đỏ robin đang đi kiếm mồi. Mỗi câu thơ đều ngắn, tả phần nào vẻ nhanh nhẹn, tinh anh, cẩn thận của con chim được nhân cách hóa. Diễn giả lưu ý người nghe đến cách đặt chữ và ngừng một chút trước chữ “raw”: loài vật ăn tươi con vật khác một cách lạnh lùng.

.....

**He bit an Angleworm in halves**

**And ate the fellow, raw,**

**And then he drank a Dew**

**From a convenient Grass—**

**And the hopped sidwise to the Wall**

**To let a Beetle pass—**

Những nhịp thơ hơi lỏng-lẻo looser iambic trimeter, câu thơ ngắn gọn như tả dáng điệu nhanh nhẹn, cẩn thận, hơi sợ sệt của con chim nhỏ.

## 3. William Wordsworth’s “Surprised by Joy” (1815)

Trong một ghi chú khác, Wordsworth cho ta biết là bài “Surprised by Joy” nói về con gái ông tên là Catherine chết năm cách đó một năm, lúc mới 4 tuổi. Bài sonnet viết theo kiểu thơ sonnet của thi sĩ Ý Francesco Petrarach nên gọi là Petrarchan sonnet gồm 14 dòng: phần octave 8 dòng đầu và phần sestet 6 dòng sau. Abba acca dedede hơi đổi một chút.

Nhưng điều làm cảm động là thi sĩ để tình cảm tự nhiên tuôn trào theo cảm hứng (spontaneous overflow of powerful feeling). Đây là một bài eulogy bi-ca. Thi sĩ đang suy ngẫm về một điều bất chợt đem lại một giây phút hạnh phúc, và có ý muốn chia sẻ với con gái Catherine, nhưng, ồ! Ông chợt đau xót nhận ra là con gái ông đã chết cách đó 4 năm (1812),

hiện đang nằm trong lòng mộ yên ắng. Cha đâu sao có thể mù quáng mà quên con được. Bài thơ là một đau xót lớn lao.

#### 4. Alfred, Lord Tennyson, “Now Sleep the Crimson Petal” (1847)

Tennyson sinh vào thời nữ hoàng Victoria là thời các văn thi sĩ phải gò bó khi mô tả đến tình dục. Tennyson né tránh khi tả về cảnh sex bằng cách tả những hình ảnh gián tiếp và dụng ý dùng những chữ tạo hình gợi dục.

Như đoạn đầu, trong vườn ông tả những cánh hoa màu đỏ nằm *ngủ* sleeps. Những con đom đóm đánh thức những cánh hoa màu trắng, bụi hồng, hững cây bách, khu vườn dẫn đến một cái hồ có cây sung, đom đóm...

Sáu chữ “now” và “me”, “to me”; “unto me” và hai lần “in me”, “in me” gợi nên những hồi thúc vội vã của cuộc “giao hoan” thần thoại giữa thần Zeus và Danae – trong giới hạn thời đại Victoria. Những chữ *now* và *me*

**Me. Now, now, now, now; with me, to me, unto me,  
in me, in me  
Now lies the Earth all Danae to the stars,  
And all thy heart lies open unto me.  
Now folds the lily all her sweetest up,  
Slips / Into the bosom of the lake.**

#### 5. Dowson, “Cynara” (1891).

Chủ đề: Lost love, lòng khát khao nhớ người tình cũ là Cynara. Cynara tiếng Hy Lạp có nghĩa là artichoke a-ti-sô có rễ củ dùng làm rau. Đây là thời văn chương có tên là fin-de-siècle decadence (thời suy đồi cuối thế kỷ 19 – bên Pháp thì có Baudelaire (les Fleurs du Mal, [The Flowers of Evil]), Verlaine, còn bên Anh thì có Ernest Dowson, Arthur Symons, Oscar Wilde, etc...)

Diễn giả đưa ra nhận xét so sánh nhịp thơ 1-2-3 như những bước nhảy điệu valse (The rhythm of the poem in a house of prostitution is compared to a Waltz by J. Strauss). Câu đầu bằng tiếng Latin *Non sum qualis eram bonae sub regno Cynarea* (=I am not as I was in the reign of good Cirana) mượn của nhà thơ Latin Horace. Dù khi đang chia sẻ dục tình với những người con gái giang hồ nào, anh ta vẫn không quên nàng Cyrana, và anh lý luận, theo cách của anh, anh vẫn ‘trung thành’ với Cyrana. I have been faithful to thee, Cyrana! In my own fashion.

**6. A. R. Ammons, “Mansion” (1963).** Thi sĩ yêu thiên nhiên và sinh vật trên quả đất, trong bài thơ ngẫm vinh danh giá trị của cuộc đời khi còn sống, và chấp nhận sự kiện sẽ có một

ngày ông không còn ở trên đời, như đang ở một ngôi nhà khiêm tốn, biết rằng ở nơi gọi là thiên đàng có một lâu đài dành sẵn cho ông.

Theo diễn giả, thi sĩ Ammons được một đồng nghiệp tại Cornell – Roger Gilbert–người đang viết tiểu sử của thi sĩ cho biết chữ *mansion*, tòa lâu đài gợi ý đến câu An empty mansion của một bài tụng ca (hymn) lưu giữ trong gia đình thi sĩ.

**Here I labor and toil and I look for a home,  
Just a humble abode among men,  
While in heaven a mansion is waiting for me  
And gentle voice pleading “come in.”**

Câu này, theo Abrams, gần với câu trong kinh thánh: John 14:2 “In my Father’s house are many mansions.”

Lời nhận xét này của diễn giả khiến người nghe hiểu thêm ý nghĩa đầu đề bài thơ Mansion của Ammons. Ước vọng của thi sĩ là khi ông không còn trên đời, ông nhờ gió thổi cát bụi thân ông về đồng bằng để ông có dịp ngắm bông hoa xương rồng và con chim hồng tước và cùng với gió chờ những phút hoàng hôn và đón những phút rạng đông.



***The ocotillo – hoa xương rồng***



***The wren – chim hồng tước***

Xin mời độc giả đọc nghe toàn bài qua video “Chiều thứ tư của một bài thơ.”  
<https://fourthdimensionofapoem.com/>

Viết xong tại Virginia, Sept. 24, 2021, bổ chính 2/18/2022

**Phạm Trọng Lệ**

## Khi tôi chết, hãy đem tôi ra biển – Du Tử Lê



Nếu tôi nhớ không lầm thì, cuối năm 1977, khi tôi còn ở một căn apartment đường Harbor, thành phố Costa Mesa, ở miền nam Cali, làm tờ báo tên Quê Hương với một vài bạn trẻ thất lạc gia đình... Một một buổi tối, anh Nguyễn Anh Tuấn, một người trong nhóm; khi đó làm công cho một tiệm bánh donut ở vùng Los Angeles; dẫn một người tên thanh niên đen đúa tên là Trần Cao Sáng đến gặp chúng tôi. Anh Sáng kể cho chúng tôi nghe cuộc vượt biển của anh từ Việt Nam. Khi đó chúng ta chưa có danh từ “thuyền nhân / boat people.” Anh TCS là người vượt biển đầu tiên, cách đây 31 năm mà chúng tôi được gặp.

Hành trình, sự liều lĩnh, những thảm kịch trên biển, được nghe từ anh Sáng khiến tôi bàng hoàng, choáng váng. Câu chuyện của anh Sáng ám ảnh tôi nhiều tháng. Cuối cùng, để giải tỏa và, cũng do sự gợi hứng từ câu chuyện của Trần Cao Sáng, tôi viết bài “Khi tôi chết, hãy đem tôi ra biển.”

Bài thơ đi ra trong mặc cảm đã bỏ lại vợ, con, mẹ già ở quê nhà.

Thời điểm này, số người Việt tỵ nạn bị phân tán mỏng khắp nơi. Chưa ai ra khỏi cơn địa chấn đau thương của biến cố 30 tháng 4.

Ở thời điểm đó chúng tôi ra đường, đi làm, rất khó tìm được một người đồng hương! Không một ai trong những năm đầu tỵ nạn kia, dám mơ tưởng rằng, tương lai, có ngày người Việt tụ tập lại và, hình thành những sinh hoạt hội đoàn, cộng đồng như đã, vào cuối thập niên 1980. Khoan nói tới việc có thể về thăm quê hương, đầu thập niên 1990, khi Mỹ bỏ cấm vận Việt Nam.

Tôi muốn nói, những câu thơ như: “khi tôi chết, hãy đem tôi ra biển / và trên đường hãy nhớ hát quốc ca...” ra đời trong tâm cảm hoàn toàn tuyệt vọng đó.

## **khi tôi chết hãy đem tôi ra biển**

*khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
đời lưu vong không cả một ngôi mộ  
vùi đất lạ thịt xương e khó rã  
hồn không đi, sao trở lại quê nhà*

*khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
nước ngược dòng sẽ đẩy xác trôi đi  
bên kia biển là quê hương tôi đó  
rặng tre xưa muôn tuổi vẫn xanh rì*

*khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
và nhớ đừng vội vuốt mắt cho tôi  
cho tôi hướng vọng quê tôi lần cuối  
biết đâu chừng xác tôi chẳng đến nơi*

*khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
đừng ngập ngừng vì ái ngại cho tôi  
những năm trước bao người ngon miệng cá  
thì sá gì thêm một xác cong queo*

*khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
cho tôi về gặp lại các con tôi  
cho tôi về nhìn thấy lệ chúng rơi  
từ những mắt đã buồn hơn bóng tối*

*khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
và trên đường hãy nhớ hát quốc ca  
ôi lâu quá không còn ai hát nữa  
(bài hát giờ cũng như một hồn ma)*

*khi tôi chết nỗi buồn kia cũng hết  
đời lưu vong tận huyết với linh hồn*

**Phạm Đình Chương** phổ nhạc

Lê Hồng Quang hát:  "[Khi tôi chết, hãy đem tôi ra biển](#)" (mp3)

# Carry my body to the sea when I am dead

Poem by Du Tử Lê  
Translation by Phạm Trọng Lê

Carry my body to the sea when I am dead.  
An exile when living, I don't have a tomb instead.  
If buried in a strange soil, my body may not decay,  
Yearning for the motherland, my suffering soul won't fly away.

Carry my body to the sea when I am dead.  
Against the current, westbound my body has fled  
Over the ocean 'til my native land is seen,  
Where groves of bamboos are forever green.

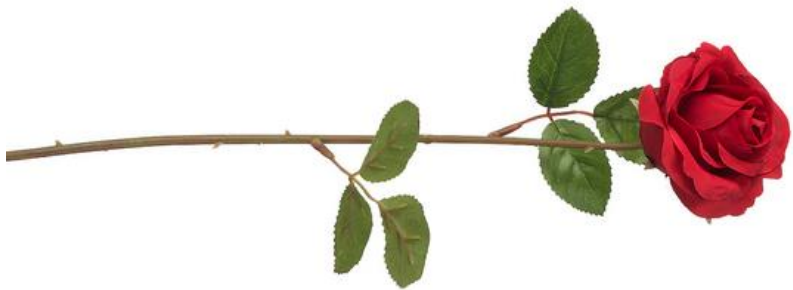
Carry my body to the sea when I am dead.  
Be not too quick, remember, to close my eyes yet.  
Let me see one last time my ancient nation,  
Lest my body may never reach its destination.

Carry my body to the sea when I am dead.  
Don't hesitate or feel sorry for the fate I met:  
In yesteryears, thousands had been food for fish,  
One more twisting body won't add to it, I wish.

Carry my body to the sea when I am dead.  
Let me come back to see my children unfed,  
Let me come back to see their tears of sadness,  
From their sockets, sadder than night's darkness.

When I am dead, carry my body to the sea.  
On thy way, sing our national anthem, I pray thee!  
O! for so long, no one has sung it again in faith,  
So the song now floats like an unknown wraith.

When I am dead, my sorrows will cease to be  
This life in exile, its soul will set it free.



**TƯỢNG NIỆM**  
**Giáo Sư PHẠM TRỌNG LỆ (1938-2022)**



Ảnh chụp ngày: 7/21/2022

**Biên soạn:**

**Phan Anh Dũng**

(Rockville, Maryland USA)

**Thực hiện: 31 tháng 7 năm 2022**

Vui lòng gửi thêm tài liệu và ý kiến xây dựng về: [dathphan1@gmail.com](mailto:dathphan1@gmail.com)